

đốt biên giới

doãn quốc sỹ | 鄧國士
truyện dài

sáng tạo

xuất bản tại Việt Nam năm 1966

tái bản tại hải ngoại năm 2017

nhập liệu: DOẢN LIÊN

trình bày: NGUDIHI

WEBSITE: doanquocsy.com

GIA ĐÌNH GIỮ BẢN QUYỀN

ALL RIGHTS RESERVED

doãn quốc sỹ

ĐỐT BIÊN GIỚI

truyện dài



sáng tạo

MỤC LỤC

Chương 1		trang 1
Chương 2		trang 7
Chương 3		trang 31
Chương 4		trang 39
Chương 5		trang 49
Chương 6		trang 57
Chương 7		trang 65
Chương 8		trang 75
Chương 9		trang 83
Chương 10		trang 91
Chương 11		trang 113
Chương 12		trang 127
Nhật Tiến		
Một vài kỷ niệm với nhà văn Doãn Quốc Sỹ		trang 137

CHƯƠNG 1

Hôm nay phi tuần của Thuận chỉ gồm có hai chiếc khu trục, mỗi chiếc hai tầng, toàn là bồ với nhau cả, lẽ cố nhiên trưởng đoàn vẫn là Thuận. Trận đánh bao vây một mật khu của địch tại lưu vực sông Cửu Long sáng nay khá lớn, tuy nhiên địch cũng đã phải vội vã rút lui khi gặp hỏa lực của đoàn chiến sĩ mũ đen sử dụng thiết vận xa. Hai chiếc M.113 của mình bị đạn địch, xịch đứt tung nhưng máy thì không sao cả. Phi vụ hôm nay của Thuận chỉ là yểm hộ phòng xa cho chiếc C.47 thả dù số phụ tùng cần thiết xuống để sửa gấp hai thiết vận xa bị mắc cạn đó. Trên đường về bay cao trên bảy ngàn bộ, tự nhiên Thuận thấy lòng phơi phới vì chợt nhớ ngày nào kể lại với Huyền kỷ niệm lần đầu tiên thoát ly huấn luyện viên để bay một mình. Không gian trong phi cơ thênh thang hẳn vì vắng lặng, không còn tiếng

quang quác của huấn luyện viên ngồi phía sau mà nheo mắt mở qua *interphone*.

Có tiếng Hội, anh chàng đoàn viên của Thuận, từ chiếc khu trục bên kia dùng máy vô tuyến nói sang:

- Thuận ơi, nhìn về phía 11 giờ khoảng hai ngàn bộ bên dưới, *stratus* đẹp không mà?

Thuận đưa mắt nhìn xuống, nhích sang bên trái một chút, một dải mây trắng như tuyết, nõn như bông và phẳng lì như dải lụa căng, đôi chỗ màu trắng chợt óng ánh như biết nhẹ nhàng nhào lộn để giỡn với nắng trông thật dí dỏm như... như nụ cười của Huyền. (Nụ cười của Huyền thì luôn luôn dí dỏm!)

Thuận truyền sang bảo Hội:

- Nhào xuống đi *ski* mà!

Tiếng Hội:

- Thôi đi ông nội ơi, bên dưới khoảng đó có thể bắt chợt gặp cao xạ của địch.

Thuận quay lại nhìn thẳng bạn phi công ngồi phía sau, khẽ nháy mắt rồi tiếp tục:

- Mà đừng quên tao là trưởng toán. Trưởng toán ra lệnh: “Nhào vô!”

Thuận hơi đẩy cần lái về phía trước, kim chỉ cao độ cũng từ từ quay ngược lại, chiếc khu trục của Thuận đã nhào xuống, rồi vun vút lướt trên

mặt phẳng bao la và trắng nõn nà của dải mây *stratus*. Chiếc khu trục kia của người bạn tất nhiên cũng nhào theo như bóng theo hình và lướt song song bên tay mặt. Thuận có cảm tưởng đương bay sâu vào nụ cười mênh mông của Huyền.

Đã hai tháng từ ngày chú Quát tử nạn, hôm nay có lẽ là lần đầu tiên hình ảnh Huyền trở lại đây ập như xưa. Trí óc Thuận luôn luôn tỉnh táo, Thuận là phi công thời chiến mà. Thuận vừa tự thưởng thức cảnh “trượt tuyết” trên dải *stratus*, vừa nghĩ đến ... không phải chỉ nghĩ đến Huyền, mà còn chú Quát: cái chết bất ngờ và thảm thê của chú. Trí óc con người thật vô địch về khả năng dung hợp mâu thuẫn, dung hợp cả thời gian lẫn không gian.

Đã là phi công từ mấy năm mà tới hôm đó Thuận mới được chính mắt mình trông thấy cái chết bi thảm về tai nạn phi cơ: cái chết của chú Quát. Chỉ có ba người trong chiếc *Cessna* đó, cả ba cùng tử nạn, nhưng viên phi công và người bạn đồng hành kia của chú Quát chỉ bị cháy sém chút ít quần áo, riêng chú Quát không sao còn nhận diện được nữa. Người dân quanh đấy nói là phi cơ vừa rớt xuống khoảng gần bụi tre, xăng chưa bùng lên. Họ còn thấy có một bàn tay thò ra vẫy vẫy, nhưng không ai dám lại, sợ chột nổ, rồi phi cơ bùng cháy. Từ thể chú Quát chết cháy tay chân co quắp, và cũng đành để vạ liệm, chiếc áo quan phải thừa rộng hơn. Bàn tay trái của chú Quách mất tích, chỉ còn trơ khoảng đầu xương cổ tay cháy đen. Chẳng

biết bàn tay thò ra vẫy vẫy có phải là bàn tay mất tích của chú chăng?

Hai tháng qua rồi nhưng Thuận còn nhớ. Ngày đó cái chết thê thảm của chú Quát làm rỗng cuộc đời, cả mối tình cảm của Thuận hướng về Huyền cũng trở thành rỗng. Chính Thuận lợi dụng mấy ngày nghỉ đó để tả xung hữu đột: nào đứng trông nom việc liệm, nào đi thừa áo quan, nào đi thuê nhà đòn... Nhân một lần Thuận tạt về, Huyền nhất định đòi theo, nhưng Thuận khéo cản, nói là còn đi gặp cấp trên của chú Quát để lấy một vài giấy tờ chúng nhận cần thiết. Huyền buộc lòng phải trở về phòng ôm mặt khóc âm thầm. Khi mọi công việc đã xong xuôi, áo quan đã chở đến chùa Phổ Quang - nghĩa trang Bắc Việt cũ - Thuận mới để cho Huyền tới. Thuận đã tránh cho Huyền khỏi thấy cảnh thi hài của chồng bị cháy đen co quắp. Khi việc an táng chú Quát xong, Thuận trở về nhà nằm vật xuống ngủ thiếp đi, ngủ trong sự trống rỗng của cuộc đời, cho đến lúc chị Ninh vào đánh thức dậy. Hôm sau Thuận nhận nhiệm vụ làm trưởng toán một phi tuần gồm bốn khu trực lên đường thi hành một phi vụ khá quan trọng, và phi vụ đã đạt được kết quả ngoài sức mong muốn của cấp chỉ huy. Nhưng trên đường về, khi Thuận cùng các bạn trên bảy ngàn bộ độ cao lao mình vào khoảng xanh mênh mông của một buổi đẹp trời, Thuận bỗng có cảm tưởng mình và cả phi cơ đương lao vào một sự trống rỗng vô biên. Hi vọng, đau khổ, dục vọng ... không còn gì. Thuận tưởng có thể cho phi cơ lao mãi vào cái trống rỗng vô tận

đó cho đến khi Thuận hoàn toàn trở thành vô giác. Ý nghĩ đó chỉ thoáng qua trong đầu Thuận chừng vài giây. Thuận là quân nhân, Thuận còn các bạn đồng đội đương cùng bay bên tả và bên hữu kia. Rồi trên đường về cùng gặp một *stratus* như hôm nay, và cũng như hôm nay Thuận ra lệnh vui cho các bạn theo mình nhào xuống đi... *ski*. Có lẽ Hội chưa quên chuyện hôm đó nên hôm nay đột nhiên hấn hỏi: “Mày thích *stratus* lắm hả?” Thuận chỉ đáp gọn: “Thích chứ!” Rồi để xua đuổi mọi hình ảnh trước khi về tới căn cứ, Thuận ra lệnh:

- Trở lên bảy ngàn bộ như cũ, mày!

Mười lăm phút sau phi đoàn của Thuận đã bắt đầu xuống thấp dần, khi tới một ngàn bộ thì cũng vừa nhìn thấy đầu phi đạo bên dưới. Thuận tách ra, vòng theo 360 độ và hạ xuống trước.

Cả vùng phi trường ngùn ngụt nóng, Thuận ra khỏi phi cơ.

CHƯƠNG 2

Thuận đã thay chiếc áo bay, sửa soạn lấy *Lambretta* ra về thì ba thằng bạn cùng phi tuần vẫy gọi và kéo Thuận vào câu lạc bộ sĩ quan. Cả bốn cùng ngồi trên chiếc ghế cao lênh đênh ở ngay quầy rượu. Bọt bia từ đáy ly dâng lên trắng sộp như... mây *stratus*.

Một đồng tiền cho lọt qua khe, hai lần ấn xuống *touche*, một đĩa hát tự động tách ra, cần kim tự động hạ xuống... Tiếng hát trầm trầm của nàng ca sĩ Pháp, tiếng hát trẻ nài như dòng sông lười lỉnh chảy lặng lẽ trong một ngày không có mưa nhưng nhiều mây, rất nhiều mây âm u:

*On se quitte toujours
On se quitte trop vite
Mais quand le cœur hésite
C'est que se meurt l'amour...*

Trước đây hồi còn sống, chú Quát ôm Huyền, Huyền cũng trẻ nải như dòng sông lười lính đó ư?

*Mais quand le coeur hésite
C'est que se meurt l'amour...
... On se quitte toujours¹*

Ngày chú Quát ở Pháp về, đưa Huyền đến thăm vợ chồng chị Ninh, lúc đó Thuận giúp chị Ninh tiếp hai người. Hai người đứng dậy từ biệt khi trời sắp đổ cơn mưa lớn. Mưa đã bắt đầu lất phất rơi. Cái áo đi mưa màu trắng của Huyền tung ra thật đẹp. Khi Huyền đi vào mưa thì muôn vàn sợi mưa biến thành đồ trang điểm cho cả một vùng Huyền đi vào. Ngay buổi đầu vừa gặp Huyền đó, Thuận đã khăng khăng thấy rằng bất cứ cái gì của trời hay của người cũng chỉ để trang điểm cho Huyền.

- Chú Quát sang Pháp đã lâu quá rồi chị Ninh nhỉ? - Ngày đó Thuận hỏi chị.

- Mười lăm năm! - Chị Ninh đáp.

- Giá không lấy thím Huyền, chú dám ở lì bên đó.

- Có thể.

1- Bài hát “On se quitte toujours” do ca sỹ Françoise Hardy trình bày

- Họ cưới nhau ở Paris phải không chị?

- Tháng trước!

- Vừa rồi chú bảo về đây chú phụ trách công việc ở đâu chị Ninh nhỉ?

- Cậu không nghe à? Ở Thủ Đức, trông nom cả nhà máy biến điện ở đấy.

- À vâng em nhớ ra rồi, chú đỗ kỹ sư điện ở bên đó từ lâu, thím Huyền mới đỗ cử nhân vạn vật học. Chắc thím Huyền về đây sẽ đi dạy học.

- Chắc thế.

Thuận sung sướng thấy dòng họ mình có truyền thống cứ gọi nhũ danh người đàn bà, dù nội, dù ngoại, không kể là còn không hay đã xuất giá: chị Ninh, anh Bằng, thím Huyền, chú Quát, v.v... Thuận nói:

- Chú Quát hôm nay không gặp anh Bằng rồi!

- Để chủ nhật này anh chị lên Thủ Đức đáp lễ vậy.

- Chị cho em đi với nhé.

- Càng vui chứ sao!

... Ấy đấy, Thuận lại bị lôi cuốn vào việc ôn lại kỷ niệm rồi. Cảm giác cho phi cơ lao vào cái trống rỗng vô tận vừa qua không còn, cái trống rỗng vô tận đó giờ đây tràn ứ hình ảnh Huyền. «Phải xua đuổi hình ảnh Huyền! Phải xua đuổi

hình ảnh Huyền! Đó là thú tình cảm bất chính.” Thuận nghĩ vậy. Thuận nâng cao ly bia với các bạn làm như vẫn tham dự vào câu chuyện của họ, rồi uống một hơi.

- Nữa chú mày? - Hội hỏi.

- Nữa!

- Xin cô bốn chai 33 nữa.

“Huyền đẹp như một trái nho mọng!” Thuận không thể cấm mình không được nghĩ thế. Ngay từ buổi gặp mặt đầu tiên, Thuận đã nghĩ như vậy. Nhan sắc Huyền có nhiều nét phúc hậu nhưng vẫn sắc sảo. Khi chú Quát đã đưa Huyền ra về rồi - Huyền khoác áo mưa trắng đi vào trong mưa - Thuận cũng trở về góc cũ của mình, uống nốt ngụm cà phê sữa bỏ dở đã nguội tanh, chỉ cốt để suy nghĩ. Phải, cái đẹp của Huyền có nhiều nét phúc hậu nhưng cũng sắc sảo. Khuôn mặt tròn, khuôn mặt bầu bĩnh, khuôn mặt đó thật đẹp tuyệt vời! Dáng Huyền vừa phải, không cao thon, Huyền chỉ vừa tầm thước, mà sao rõ ràng Huyền đẹp tuyệt vời! Huyền ưng nói thẳng ý nghĩ của nàng, vui như tiếng than nổ trong lò sưởi, rồi nàng cười giòn tan, rất thẳng thắn. Huyền có một chút lẳng lơ nào đâu, mà sao Thuận điên đảo tâm hồn! Lúc tiếp chuyện Huyền, Thuận phải gọi bằng “thím” như chị Ninh, lẽ dĩ nhiên, nhưng Thuận hết sức tránh việc phải xưng “cháu” luôn. Huyền còn kém Thuận ít ra là hai tuổi mà! Huyền đã đi vào trong mưa với chú Quát. Huyền khoác áo mưa

trắng đi vào một vùng đan lát bằng muôn vạn sợi mưa trang điểm, Huyền đi đã lâu rồi nhưng hình ảnh Huyền càng đầy ắp lên. Thuận biết trước trong giấc ngủ tới sẽ mơ thấy Huyền. Quả nhiên Thuận mơ thấy Huyền đến ăn cơm với chị Ninh, anh Bằng. Trong mơ Huyền mặc áo cánh để hở hai cánh tay trần mỗm mỗm - đúng như Thuận đã ức đoán - Huyền xuất hiện trong mơ nói cười y hệt bên ngoài, dáng người y hệt bên ngoài. Vẫn bộ ngực nhũn nhận hơi cao một chút và tròn trịa, mềm mại đầu có cao vồng, nhọn hoắt, rần đanh, mà sao Huyền có sức quyến rũ tuyệt vời?...

... Thuận lại cười góp với ba thằng bạn, lại nâng ly bia lên cao rồi uống một mạch mong xóa được hình ảnh Huyền. Chúng nó đương ca ngợi một cô đào chiếu bóng Mỹ mà chúng cho là tuyệt thế giai nhân. Chúng thật ngu! Việt Nam mình có Huyền kia thừa đủ đánh đổ bất cứ minh tinh màn bạc quốc tế nào. À phải, cái chết bất ngờ và thâm thương của chú Quát đã mài dũa mọi ý nghĩ quyết liệt của Thuận, mài dũa cho mòn những góc cạnh đi thôi, nhưng chúng vẫn xuất hiện đầy đủ.

“Đã gặp Huyền, chắc Thuận suốt đời không còn đam mê một người con gái nào khác nữa. Như một người đã nghiện a phiến, không còn thứ nghiện gì vượt nổi thứ nghiện a phiến! Đài phát thanh Hà Nội, chúng thường chửi giai cấp tiểu tư sản; ôi nhan sắc Huyền là một niềm kiêu hãnh cho giới tiểu tư sản, là một cứu rỗi cho tiểu tư sản, là lý do sống cho cả trái đất này!”...

- Đánh đổ được chai 33 nữa không mày, Thuận? - Hội hỏi.

- Được chứ!

- Xin cô bốn chai 33 nữa!

Lúc đó Thuận mới nói với một thằng bạn khác bên cạnh:

- Ồ, mày còn viết văn nữa hả? Mày tả cho tao nghe một tình yêu đam mê đi. Mày có thấy tình yêu đam mê đẹp không? Sức mạnh của nó đẩy vút mình ra tận biên giới vũ trụ, nó còn muốn giúp mình thiêu cháy cả cái biên giới đó nữa. Ha ha, được đẩy vút ra tận biên giới vũ trụ thênh thang lắm, thênh thang mà vẫn hướng về tâm điểm. Mày có biết tâm điểm đó là gì không? Là tình yêu đam mê đó mày!

Thằng bạn trả lời ra sao, Thuận không nghe rõ, chỉ thấy lùng bùng trong tai, nhưng khi nó dứt lời thì Thuận giải thích tiếp:

- Tao không phải là nhà văn, nhưng tao tin là nhà văn mà không biết đam mê tình yêu thì viết được con mẹ gì. Cả cuộc đời bàng bạc lạnh như Nam cực, Bắc cực, nặng như băng sơn, không có tình yêu làm hỏa diệm sơn thì làm sao phá vỡ nổi cái đống cuộc đời vô tri và lạnh giá đó mà thăng hoa lên cao cho thể nhân chiêm ngưỡng!

- Đánh đổ được chai 33 nữa không mày Thuận? - Vẫn lời Hội hỏi.

- Được chú, chai thứ tư nếu tao nhớ không lắm.

- Xin cô bốn chai 33 nữa. - Giọng Hội đã lè nhè lắm - Cô cho ăn luôn đi, có gì ăn nấy. Cô bảo sao? Chỉ còn trứng gà thôi à? Thì làm *omelette*, mỗi đĩa bốn quả đi, ăn với bánh mì. Chúng tôi làm sao về được nữa, ngủ ngay ở ghế bố trong phòng kia, miễn là lết được tới đó, hê hê...

Cô chiêu đãi viên không lạ gì mấy tướng phi công trẻ này, họ đã có vợ con gì đâu, chọt ăn, chọt bỏ, chọt đi, chọt ở. Khi say bí tỉ rồi họ vào một phòng *sơ-cua* dành riêng cho họ, ngủ gục trên ghế bố ngon lành như những em đánh giày ngủ gục bên hè phố sau một ngày ngược xuôi vất vả.

Thuận đã ngả lưng trên ghế bố, thoải mái, mắt díp lại nhưng trí tỉnh, vẫn nghĩ về Huyền, về cái ngày biển cố Huyền trở thành góa bụa...

... Hôm đó Thuận nhận ra chú Quát trước nhất:

- Ủa chú Quát?

- Kia anh Thuận.

- Chú đi đâu?

- Tôi đi Vĩnh Long bằng chiếc *Cessna* kia. Tôi, người phụ tá và người phi công, có ba người! Giá ngày nghỉ anh muốn đi Vĩnh Long chơi, tôi có thể đi cùng, còn những ba chỗ nữa cơ mà.

Cả hai cùng cười, chọt chú Quát hỏi:

- Sao anh ở bên phi trường quân sự lại lạc loài sang bên dân sự này?

- Cháu cũng vừa sang tiễn một người bạn, hẳn đi tu nghiệp sáu tháng ở Hawai, có thể là lần sau đến lượt cháu. Thế chú đi Vĩnh Long làm gì?

- Tôi xuống đó nghiên cứu đặt một máy phát điện lớn thay cho chiếc máy cũ.

Trên đường trở về phi trường quân sự, Thuận phải trầm công nhận là đạo này chú Quát trông trẻ hẳn, trắng kiện hẳn. Người ta bảo người hàng thịt không cần ăn nhiều thịt cũng vẫn béo, người bán hoa quả không cần ăn nhiều hoa quả mà nước da vẫn tươi mát; khoa học giải thích là vì có những quang tử, điện tử gì đó từ những chất đó bắn sang trực tiếp ảnh hưởng vào những cơ thể sống gần gũi. Vậy thì việc chú Quát được gần gũi Huyền tất phải trẻ ra, trắng kiện lên là dĩ nhiên rồi! “Huyền đẹp như một trái nho mọng!” Bao giờ Thuận cũng nghĩ thế... Chợt máy phóng thanh cho hay tin một chiếc phi cơ hỏng máy rơi xuống gần một bụi tre ở Gò Vấp, nhưng Thuận không hề ngờ đó là chiếc phi cơ ta-xi trên có chú Quát.

Khoảng trưa, xe Hồng thập tự mang về khu cấp cứu quân sự ba xác người, thì Thuận giật mình. Và khi biết thêm chiếc phi cơ ngộ nạn là chiếc *Cessna* thì không còn hồ nghi gì nữa, Thuận xin vào khu cấp cứu ngay. Thuận là người đầu tiên nhìn thấy xác chết cháy đen và co quắp của chú Quát.

Trưa hôm đó Thuận ở lại câu lạc bộ và cũng cùng các bạn uống bốn chai bia như hôm nay. Khoảng 2 giờ chiều ước lượng Huyền đã được báo cho hay tin dữ, Thuận mới tới. Đúng như dự tính, Huyền đang khóc. Huyền nói với Thuận là người ta có dặn là mai hãy đến nhà thương Gia Định nhận xác, hiện giờ xác vẫn còn để ở nhà thương quân sự, thường dân không thể vào được. Thuận không hề tiết lộ mình đã thấy xác chú Quát, Thuận chỉ nói với Huyền là để Thuận hoàn toàn cáng đáng mọi công việc xin giấy tờ, khai giấy tờ, khám liệm, v.v... Cả dịp nghỉ cuối tuần đó, xin nghỉ thêm ngày thứ Hai nữa, Thuận đã thu xếp xong xuôi mọi việc cho đến lúc áo quan chú Quát được đưa về chùa Phổ Quang. Thuận bằng lòng với mình, nhất là suốt thời gian này Thuận đã cầm chân được Huyền, tránh cho Huyền thấy tận mắt cái xác thê thảm của chồng. Thuận coi đó là bốn phận thiêng liêng của mình, và Thuận đã làm tròn bốn phận thiêng liêng đó...

«Ba thằng khốn nạn chúng ngáy gì mà ngáy dữ!» Thuận cất đầu nặng như chì của mình lên và cổ nhướng mắt nhìn ba chiếc ghế bố có nệm trắng tinh kể bên - “Ba thằng khốn nạn thi nhau kéo gối, chúng nó thật vô tư!”

... Cái ngày anh Bằng, chị Ninh đến đáp lễ chú Quát tại Thủ Đức, Thuận có đi... tháp tùng - Thuận tiếp tục ôn, ý nghĩ chờn vờn trên gối.

Nơi sống và cách sống của Huyền thật thần tiên. Không phải chỉ chú Quát chiều Huyền, mà

cả cuộc đời chiều Huyền, cả khung cảnh Thủ Đức đây cũng chiều Huyền. Căn nhà ba tầng ngấn nắp dành cho vợ chồng Huyền nằm ở giữa một khung cảnh bát ngát nhìn rõ cả bốn phương, tám hướng chân trời như giữa biển khơi. Những cột điện cao lớn là vậy mà đặt giữa khung cảnh này cũng trở thành bé bỏng mong manh như trò trẻ con. Những chiếc phi cơ qua qua lại lại trên đỉnh trời không làm vẩn đục bầu không khí yên tĩnh của thiên nhiên nơi đây; những phi cơ đó nhiều khi lẩn vào những cánh diều bay lặng lẽ. Chiếc trực thăng bay thấp nghiêng nghiêng vội vã rồi cũng mờ dần về phía xa cho tới khi chỉ còn là một chấm lay động mơ hồ. Những tiếng động cơ khác từ xa lộ vẳng lại, có đấy mà không đấy. Thiên nhiên ở đây quả đã đủ rộng lớn để làm chủ những tiếng động ngu xuẩn của máy móc!

Trong khi chị Ninh, anh Bằng nói chuyện với chú Quát, Huyền đưa Thuận đi xem chỗ nuôi gà của Huyền. Huyền nuôi gà mới được hai tháng nay, Huyền giải thích huyền thuyên trong khu nuôi gà có đôi chỗ tranh tối tranh sáng. Tiếng Huyền như tiếng dòng suối xuân đương lách vào rừng sâu, kể kể những chuyện đầu đầu với hoa với lá:

- Tôi chỉ khởi sự nuôi có hai trăm năm mươi con thôi. Nuôi hai trăm năm chục con mà rồi tổng số sẽ là một nghìn, vì sau mỗi tháng lại đổi sang một chuồng khác một lần. Anh để ý sẽ nhận thấy ngay là mỗi chuồng một cỡ gà: chuồng này

gà được gần hai tháng rồi đấy, sang tháng thứ ba tôi sẽ chuyển sang chuồng này (Huyền chỉ một chuồng còn bỏ trống), sang tháng thứ tư chuyển một lần chót sang chuồng này (Huyền chỉ một chuồng trống khác ở góc trong).

- Sang tháng tư là bán được rồi hở thím Huyền?

- Ba tháng rưỡi trở đi gà trên một kí là “nhậu tạm” được rồi. Hết tháng thứ tư thì gà đã được một kí rưỡi, lúc đó chúng ăn tốn mà lớn chậm, bán là vừa. Kể ra nếu thật sự muốn nuôi gà để bán thì phải nuôi một vạn con mới bỏ. Đây tôi nuôi để thí nghiệm phương pháp khoa học, việc bán là phụ, mỗi lứa chỉ hai trăm năm mươi con thì có là bao.

- Cũng có những con bị toi nữa chứ thím Huyền?

- Có chết thì cũng chỉ chết vào tháng thứ nhất lúc chúng còn bé. Chỉ mất hai hay ba phần trăm là cùng, vì tôi nuôi cẩn thận và khoa học lắm. Anh Thuận có thấy đèn tôi mắc trong này không?

- Để soi sáng cho chúng chứ gì, thím Huyền!

- Để soi sáng sao tôi lại chụp vào trong những ống *Guigoz*? Chính là để giữ cho khí hậu bên trong luôn luôn ấm áp! Thức ăn của chúng nghiền ra như cám là mua của chính phủ, trong có đủ các loại *vitamine*, nước uống có pha thêm những chất trụ sinh. Anh nhận thấy không, chồ

cho chúng uống là chiếc ống cao đổ đầy nước rồi lật úp xuống một cái đĩa sâu lòng tức là áp dụng theo nguyên tắc *Torricelli's tube*: uống đến đâu nước xuống đến đấy.

- Không còn toi vào đâu được nữa thím Huyền nhỉ?

- Tuần lễ đầu mới mua về là phải nhỏ thuốc trừ tả vào mũi rồi, tuần lễ thứ hai trồng trái ở cánh. Rồi ăn như vậy làm sao mà toi được, chỉ con nào yếu lắm mới chết.

Huyền dẫn Thuận ra khỏi khu nuôi gà. Thuận ngửa mặt nhìn trời cao rồi đảo mắt về bốn phía. Cả vòm trời như chiếc vung mênh mông chụp xuống tạo vật, xa lộ là một đường kỳ hà kẻ thẳng, những nét đôi nhấp nhô nhưng không hề che khuất chân trời, xa xa vài xóm dân cư với hàng rào tre thưa thớt và những hàng dừa nước thấp lè tè soi mình trên bờ lạch. Thuận quay nhìn lại Huyền nói:

- Kể ra có cử nhân vạn vật học như thím Huyền thì vào dạy trường công lập nào mà họ không chuộng, nhưng thím Huyền hãy giữ lấy tự do để nuôi gà giữa vùng thiên nhiên rộng thênh thênh này thêm năm nào hay năm ấy.

- Anh cũng nghĩ thế hả? - Huyền hỏi.

- Thần tiên lắm chứ, nhất là nuôi gà cốt để thể nghiệm phương pháp khoa học, thật vô tư lợi! Khi gà đã trên một kí thì chiều chiều ta có thể làm

lông một chú cho vào lò *gaz*, một tiếng đồng hồ sau mang đặt ra bàn ăn, trời!

Huyền cười khanh khách:

- Trời, thật vô tự lợi hả? Các chính khách thật lòng yêu nước thương dân làm được cho nước giàu dân mạnh cũng chỉ vui đến thế là cùng nhì?

Thuận nghĩ thầm thì ra người dân Việt nào của mình ngày nay cũng biết nói mĩ tụi chính khách và Thuận gật đầu nghiêm trọng một cách không cần thiết:

- Vô tư lợi thật đấy chứ thím Huyền!

Huyền khẽ vuốt tóc rồi nói:

- Anh có biết chú Quát của anh thường bảo tôi ra sao không?

- Bảo sao thím?

- Ông thường bảo tôi mỗi khi tôi búng không nghe lời ông: “Này cô, nói thật cho cô hay, chứ giá tôi lấy vợ sớm thì đẻ rồn cũng có cô rồi!”

- Thế thím trả lời ông ra sao?

- Tôi trả lời: “Biết thế tôi lấy cái thằng Tây trẻ cùng học với tôi ở *Faculté des Sciences*, nó vẫn theo đuổi tôi hoài.”

Thuận cười lớn nói ngay với Huyền:

- Ấy ấy, nếu thím Huyền lấy Tây ở lại Paris, cả thanh niên Việt Nam chúng tôi sẽ thành lập một

đoàn quân quyết tử còn cuồng tín hơn đoàn thập tự quân thời Trung cổ, vượt trùng dương sang đánh chiếm thủ đô nước Pháp chỉ để bắt cóc thím về.

Huyền ngửa cổ cười, bộ ngực thanh tú rung động một cách đáng yêu. Thuận vẫn biết chắc Huyền kém mình ít nhất hai tuổi, và tiếp:

- Tất cả con gái Việt Nam cỡ tuổi thím Huyền cứ việc mà lấy ngoại nhân, trừ thím Huyền!

Cái nhìn của Thuận thẳng thắn lắm, nhưng Huyền chớp mắt rồi nhìn đi chỗ khác. Chắc là trong sự thẳng thắn đó vẫn gòn gợn có cái gì, tương tự các loại ánh sáng cực tím, cực hồng mà chỉ đài *radar* giác quan thứ sáu của nữ giới mới khám phá thấy để né tránh kịp thời.

Rồi hai người vào phòng khách. Thuận thấy chú Quát vừa kể chuyện gì với anh Bằng, chị Ninh và cho chị Ninh xem ảnh. Thuận chọn chiếc ghế nhỏ khuất trong góc nhưng đối chéch với Huyền đương ngồi thênh thang ở chiếc ghế lớn đủ cho ba người ngồi, có thể dùng tạm như một thứ *đi-văng* để nằm đọc sách buổi trưa.

Sau lần thứ hai gặp Huyền đó về, Thuận nghĩ việc Huyền chịu lấy chú Quát gần gấp đôi tuổi nàng có lý do của nó. Hai người lấy nhau bên Pháp mà! Thuận biết tại các nước Tây phương vì đáng người Việt mình nhỏ nhắn quá nên nói rút tuổi đi bao nhiêu người ta vẫn kêu là trẻ. Chắc chắn sống ở Paris, Huyền cũng bị rơi vào huyền

tưởng đó, nên khi chú Quát hỏi, Huyền ưng liền. Giả sử cứ ở nước nhà thì làm sao Huyền ưng lấy chú Quát, làm sao chú Quát dám hỏi Huyền!

Rồi khoảng hai tuần sau, chính Thuận giục chị Ninh đi thăm Huyền, chỉ một mình chị Ninh đi. Thuận đèo chị ngồi phía sau xe của mình. Khi chiếc *Lambretta* của Thuận bắt đầu vào xa lộ, chị Ninh nói:

- Chú Quát mua một căn *villa* xinh lắm ở Đà Lạt để mỗi cuối tuần đưa thím Huyền lên cùng “nghỉ ngơi” trên đó.

Thuận muốn bật cười vì hai chữ “nghỉ ngơi” quá ngây thơ của chị Ninh - hay chị cố làm ra thế - nhưng Thuận đáp:

- Tuyệt nhất là căn *villa* xinh đó ở ngay sát với *villa* của ba mẹ thím Huyền, chỉ cách có một cái dốc, đứng bên này nhìn thấy bên kia.

- Như vậy khi chú thím về Sài Gòn chỉ việc khoá cửa lại khỏi cần nuôi một người coi chị nhỉ.

- Đúng thế

- Sao chị biết rõ thế?

- Thì lần trước lúc thím Huyền đưa cậu đi xem chuồng gà của thím, chú Quát nói với anh chị và cho chị xem ảnh. Hai *villa* đó ở đường Nguyễn T. cách *villa* của anh chị Hoa có một quãng đường và một lần sang cầu, lẽ cố nhiên là tính theo đường đi tắt xuống bậc.

Thuận nói ngay:

- Một dịp cuối tuần nào đó chị em mình lên Đà Lạt đi, rồi rủ chú Quát, thím Huyền cùng ra chợ mua dâu, đương mùa dâu đầy chị ạ.

- Được chứ! Để cuối tuần nào đó.

Chị Ninh thỉnh thoảng vẫn bị mất ngủ phải lên Đà Lạt, nơi này cặp bạn thân của gia đình là anh chị Hoa có căn *villa* lớn trên đường *Pétrus Ký* và thường xuyên nhường cho chị Ninh hay cho Thuận một căn phòng riêng đầy đủ tiện nghi. Chị Ninh chỉ khi nào mất ngủ mới lên, còn Thuận thì húng bắt tử là lên liền.

Lần thứ hai tới Thủ Đức đó, hai chị em Thuận chỉ gặp có Huyền ở nhà. Chị Ninh ngồi trong nhà một lúc rồi ra sân ngắm trời ngắm đất. Câu chuyện giữa Thuận và Huyền đã thân mật, Thuận cười nhiều không kém Huyền. Huyền hỏi:

- Cảm tưởng của anh Thuận lái phi cơ khu trục lần đầu một mình ra sao?

Thuận đáp:

- Câu đó cũng là câu nhiều người đã hỏi các phi công và một anh bạn phi công đã trả lời: “Y hết cảm tưởng của anh chàng lần đầu tiên biết tin mình là bố.” Cháu chưa có vợ mà thím Huyền cũng chưa có con, nên câu trả lời ỡm ờ đó chúng mình không thông cảm nổi. Theo như kinh nghiệm riêng của cháu thì đó là cảm giác say say của một người thấy mình làm chủ mình, làm chủ

một bộ máy tinh xảo, thấy mình hoàn toàn tự do, nhưng đồng thời cũng thấy hai vai chột nặng trĩu trách nhiệm. Hoặc giả ý anh bạn phi công trên muốn nói thế chẳng.

Đó có lẽ là lần đầu tiên Thuận xưng “cháu” với Huyền hơi nhiều, và có một chút ngưng ngập.

Huyền gật đầu kèm theo câu “có lẽ” rồi Huyền bỗng hướng tia nhìn vào thẳng đôi mắt Thuận, hơi rướn lông mày giữ im lặng vài giây rồi mới hỏi:

- Thế tại sao anh Thuận chọn ngành không quân?

Thuận cười lớn. Thực ra không phải là câu hỏi của Huyền đáng buồn cười mà vì Thuận chưa biết trả lời ra sao. Tiếng cười lớn vừa thân mật, vừa cho Thuận đủ thời gian ôn lại để tìm lý do đích thực vì sao mình vào không quân. Và Thuận tiếp tục cười lớn hơn, lần này cười thật tình vì chợt nhớ ra câu chuyện bi hài xảy ra khi Thuận đã là sĩ quan không quân. Thoạt Thuận nói:

- Vì lý do gì cháu vào không quân, thực khó biết trả lời thím Huyền sao cho thỏa đáng. Đương theo học chúng chỉ Hoá học đại cương tại Khoa học Đại học đường Sài Gòn, thì có hôm đọc một bài báo nói về đám thanh niên chán đời quá trốn của thế giới: tại Ý là bọn *Teppisti* - chết vì buồn, tại Thụy Điển bọn *Raggare* - chờ đợi không mục đích, tại Nam Phi bọn *Tsotsis*, tại Ba Lan bọn *Hooligans*. Bọn chúng có những cái tên khác nhau nhưng

cùng một thái độ là muốn nổi loạn và phi nhũ vào cuộc đời đầy rẫy bất công và bản thủ, trong đó những người thực thà, trung hậu thì cam chịu nghèo hèn và bị chà đạp, tiền tài danh vọng lại dành cho bọn tinh ma, đểu giả. Cháu cũng muốn nổi loạn với xã hội quá nhiều cặn bã bản thủ của mình. Cách nổi loạn của cháu là bỏ học vào không quân để bay trên cao, luôn luôn trên cao những bản thủ của thế nhân.

Giọng Huyền ảm áp tình cảm:

- Anh là chàng trai có lý tưởng đấy chứ.

- Thím lắm đấy. Lý tưởng gì đâu! Chỉ là một cách nổi loạn, nhưng vì chịu ảnh hưởng nền giáo dục khoan hòa của cậu cháu xưa, nên cách nổi loạn mới... hợp lý như vậy. (Thuận kêu cha là “cậu” như phần nhiều tại các gia đình khá giả miền Bắc thời Pháp thuộc.)

Huyền cười rung động cả thân hình, tiếng nói càng giòn tan:

- Anh nói hay, một cách nổi loạn hợp lý.

Thuận tiếp:

- Vừa rồi cháu cười lớn vì chực nhớ ra một bi hài kịch mà mình vừa là khán giả vừa là nạn nhân bất đắc dĩ trên... sân khấu.

Huyền mở to đôi mắt rất đáng yêu đượm vẻ ngạc nhiên chờ đợi. Và Thuận kể lại:

- Cách đây chừng một năm đúng ngày cháu

lên lon trung úy, vào buổi tối một thằng bạn thân tên Hội kéo cháu đi nhảy với ông anh ruột của hắn mà cháu cũng thường gọi một cách thân mật là “anh Cả”: anh vừa là giáo sư trung học, vừa là bình bút cho một tờ báo nổi tiếng nọ. Thằng bạn tuyên bố là khao cháu lên lon. Lúc đó mới khoảng 10 giờ, chưa khuya lắm nên vũ trường chưa đông. Bản *slow* vừa dứt, chiếc màn nỉ tím dầy và nặng phía cửa ra vào bỗng lật tung sang một bên. Một sĩ quan nhảy dù từ ngoài sân sỏ bước vào, nhảy phóc lên dàn nhạc, thẳng chân đạp cho bộ trống lăn chiêng xuống sàn nhảy. Ba người lính thuộc hạ cũng vừa bước vào, thoạt đứng sát cánh nhau chặn ngang cửa. Viên sĩ quan nhảy dù đứng trên dàn nhạc bắt đầu diễn thuyết, nói là quát mắng thì đúng hơn:

“Ha ha, chúng bay ở thủ đô yên vui quá nhỉ! Rượu nồng, dê béo, gái xuân xanh! Máu của chúng ông đổ ra ở ngoài kia, chúng bay có biết không?”

Anh em, đánh!

Có những thằng nhờ chiến tranh mà xây được nhà cao cửa rộng, mở miệng ra là ca tụng Cộng sản, nhưng không một thằng nào dám rời nơi này mà ra với Cộng sản.

Anh em, đánh!

Chúng bay hưởng bình yên, rừng mỡ ở đây, nay biểu tình, mai đảo chính. Tự do mà, dân chủ mà, chúng bay đâm sau lưng chúng ông có biết không?

Anh em, đánh!

Chúng bay hãy đến nghĩa trang quân đội bên Gò Vấp mà nhìn mồ mả. Chúng bay đến đấy mà căng biểu ngữ biểu tình. Chúng bay không bao giờ đồng bằng những thằng chết nằm dưới đất đâu.

Anh em, đánh!

Chúng bay hãy đến nghĩa trang quân đội, trải chiếu lên những nắm mồ mà hội thảo về những nhiệm vụ này, nghĩa vụ nọ. Những người nằm dưới không phát biểu tranh ý kiến với chúng bay đâu.

Anh em, đánh!

Chúng bay hãy khuân quĩ đen, quĩ đỏ, khuân tiền thụt két đến nghĩa trang quân đội mà kiểm lại tiền. Những người nằm dưới không ai tờ hào của chúng bay một đồng, một chữ nào đâu.

Anh em đánh!”

Cứ mỗi lần anh ta hô “*Anh em đánh!*” là ba người lính tùy tùng lại tiến tới trước mặt ba kẻ đi du hí để đấm hoặc tát hai cái.

Huyền hơi nghiêng đầu, đôi mắt chớp chớp. Có thể là vì cách kể chuyện vui và linh động của Thuận, có thể là Huyền hơi chạnh lòng vì lời viên sĩ quan phẫn uất, nguyên rủa cả lũ “nhà cao cửa rộng”. Thuận tiếp:

- Không một ai dám phản đối, đúng hơn

không ai còn mặt mũi nào mà phản đối. Lời nói nghẹn ngào phẫn uất của viên sĩ quan đi thẳng vào lương tri mọi người. Lần thứ tư là lần ba người lính tiến tới bàn cháu. Hội, thằng bạn cháu, muốn xuất trình giấy mình là sĩ quan không quân, cháu cản đi và bảo nó: “Hôm nay mà mừng tao lên lon thì hãy ráng chịu hai cái tát. *Scène* này đương hào hứng đừng nên cản trở!”

- Thế cả ba anh chịu nhận mỗi anh hai cái tát ư? - Huyền vừa cười vừa hỏi.

- Riêng cháu bị hai cú đấm. - Giọng Thuận càng vui - Có lẽ vì anh lính thấy cháu tương đối to con nên đấm cho hả, thằng cha đấm nhanh ra phết thím Huyền ạ.

Tiếng Thuận cười vang xen với tiếng Huyền cười ngặt nghẽo. Khuôn mặt Thuận bỗng nghiêm lại đôi chút trước khi tiếp lời:

- Nhưng cũng kể từ ngày tự ý nhận hai cú đấm, cháu mới ý thức được rằng việc mình gia nhập quân đội là hợp lý. Ông anh thằng bạn - anh Cả - vừa là giáo sư trung học, vừa là nhà báo, đã quá tuổi động viên, cảm động theo dõi từng lời của viên sĩ quan. Lúc viên sĩ quan cùng ba người lính ra khỏi vũ trường, anh ta còn nghiêng tai lắng nghe những lời ném văng lại từ ngoài đường: “Chúng bay đâm vào sau lưng chúng ông, chúng bay có biết không?” Khi ra về, anh Cả giơ tay lên xoa hai bên má một cách trù mến rồi nói: “Người ta nói đúng! Thế hệ các cậu ngày nay phải có mặt

ở chiến trường thì về sau mới không bị mặc cảm. Các cậu chiến đấu cho lịch sử dân tộc, lịch sử vẫn tiến đấy chứ, lũ khốn nạn chúng sẽ bị đào thải mà. Một ngày gần đây thôi.”

Thuận ngừng nói đưa mắt nhìn Huyền, Huyền im lặng nhưng miệng vẫn giữ nụ cười. Thuận hỏi để thay hướng câu chuyện:

- Thím Huyền ở Paris về đây thấy sao?

Huyền suy nghĩ một chút rồi đáp:

- Tôi sang Paris theo học ba năm, mà khi hồi hương đi thăm các ông chú, bà bác thấy hình như chẳng có gì thay đổi, trừ việc người bạn này lấy vợ, người bạn kia lấy chồng, ông anh này thêm một đứa con trai, bà chị kia mắn hơn thêm được hai đứa - ba năm đôi mà lì! Đồ đặc kê trong các nhà cũng y nguyên như vậy.

Nghe Huyền nói, Thuận cho rằng con người đẹp tuyệt vời đó cũng có những thắc mắc trong tâm tư, chứ không phải hoàn toàn vô tư như tiếng cười giọng nói của nàng. Và Thuận hỏi đùa:

- Thế thím Huyền muốn cuộc sống phải làm sao, phải đảo lộn chẳng?

Huyền chưa kịp trả lời, Thuận đã tiếp:

- Đúng, thím Huyền nghĩ đúng. Cuộc đời phải cho nghiêng ngả, đảo lộn lung tung beng đi mới thú.

Thuận vẫn thích gọi đến tên Huyền luôn và

vẫn luôn luôn hết sức tránh trong câu chuyện phải xưng “cháu” nhiều. Xưng “tôi” thì không được rồi.

Thuận và Huyền cùng rời phòng khách ra đứng ngoài hiên. Chị Ninh đứng tận phía hàng rào xa đương vịn ngất một cụm hoa tường vi màu hoa cà...

... Chương trình *radio* của ban Việt Nhi đến đoạn kể câu chuyện vui có liên hệ đến không quân, nên cô chiêu đãi viên ngoài câu lạc bộ kia mới có nhã ý vịn to để bốn “ông tướng” phi công trong phòng này cùng nghe rõ. Đó là chuyện hai anh phi công say bí tỉ, dìu nhau vô nằm chung một ghế bố xoay lưng vào nhau. Một anh ngứa, gãi nhưng lại gãi nhầm sang lưng anh kia, gãi mãi không thấy hết ngứa, tức mình làu nhàu: “Quái, mình gãi mình mà như gãi ai!” Anh kia cũng mắt nhắm mắt mở, nghiêng tai nghe ngóng rồi nói thắm: “Quái, rõ ràng mình có gãi mình đâu mà cứ như có ai gãi mình!”

Cả bốn chàng phi công nằm trên bốn chiếc ghế bố đều đã tỉnh ngủ và cùng cất tiếng cười vang, hòa với tiếng cười của các em trong ban Việt Nhi. Một chàng nói:

- Mẹ kiếp say đến thế chắc hai thằng cha đó dám đánh đổ trọn một chai *Whisky*!

Rồi họ tuân tụi vào *douche* tắm. Thuận vào sau cùng!

CHƯƠNG 3

Chú Quát chết đã hai tháng nay, Thuận không hề gặp Huyền. Thuận vẫn nghĩ rằng cái chết thê thảm của chú đã dập tắt thú tình cảm bất chính kia của Thuận đối với Huyền khởi nhóm ngay từ buổi gặp mặt đầu tiên. Thuận cũng không hề nhắc đến tên Huyền một lần nào với chị Ninh kể từ ngày chú Quát chết.

Tiếng bát đĩa lách cách như vang động trong khoảng cô tịch của buổi chiều đang xuống. Chị Ninh đang dọn cơm, chị hỏi:

- Trưa nay cậu ăn cơm ở đâu mà không về?

- Em ăn cùng mấy thằng bạn ở ngay câu lạc bộ sĩ quan, rồi ngủ luôn lại căn phòng dành riêng cho chúng em ở đó.

Chi Ninh đã trở vào trong bếp, Thuận vẫn

ngồi ở khoảng tranh tối tranh sáng bên góc sân dưới giàn hoa thiên lý. Phía chân trời Tây xa, ánh hoàng hôn hôm nay kéo dài hơn mọi khi nhiều. Một màu hồng dịu quá, như nụ cười, khoé mắt nhớ nhung từ một ngày hạnh phúc gửi đến miền tranh tối tranh sáng là chỗ Thuận đương ngồi. Cảnh thì rõ ràng là buồn, mà sự trầm ngâm của Thuận sao cứ như trầm ngâm trong hạnh phúc? Thuận ôn lại...

... Mặc dầu ngày đó chị Ninh không mất ngủ, Thuận cũng nài chị đi Đà Lạt cùng với Thuận cho bằng được. Rồi chị Ninh cùng Thuận tới thăm chú Quát tại căn *villa* mới mua đó. Tất nhiên có gặp Huyền. Hai chị em cùng ở lại ăn cơm trưa, bữa cơm do Huyền nấu, chị Ninh có vào bếp giúp chút ít thôi. Đặc biệt lần này, khi dùng món tráng miệng xong, Thuận và Huyền ra đứng dưới bóng cây ngoài vườn chưa có dự định nói chuyện gì. Thoạt đầu Huyền tựa vào thân cây *mimosa* và Thuận tựa vào thân cây thông đối diện. Huyền đeo kính đen rồi ngược nhìn đỉnh trời chan hòa ánh nắng. Thuận chăm chú nhìn thẳng vào khuôn mặt vừa hiền, vừa sắc sảo, vừa quyến rũ của Huyền. Lần này, khi nhìn ngang trở lại, rõ ràng Huyền cũng nhìn thẳng vào đôi mắt Thuận. Chắc chắn thế vì miệng Huyền hơi mím chặt làm cong vành môi trên chút xíu, và tự nhiên khuôn mặt Huyền bỗng đượm vẻ “mất dạy” một cách đáng yêu - chắc là vẻ “mất dạy” đó Huyền học được từ hồi còn ở Paris - tựa như Huyền muốn nói thắm: “Tôi nhìn lại anh đấy!” Thuận chịu thua, thua vì không

có kính. Để làm chủ lòng mình, Thuận làm điệu chợt bật cười rồi kể cho Huyền nghe câu chuyện về ông bác:

- Cháu có ông bác họ là thanh tra hồi hưu, thím Huyền ạ. Thuở thiếu thời chắc chắn là ngài say mê người đàn bà đó lắm, nhưng ngài đã chót có vợ. Người đàn bà đó lấy lẽ một ông huyện, càng về sau bà càng trở nên phốp pháp nhưng vẫn đẹp, ít ra là đối với bác cháu, và chắc chắn là bác vẫn say mê bà như hồi còn trẻ. Khi ông huyện mất, bà mắc chứng hoại thư nên phải cưa một chân khoảng trên đầu gối. Bác đến thăm bà, lúc đó bà đang nằm trên ghế xích đu. Mỗi tình già cho đến lúc đó vẫn là cảm lạnh chứ có bao giờ thổ lộ đâu. Bác nói với bà: “Chị thấy khỏe chứ?” Bà đáp: “Cảm ơn anh, khỏe.” Bác nói: “Chị cho phép tôi đo khoảng đùi còn lại của chị xem họ cưa ra sao.” Bà đáp: “Vâng!” Và bác hơi khom người xuống, trình trọng đặt gang tay vào khoảng đùi còn lại của “mối tình cảm”.

- Sao anh biết chuyện đó? — Huyền khảnh khách cười hỏi - Sao anh biết là ông bác yêu bà kia?

- Thì cứ quan sát cách người kể lại chuyện đó! Kể bằng một giọng thành khẩn có run run vì cảm động, gương mặt vẫn nghiêm trọng vì người chả là thanh tra, bên học giới vẫn có những sự trang nghiêm không phải lối do méo mó nghề nghiệp mà ra. Cháu tin rằng bác sở dĩ sau này chết

nhắm mắt được là vì đã một lần được sờ vào đui - dù là cái đui cụt - của “mối tình câm”!

Huyền cười giòn, thật giòn. Nàng chỉ Thuận:

- Anh thực trẻ không tha già không thương nhé...

... Ánh hồng phía trời Tây xa đã tắt hẳn từ bao giờ, bóng tối càng tràn ngập dưới giàn thiên lý. Chị Ninh đã ra sân từ lúc nào, nhìn Thuận giây lâu rồi nói:

- Vào ăn cơm chứ, Thuận!

Trong lúc ăn cơm, một lần Thuận chột nói với chị Ninh:

- Dịp nghỉ cuối tuần này em lên Đà Lạt chị Ninh à.

Và khi nghe anh Bằng nói “Cậu lên Đà Lạt thật à?” Thuận mới giật mình kiểm soát lại ý nghĩ để biết là mình vừa phát biểu ý kiến muốn đi Đà Lạt.

Ăn cơm xong Thuận lên giường nằm đọc sách cho đến lúc có tiếng mưa rơi bên ngoài. Tiếng mưa thoạt rời rạc rồi mau dần đồng thời với tiếng *Vespa* của ai ngoài đường nổ máy. Nhớ lại lần đó, đưa chị Ninh lên Thủ Đức gặp Huyền một mình ở nhà, rồi khi trở về chắc chắn là vì hào hứng Thuận dận ga khá mạnh cho chiếc *Lambretta* lao vun vút trên xa lộ. Chiếc *Dakota* trên cao phía trước cùng đi một chiều mà Thuận

thấy nó không nhúc nhích. Rõ ràng Thuận bám sát lấy nó, mấy lần chị Ninh kêu lên đằng sau: «Nhanh quá cậu Thuận, tốp bớt đi!»... Tiếng mưa rơi đã thật mau và tiếng máy *Vespa* của ai cũng êm đi trong tiếng mưa, và càng êm khi xe bắt đầu chuyển bánh. Tiếng động cơ nhỏ dần rồi tắt hẳn, chỉ còn tiếng mưa rơi đều. Lát sau tiếng mưa nhẹ dần, nhẹ và đều như nhịp thở phập phồng của Huyền khi ngồi đối diện nói chuyện với Thuận. Bộ ngực tròn trịa mềm mại, không nhọn càng khiêu khích mà sao làm cho tâm hồn Thuận điên đảo!

Mưa vẫn rơi đều và dịu như hơi thở của Huyền, mưa vẫn rơi... vẫn rơi đều... Thuận nghĩ không đam mê nào đẹp bằng đam mê trong tình yêu. Nó thiếu bóng, nó tàn phá, nhưng phải công nhận là nó đẹp.

Mưa đã tạnh hẳn, Thuận chợt nhớ đến cái lạnh Đà Lạt, thứ lạnh gây cô đơn, nhắc nhở cô đơn là thứ lạnh a tòng. Một thằng bạn của Thuận đã nói: “Thằng nào lên Đà Lạt mà cứ... cô đơn là ngu!” Kể ra nó có lý.

Thuận tung chăn rón rén ra ngoài. Trời đầy mây và trăng trung tuần đã ở trên đỉnh đầu. Thuận ngồi lại dưới giàn thiên lý.

Thuận nhớ lúc nói chuyện về ông bác với Huyền dưới gốc *mimosa* xong thì chị Ninh ra. Câu chuyện chuyển sang vấn đề ăn ngủ điều độ. Chị Ninh nói:

- Thuận nó không hay thức khuya đầu tím

Huyền ạ, thường thì 9 giờ tối nó đã buồn ngủ díp mắt và lên giường nằm rồi.

Thuận bèn tiếp:

- Nhưng thường vào khoảng 12 giờ khuya cháu thường sực thức và rất tỉnh, bật đèn xem sách, hay viết thư, hay tính toán điều gì.

Huyền hỏi:

- Anh thức như vậy đến mấy giờ?

- Dạ, chừng một hai giờ sau là ngủ lại, lần này thật kỹ cho đến sáng.

Ngừng một giây, Thuận tiếp:

- Giá thím Huyền đi chơi đầu khuya có quà muốn cho tụi này mà qua nhà khoảng đó, nhìn thấy ánh đèn chỉ gọi «ới» một tiếng là đã có cháu ra nhận quà liền.

Cả ba cùng cười và Huyền nói:

- Được, hễ có dịp nào như vậy tôi sẽ không quên gọi đến «ới» một cái.

Thuận thấy chị Ninh mỉm cười, nụ cười đượm tinh thần hài hước, rồi cả ba sang thăm ba mẹ Huyền ở *villa* kế cận. Cũng vừa đến lúc đó Thuận mới nhận ra Đà Lạt đương vào mùa hoa anh đào nở, màu hồng đậm đang mà vẫn kín đáo, phơi phới mà vẫn dịu hiền. Buổi chiều Thuận gặp thằng bạn - thằng bạn từng tuyên bố “Thằng nào lên đến Đà Lạt mà cô đơn là ngu” - nó có xe và cả

hai quyết định xuống đèo *Bellevue* chơi. Thoạt xe lướt trên đỉnh cao tràn trề ánh sáng, đây đó loang hồng màu hoa anh đào. Rồi xe xuống dần theo những con dốc chữ chi mát rượi bóng thông và lành lạnh hơi suối. Hai đứa dừng lại ở một mép đường đất đỏ, vẫn mát rượi bóng thông cổ thụ. Cỏ hoang dưới đất tuy xác xơ nhưng sắc lá, nhọn mũi, đương ngả màu vàng dạ. Ngắm tí bên dưới xa, đập Đa Nhim đã hoàn thành, màu đất trắng phau từ chân đến đỉnh đập, gương nước đọng lại thành hồ bình thản phản chiếu ánh trời. Sát đó, đường leo lên đỉnh núi màu hồng phớt mơ hồ như có phủ một làn sương chiều. Hai lần lên xe tiếp tục xuống đèo, chui qua chiếc vòm xi-măng cốt sắt đỡ lấy hai đường ống dẫn nước của hệ thống thủy điện, hai đường ống song song vĩ đại trắng loáng màu nhôm, chắt ngắt từ trên đỉnh núi cao dẫn đường cho nước nhào xuống thành súc chuyển máy. Thuận nghĩ thầm: “Súc nước đó lao xuống mạnh như tình yêu đam mê!” Một đồn binh cheo leo bên bờ một con suối rộng lòng. Nước chảy lấp lánh, đáy trong suốt thấp thoáng những hòn cuội trắng trên nền đá đen. Con đường về Phan Thiết đã bắt đầu trườn mình trên khoảng đồng bằng để lại phía sau cảnh trí cuối cùng của miền sơn cước với lá rụng đầy bờ suối, phủ kín mái *fibro* của trại binh, với cây rừng phồn tạp. Vất vẻo trên một cành cao, con chèo bẻo cô độc cất tiếng hót nghe mà thương tâm với chiếc xe ngựa bánh lớn đương lên dốc, với khoảng ga xe lửa trầm mặc có những toa chờ hàng màu xám tựa như bỏ hoang

đã lâu ngày trên đường rầy... Xe của hai đứa đã trở lại gần tới đỉnh đèo, bắt đầu vào địa phận thị xã Đà Lạt, Thuận chợt chú ý đến một cây anh đào độc chiếm một sườn đồi thoai thoải, hoa phủ kín từ ngọn đến gốc, chắc chắn đây là cây anh đào nở hoa đẹp nhất của Đà Lạt, đẹp nhất của mùa xuân. Xe lướt ngang qua cây anh đào rung động trong nắng chiều rất nhẹ chan hòa với gió. Thuận còn ngoái cổ lại ngắm một lần nữa. Chao ôi, cây anh đào rung rưng màu hoa phủ kín trông chẳng khác một cô gái tinh nghịch khỏa thân trên đồi vắng, rồi rùng mình với tuổi trẻ của mình...

... Thuận giật mình vì có tiếng chị Ninh:

- Thuận vào đi chú, ngồi khuya như vậy, sương!

Câu nói chứng tỏ lúc Thuận mở cửa ra sân, chị Ninh có biết. Chúng mất ngủ của chị trở lại chẳng? Cũng may mà dưới bóng tối giàn thiên lý chị không nhận thấy vẻ lúng túng của Thuận. Thuận vội đáp:

- Vâng em vào ngay đây.

Đúng lúc Thuận đứng dậy sửa soạn vào thì trăng vừa từ từ ló khỏi rừng mây. Bóng giàn thiên lý cũng từ từ nổi hẳn lên như những sấu, những hận, những bắt đắc chí của kiếp người từ đáy tiềm thức nổi lên để rồi ngưng đọng mãi với thời gian. Tiếng đồng hồ trăm căn nhà bên nhỏ giọt...

CHƯƠNG 4

Thuận được cử đi Mỹ học thêm sáu tháng về phản lực tại ngay căn cứ không quân Hoa Thịnh Đốn. Thuận hồi hả báo tin với chị Ninh. Xưa nay Thuận vốn khao khát cảnh lạ đường xa; từ ngày gặp Huyền, ngọn lửa đam mê Huyền tựa hồ càng âm thầm lại càng rực rỡ làm mờ nhạt mọi đam mê khác. Hồi chú Quát chết, cái chết của chú giúp Thuận tưới dịu ngọn lửa đam mê bất chính đó. Tới nay, đúng lúc hình ảnh Huyền muốn rạo rực trở lại, thì Thuận hay tin được cử đi Mỹ. Mối đam mê cũ khao khát đường xa được khơi khơi đồng tro tàn, Thuận sẽ dùng nó làm nước trị lửa, dội tắt lửa.

- Chừng bao giờ cậu lên đường? - Chị Ninh hỏi.

- Họ đương làm giấy tờ và em còn phải theo học lớp Anh văn cấp tốc.

- Anh văn của cậu thừa đủ rồi còn phải theo học thêm làm gì?

- Ấy vẫn phải theo đúng quy tắc như thường, và lại còn những anh em khác...

- Những anh em cùng ở không quân với cậu à?

- Không, ở nhiều ngành khác nữa chị ạ.

- Cậu theo học Anh văn bao lâu thì đi?

- Chừng hai tháng thôi. Bây giờ là cuối tháng Mười, khoảng cuối tháng Chạp có thể em đã lên đường. Đủ thì giờ sửa soạn giấy tờ và may mặc.

Thuận tiên đoán đúng, ngày khởi hành vào đầu tháng Giêng. Thuận nhất định đi thẳng Mỹ, không tìm gặp Huyền để chào từ biệt. Nhưng rồi một hôm tiện xe thẳng bạn, Thuận bảo nó lái lên Thủ Đức. Tới tòa biệt thự ba tầng gần nhà máy biến điện, Thuận bảo thẳng bạn lái chậm chậm. Nhìn vào cổng lớn, Thuận thấy một gia đình đông con khác đã đến ở. Đó hẳn là gia đình viên kỹ sư mới thay chú Quát. Cho đến ngày đi, Thuận không một lần nhắc đến tên Huyền với chị Ninh.

Ngày sắp lên đường chị Ninh dặn:

- Sang tới nơi cậu viết thư về ngay nhé.

Thuận đáp:

- Em ghi cả nhật ký cho chị đọc về sau nữa.

(Và Thuận đã ghi nhật ký thật để ngày về trao cho chị Ninh.)

Ninh ra phi cảng tiễn em, rồi lên phòng giải khát trên tầng lầu đợi cho đến lúc phi cơ cất cánh thì ra đứng bao lơn vầy. Ninh ra về ngay, ngửa mặt theo dõi chiếc phi cơ mang Thuận đi khuất về phương Đông ngang qua Sài Gòn.

Lá thư đầu tiên của Thuận khi vừa đặt chân đến đất Mỹ viết về cho Ninh khá dài, khá tỉ mỉ, chữ nhỏ lí nhí, cách hành văn nửa thư, nửa nhật ký.

Washington, ngày...

Chiếc Globe Master của MATS (Military Air Transport Service) chở em cất cánh hồi 15g30 ngày 3-1-196... thì bốn giờ sau em đã tới phi trường Clark Field (Phi Luật Tân). Nơi đây em vào snack bar ăn, lần đầu tiên làm self service nên khá bỡ ngỡ. Ngủ lại đây một đêm và chơi một buổi sáng, lại khởi hành lúc 12g20 (giờ Sài Gòn) ngày 4-1-19... tới đảo Guam vào lúc 19 giờ (giờ Sài Gòn), nhưng khi ấy giờ địa phương đã chênh lệnh khá nhiều với giờ ở quê hương mình. Nền trời Guam đây đặc sao khuya như đêm mùa hạ miền Bắc. Dừng lại ở Guam chừng hai giờ, phi cơ tiếp tục bay và tới đảo Wake vào 6 giờ sáng ngày 4-1-196... giờ địa phương (nếu còn giữ theo giờ quê hương thì lúc đó là 2g15 sáng ngày 5-1-196...). Hai giờ sau lại rời Wake, tới Hawai vừa 18g40. Nghỉ ở Hawai chừng bốn tiếng,

tiếp tục khởi hành, mười giờ sau tới San Francisco vào khoảng 11 giờ trưa. Khí hậu nơi đây ngấm ngấm rét còn chịu nổi.

Em ở lại San Francisco hai ngày, ăn cơm Tàu tại Chinatown đường Grant Avenue, rồi đi thăm cho hết những danh lam thắng tích của San Francisco. Khu Golden Gate Park tập trung đủ các loại bảo tàng: Viện Bảo tàng Mỹ thuật gồm những họa phẩm cực kỳ đắt tiền và nhiều tượng; Viện Bảo tàng Planetarium trưng bày các dụng cụ khám phá mặt địa cầu; tại Hải học Viện thấy đủ các thứ cá lạ, có giống cá điện để là Electric Catfish 100 volts; thú nhất là khu Academy of Sciences trong đó trưng bày một cách tuyệt mỹ những con giống nhồi bông như thể mình được bắt chợt gặp chúng giữa cảnh rừng rú. Đi mệt, em mua một cây kẹo bông trông như một bông lau 25 cents ăn không hết vút đi hết một nửa. Một lần khác em mua một pound nho tươi 35 cents, rồi leo lên chiếc tháp xây trên đỉnh một ngọn đồi cao, nơi đây em ngắm gần hết thành phố, thấy rõ hai cầu cầu danh tiếng: Golden Gate Bridge và Oakland Bay Bridge. Em đã rời San Francisco trên một chiếc phản lực của hãng Hàng không Hoa Kỳ vào lúc 12 giờ khuya. Chiếc jet này có hạ cánh xuống phi trường Chicago vào lúc tảng sáng, nơi đây đang mùa tuyết lạnh 10 độ dưới không độ. Từ phi cơ trông ra bên ngoài, thành phố trắng xóa im lìm, gió cuốn từng đợt tuyết hun hút. Khi em rời khỏi máy bay xuống phi cảng, trời ơi, lạnh tưởng phát sốt rét, toàn thân run cầm cập, hơi thở thành khói trắng mù mịt. Em phải chạy vội

qua sân bay vào một căn nhà xép của phi cảng có máy sưởi. Cũng may phi cơ chỉ dừng lại có nửa giờ rồi lên đường nốt chặng cuối cùng, đến phi trường Baltimore trời đã xế trưa. Nơi đây cũng có tuyết lạnh nhưng ít gió nên dễ chịu hơn ở Chicago nhiều. Một người Mỹ da đen to lớn tới đón, xách hộ em hai chiếc va-li ra xe Chevrolet của quân đội. Tiếng là xe quân đội mà cũng bóng loáng sang trọng lắm chị ạ. Em thấy rằng ở đây nước họ giàu lại bình yên nên cái gì họ cũng muốn tới cứu cánh của cái ĐỆP. Nghĩ mà tội cho dân mình mang thân ra giết nhau, mang đất nước ra làm bãi chiến trường cho thiên hạ yên vui. Thực vậy chị ạ, rời khỏi đất nước mới thấy rằng thế giới khắp nơi đều êm tiếng súng và dân chúng muốn đi đâu thì đi. Rời khỏi đất nước nhà, mới chợt nhận thấy mình quả là con cừu thế mạng cho thế giới yên vui. Thần Chiến Tranh được dụ dỗ nhốt quây tròn ở xứ mình, sẵn thịt người mình, máu người mình và nghi ngút khói súng, để thỏa lòng khỏi phá phách nơi khác. Chị ơi, tại nước nhà em vẫn tham dự chiến tranh mà phải đợi đến lúc ra khỏi nước mới thấy hết nỗi niềm chua chát đó. Chiếc Chevrolet của quân đội đưa em về văn phòng làm giấy tờ cần thiết, xong thì em được cấp buồng ngay lại khu sĩ quan độc thân. Xếp va-li xong em đi ăn ở cafeteria, đó là bữa ăn đầu tiên của em tại thủ đô Hiệp Chúng Quốc. Lúc về mệt quá nằm lăn ra ngủ một giấc. Buổi chiều thức giấc, bèn đi làm giấy ăn ở dining room cho rẻ và gọi được điện thoại liên lạc với Sứ quán Việt Nam mình ở đây.

Thư dài rồi chị nhé, và đầy đủ cuộc hành

trình của em. Cho em gửi lời thăm anh Bằng. Chúc chị ngủ ngon. Em cũng đi ngủ đây. Còn mệt lắm.

Em,

THUẬN

Sự thực ý tưởng ray rứt trên, ý tưởng dân mình làm con cừu hy sinh tế thần chiến tranh cho thế giới yên vui, phát khởi từ lúc Thuận leo lên đỉnh tháp San Francisco nhìn hai trụ cầu sơn đỏ của *Golden Gate Bridge*. Rồi đến vẻ đẹp vĩ đại hơn của cầu *Oakland Bay Bridge* với hai tầng đường xe đi. Tự nhiên những ý tưởng đập vào óc Thuận như những nhát búa. Những chuyên viên, những anh tài, những người yêu nước của đất nước phải đồng tâm xúm lại khả dĩ mới xây dựng đất nước cho phong quang kịp người. Thuận nhớ buổi tối trước hôm rời nước, có bữa tiệc tiễn thân mật do Hội, thằng bạn phi công, mời lại nhà hàng Olympia. Bữa tiệc chỉ có ba người: Thuận, Hội và người anh giáo sư kiêm viết báo - anh Cả. Thoạt anh Cả đảo mắt nhìn phòng ăn rộng lớn, chính giữa là vũ trường và cũng là nơi trình diễn những *attractions*, nói: “Ánh đèn rất tối nơi đây gọi được không khi ấm cúng và... tội lỗi, thế mà chỉ có ba tên đục rựa chúng mình thì thật là khi.” Sau đó cả ba cùng nhau vui vẻ ôn lại cảnh ngày nào gặp tai bay vạ gió tại vũ trường. Lúc đã ngà ngà say vẫn anh Cả nói, giọng trầm buồn:

- Thời gian thật là chóng! Ngày nào Hà Nội có cuộc Cách mạng tháng Tám, tôi bằng tuổi các

cậu bây giờ thường tự nghĩ thâm cú yên bình thì chỉ mười năm sau dưới quyền “lãnh đạo anh minh của Hồ Chủ tịch” nước mình sẽ chẳng kém Nhật Bản là bao. Thế mà ngơ ngác đã hai mươi năm qua rồi, hai mươi năm chinh chiến liên miên, tui nhục nhất là mười năm nội chiến gần đây. Đuổi kịp Nhật Bản ư? Thi Nhật Bản vừa hi hục xây xong đập Đa Nhim bồi thường cho miền Nam. Điện lực chưa kịp cung cấp cho dân chúng được hưởng, thì dưới “quyền lãnh đạo anh minh của Hồ Chủ tịch” đường dây đã được... tận tình phá hoại.

Tôi đây anh Cả giơ tay lên xoa má như để tưởng niệm lại ngày nào nhận được hai cái tát ở vũ trường, rồi mới tiếp:

- Thời tiền chiến mỗi khi tôi cắp sách đi học đều có qua nhà cô tôi. Đứa em gái nhỏ con cô tôi nay đã có con gái lớn sắp gả chồng. Cô tôi dĩ nhiên đã ra người thiên cô từ lâu. Thời gian qua mau quá.

Anh lại giơ tay lên xoa má bên kia rồi mới tiếp:

- “Đạo” Cộng sản xuất hiện chưa được năm mươi năm đã phân hóa tàn tạ rồi. Ô, thời gian qua mau, những cái gì tàn tạ theo thời gian trông thật thảm hại!

... Đứng trên tháp San Francisco, tuổi trẻ của Thuận từ trước tưởng như vô tư, nay ra khỏi nước thực tế so sánh bưng lóe thành tia sáng để Thuận thấy rằng thực ra trong tiềm thức Thuận không

hoàn toàn vô tư như mình tưởng. Tự nhiên Thuận thấy khao khát được ôm Huyền, sự kiện được ôm Huyền thiêng liêng như được ôm quê hương đầu khổ. Và những ý tưởng đã được phá vỡ như một dòng suối chảy mãi không ngừng.

Tối Washington làm giấy tờ xong, lợi dụng còn vài ngày tự do, Thuận đi lang thang các phố vừa ngắm cảnh vật, vừa như tự dò xét lòng mình. Thuận vào xem *Washington Monument*. Lúc trưa ra đi trời chỉ mù mù, nhưng lúc ở *Washington Monument* ra thì tuyết bắt đầu rơi. Thuận cảm thấy quạnh quẽ băng quơ bèn rẽ vào tiệm *Jenny's* ăn cơm Tàu để tìm thấy một chút thành thơi ấm cúng dưới ánh đèn.

Ở *Jenny's* ra thì tuyết đã trắng đầy. Tuyết rơi như những cánh hoa trứng cá bên nhà lá tả rưng. Tuyết rơi xuống cỏ, xuống lá khô thành những tiếng động nhẹ và giòn như tiếng cười lén. (Thuận liên tưởng đến tiếng cười của Huyền.) Một đợt gió ủa tới, cả một vùng tuyết bay bối rối trông vui như một đàn côn trùng đang giỡn với nhau. Thuận ngửa cổ lên đón một cánh tuyết, ném thử trên đầu lưỡi, chỉ thấy đó là một điểm lạnh tan đi ngay.

Về gần tới nhà, Thuận được một người bạn mới kéo sang câu lạc bộ sĩ quan, nơi đây thứ Sáu nào cũng có nhảy, đồ uống tính rất rẻ, và *free buffet* (ăn không tính tiền). Thuận nhảy một bản *swing* với cô Peggy (cô thư ký đã giúp Thuận liên lạc bằng điện thoại với tòa Đại sứ Việt Nam tại Hoa Thịnh Đốn). Nhưng rồi cũng không thấy hào

húng trong nhịp đàn điệu nhảy, sau bản nhạc đó Thuận chào cô Peggy ra về, nói là mệt cần ngủ sớm. Mà quả thực ngày đó đi nhiều, Thuận cảm thấy mệt thật.

Về tới nhà, Thuận muốn viết thêm một lá thư cho chị Ninh, nhưng hôm đó đã được báo trước là từ 17 đến 21 giờ không có nước nóng và hơi nóng sưởi. Khí lạnh từ ngoài xông vào, Thuận cảm thấy chân, tay buốt lạnh, đành chui vào chăn ngủ. Hôm sau, Thuận nhận được thư chị Ninh, lá thư đầu tiên từ bên nhà gửi sang. Chị Ninh cho Thuận hay là hôm trước Thuận đi thì hôm sau Huyền tới, để vừa cảm ơn Thuận đã trông nom đám táng chu đáo cho chú Quát, vừa xin lỗi về việc tới cảm ơn muộn như vậy vì sau tang lễ Huyền lên Đà Lạt ngay.

Thuận nhìn ra ngoài, mưa tuyết khá dày như những lông tơ trên mình con vịt tới tấp rơi xuống. Và Thuận nhớ đến Huyền. Ở nước nhà mỗi khi chợt thấy nhớ Huyền tha thiết, Thuận phải tìm cách xua lãng hình ảnh đó đi, luôn luôn tự nhủ đó là một hành vi bất chính. Nhưng ở đây, xa, thật xa đất nước, xa, thật xa Huyền, Thuận thấy mình chẳng nên xua đuổi những ý nghĩ về Huyền làm gì. Thuận đoán thầm hời ở Paris chắc Huyền cũng có lần nhìn mưa tuyết bên ngoài như thế này để cảm thấy lòng trống trải. Và biết đâu chú Quát ngày đó đã chẳng chọn gặp Huyền vào đúng lúc ấy để hỏi Huyền làm vợ. Những người già họ lắm mưu mẹo! Thuận lại cảm thấy được khao khát ôm Huyền! Huyền còn trẻ mà đã góa bụa. Ôi, được ôm Huyền chính là được ôm quê hương đau khổ.

CHƯƠNG 5

U ào chương trình lý thuyết Thuận bận suốt ngày thoạt là các bài giảng, các bài thuyết trình làm cuộc tổng ôn về loại khu trục cánh quạt. Sang tháng thứ hai mới bắt đầu hoàn toàn học về loại phản lực.

Eplekhari, một phi công đồng khóa người xứ Ba Tư, khuyên Thuận nên ra thuê phòng ở ngoài rẻ hơn và tự do hơn mất chừng 50 đô la một tháng. Thuận chỉ ừ hử rồi bỏ đấy vì ngại chuyển dịch, dù chuyển dịch chỉ có nghĩa là xách hai va li sang nhà khác.

Thuận đã liên lạc nhiều và khá thân với tòa Đại sứ nhà để được đọc báo từ Sài Gòn gửi sang, để được làm quen với một số kiều bào năng lui tới nơi đây.

Cụ Ph. đã mời Thuận về nhà ăn cơm với một số kiều bào mới và cũ nữa. Cụ gọi là... “việc làng”. Cụ. Ph đã sáu mươi tuổi, đứng làm đầu bếp cho một khách sạn lớn trong một khu nổi tiếng ăn chơi nhất của thành phố Baltimore. Hình như hồi còn trẻ cụ là đầu bếp cho một chiếc tàu buôn Pháp. Hình như cụ đã nhập cảnh Mỹ quốc bất hợp pháp nên bị trục xuất nhưng lần khần lần trở lại rồi vào lại Mỹ. Hình như cụ đã mấy đời vợ Mỹ - nhưng nay thì cụ vẫn là một ông già độc thân... Những câu hỏi trực tiếp để soi sáng cho những “hình như” trên tế nhị quá nên không ai dám hỏi, chỉ biết mỗi lần có “việc làng”, cụ luôn luôn tuyên bố là giá “đồng bào” nào gửi sang cho cụ được một bà Việt Nam mặc váy thì nhất! Thuận thấy quý mến cái chất nông dân vạm vỡ ở cụ, nhưng rồi lần nào gặp cụ nghe lại lời nói trên Thuận cũng phải chán.

H. đậu tiến sĩ Luật về quốc tế công pháp và hiện là giáo sư tại một đại học đường của Washington. Người vợ Mỹ của H. trẻ đẹp, ngoan và chiều chồng như một cô gái Việt con nhà thật nề nếp. Họ đã có một đứa con trai đầu lòng lên ba và họ dự định hai năm nữa sẽ cho ra đời thêm một đứa bé nữa rồi nghỉ hẳn. Nguyên do năm 1955 vừa cùng gia đình di cư vào Nam được một năm, H. xin được một học bổng sang Paris theo học tại trường Hàng không Quốc gia Pháp. H. là một người tài hoa, khi vào trường này anh được làm cử nhạc trưởng cho ban nhạc nhà trường. Cuối niên học nhà trường tổ chức cuộc đua xe hơi thường

niên, anh lại đoạt giải nhì. Suốt vụ hè đó anh đi ngao du hết miền Nam Âu (Tây Ban Nha, Ý Đại Lợi, Hy Lạp) đến miền Bắc Âu. Tại Đan Mạch, anh nhập bọn với toán sinh viên Mỹ cũng vừa tới thủ đô Copenhagen. Anh và Brooks, cô nữ sinh viên Mỹ, mến nhau ngay. Lúc chia tay họ hẹn hò, rồi thư từ qua lại suốt niên học. Thế là H. quyết định bỏ dở học bổng hàng không, sang Mỹ vừa tự lập vừa theo học Luật, và thành đôi với Brooks. Tới năm vừa qua, H. thành tài và ký hợp đồng dạy ngay tại Đại học đường mình theo học. H. rất chịu khó đọc sách báo và ưa theo dõi tin tức chiến sự tại nước nhà được loan báo trên đài vô tuyến điện hay vô tuyến truyền hình. Lần nào gặp Thuận, H. Cũng có chuyện để nói, đại khái:

“Ồ, Thuận. Chiều qua ở trường đại học về tôi gặp bác sĩ Nhật Takeou nói là nghe đầu Cộng sản Bắc Việt đánh xuống miền Nam thắng to. Lo quá, đi mua vội tờ *Evening Star Night Edition* không thấy gì, đến xem *Telex radio speaker* (máy tự động nhận tin) ở khu nhà thương quân sự Walter Reed thì ra đó chỉ là một trận phục kích thắng lợi của du kích miền Nam làm quân chính phủ bị thiệt hại chừng hơn một trăm người. Đỡ hoảng!”

“Này Thuận, anh có hay tin chiếc *Super Constellation* của nhà binh Mỹ trở ngót một trăm quân nhân cả Mỹ lẫn Việt trên đường về Việt Nam bị mất tích vào khoảng giữa đảo Guam và quần đảo Phi Luật Tân? Chắc lại có bàn tay bí mật phá hoại của Nga, Tàu. Chứ nếu máy hỏng ít nhất

cũng còn gọi được *radio* chứ, nhất là trời lại trong đẹp, không có giông tố gì cả.”

Ôi, không có hình ảnh nào đẹp đẽ bằng được sống với quê hương vào chính lúc này ra Thuận yêu quê hương như yêu mẹ. Đúng thế, có xa quê hương mới thấy nhớ quê hương như nhớ mẹ. Thuận mới rời khỏi lòng mẹ có hai tháng trời!

Đã có lần Thuận toan hỏi xem H. có ý định về nước chẳng, nhưng rồi lại thôi vì nghĩ cảnh đất nước đương nghiêng ngửa mà địa vị của H. ở đây thì đã vững đẹp. Thuận không hề có ý trách H. vì đó là tâm lý thường tình của con người; nhưng mỗi lần gặp H. để nghe H. hốt hoảng thuật một tin liên quan đến nước nhà, Thuận lại thấy lòng như tê dại đi, như băng giá đi. Và Thuận nhớ đến Huyền và Thuận muốn được ôm Huyền - Vì được ôm Huyền chính là được ôm quê hương đau khổ!

Còn một vài kiểu bào khác mà Thuận có dịp được giới thiệu và tới thăm nhà, nơi nào cũng một bầu không khí đua đòi đủ lệ bộ nào tủ rượu, nào TV, nào *radio*, *tourne disque*, nào lọ hoa, đĩa quả, v.v... Câu chuyện quanh quẩn ở bộ mùa thu này giá 50 đô- la, bộ đồ rét kia 70 đô la, cái máy TV của hãng RC kia không bằng chiếc TV của hãng *Westinghouse* này, v.v... Hình ảnh nghèo nàn của quê hương còn lại là bàn chân, họ ham đánh chân!

Thuận thấy rõ ràng họ là những người đương theo xu hướng trở thành vô dụng nhưng

lại mĩa mai ở chỗ họ luôn luôn tự xếp vào lớp người đứng hàng đầu của xã hội.

Vừa rồi Thuận được đọc một hài báo của anh Cả trong chông báo vẫn đều đều gửi sang Hoa Thịnh Đốn cho tòa Đại sứ nhà. Tác giả thoạt nhắc lại lời của một nhà báo Pháp ca ngợi người lính Bắc Việt trong cuộc kháng chiến qua chịu được trường kỳ gian khổ là người lính giỏi nhất hoàn cầu. Sau đó tác giả thuật đến một câu chuyện... Ngày đó tác giả dạy học tại một quận lỵ miền Tây cách thủ đô Sài Gòn chừng hai trăm cây số, tác giả thường đến húi đầu tại tiệm có hai bố con cùng hành nghề và hết sức nhã nhặn, lễ phép. Rồi người con được lệnh gọi nhập ngũ quân dịch. Ông bố đưa con đi trình diện ở quận, xin giấy rời khỏi quận. Ông bố đích thân ra chợ sắm các đồ vật vĩnh cho con, rồi làm tiệc tiễn con lên đường. Từ đấy, mỗi khi tác giả đến húi đầu lại nghe tiếng chép miệng của ông bố đó nhớ con và thủ thủ kể rằng tại trại nhập ngũ thằng con vào giờ nghỉ vẫn được phép hành nghề, nghĩa là cắt tóc cho những bạn đồng đội lấy giá rẻ. Vẫn bằng giọng thủ thủ đó, ông kể là thằng bé rất được cấp chỉ huy mến, số nó thế đi đến đâu cũng được quý nhân phù trợ. Rồi tác giả được đổi về dạy ở Sài Gòn, ít lâu sau có lần tới một tiệm cắt tóc gặp một chàng trai khuôn mặt ngờ ngờ quen, chàng trai cúi chào. Lúc đó tác giả mới nhớ đó là cậu con trai ông thợ hớt tóc. Cậu biết nỗi ngạc nhiên của tác giả, khuôn mặt cậu đã lấu lỉnh nhiều vì chẳng gì cậu cũng đã hơn một năm trời sống ở thủ đô, tuy nhiên lúc cậu ghé tai nói thầm với tác giả

thì còn giữ nguyên vẻ thực thà: “Thưa ông, chả là cháu trốn quân địch.” Từ đấy mỗi lần nhớ đến hai cha con ông thợ hớt tóc, tác giả không khỏi muốn bật cười. Tác giả nhận thấy người cha không hề là người xảo quyệt, đó chỉ là thái độ khôn ngoan duy nhất của người vùng quê khi họ bị tước đoạt hết mọi phương tiện tự vệ. Tác giả nhắc đến dư luận rất đúng của một tờ báo Mỹ công nhận có chuyện đào ngũ trong quân đội miền Nam, nhưng họ đào ngũ để về sống ở quê quán hay gần nơi quê quán, chứ không phải đào ngũ để theo đối phương. Tác giả lại mời độc giả tới quan sát một con đường từ Đà Nẵng đi Hội An chẳng hạn. Nào cầu bị Việt Cộng giật mìn, nào đường luôn luôn bị Việt Cộng đào phá và đắp ụ, nào bên đường là những cột dây thép đổ nghiêng vì những đường dây bên trên bị cắt đứt. Cảnh đó y hệt cảnh năm 1945 thời Việt Minh còn trong bóng tối đương hô hào đánh Tây đuổi Nhật. Nhưng thời xưa, hình ảnh đó gợi bao hào hứng trong lòng người mà nay cảnh đó sao bệ rạc, sao dơ dáy đại hình! Điều này chứng tỏ tại sao vẫn là những người lính Bắc Việt chịu đựng được mọi gian khổ ấy, nay xâm nhập vào miền Nam mà vẫn không sao đạt được những chiến thắng quyết định để thanh toán nốt miền này. Hình như càng ngày mộng thanh toán đó càng trở nên xa xôi, và kể cả những kẻ mù quáng nhất đôi khi cũng cảm thấy rằng xưa kia đào đường phá cầu là chặt chân quân cướp nước thực dân Pháp; nhưng ngày nay đào đường phá cầu là mình lại tự chặt chân mình, tự làm bằng hoại cơ thể mình. Tác giả nhấn mạnh

cho thế giới biết rằng người Việt miền Nam hay người Việt miền Bắc thì cùng là dòng giống Việt, đã nhẫn nại giữ nước và mở nước đó. Miền Bắc dưới quyền thống trị của một tập đoàn bá đạo nên phải khép mình trong kỷ luật chiến đấu, miền Nam thì dù thối nát đến đâu cũng còn biết tôn trọng tự do và sinh mạng con người; và chính vì sự dung hòa giữa thối nát và tự do đó mới có tình trạng trốn quân dịch, đào ngũ kỳ khôi như vậy. Nhưng thiếu gì gương trốn quân dịch thì cứ trốn, nhưng khi đã gia nhập quân đội chiến đấu thì cùng chiến đấu gan dạ và oai hùng như ai. Trốn quân dịch là trốn không muốn giết đồng bào hay bị đồng bào giết, nhưng khi chiến đấu là chiến đấu để bảo vệ tự do và nhân phẩm. Người Việt miền Bắc hay người Việt miền Nam cũng là người Việt đó, ở hai hoàn cảnh khác nhau thì phản ứng bằng hai cách khác nhau đó thôi.

Tác giả kết luận: “Hỏa ngục trần gian nơi này được dựng lên kiên cố bằng hai bức tường châu đầu vào nhau: bức tường cộng sản bạo tàn và bức tường quốc gia thối nát, chỉ cần một bức tự ý sụp đổ là bức kia sụp theo liền và ngục thất không còn.”

Sau đó Thuận đều đều theo dõi những bài báo khác của anh Cả, đại loại bao giờ cũng có những nhận xét dí dỏm để châm biếm cả đôi bên như vậy. Nếu là bài châm biếm nhẹ nhàng thì Thuận được đọc cả bài, những bài gay gắt thì có những khoảng trắng kiểm duyệt; nhưng Thuận có

thừa thông minh để hiểu giữa hai dòng chữ, thông suốt những khoảng trắng lổ chỗ, và những bài báo của anh Cả đã giúp Thuận thường xuyên nhận ra khuôn mặt nấu nung của quê hương bên kia bờ đại dương.

CHƯƠNG 6

Cuối tuần đó Eptekhari có ý muốn nhờ Thuận chụp giúp cho một cuốn phim màu kỷ niệm để hẩn gửi về cho vợ con ở thủ đô *Teheran*. Cả hai định đi từ sáng, rủi gặp phải hôm sương mù, khoảng mười giờ các xe còn phải bật đèn. Tối 13 giờ sương mù vẫn chưa tan hẩn nhưng được cả buổi chiều nắng ấm và trời quang.

Thuận chụp cho Eptekhari cả cuốn phim màu *stereo* lấy đủ các thứ bối cảnh, đường phố, đài kỷ niệm Jefferson, công viên,... Chụp xong Thuận được Eptekhari đưa về nơi hẩn có phòng thuê, hẩn giới thiệu Thuận với bà chủ nhà, bà Shiriey Gitting. Khi hay Thuận là người Việt Nam, bà nói một năm trước tại đây bà cũng cho một bác sĩ Việt Nam thuê phòng ở, ông ta tu nghiệp sáu tháng ở bệnh viện lục quân Reed Waller. Khi biết Thuận còn độc thân, bà cười thuật thêm rằng ông bác sĩ

nọ trông tuy con trẻ mà đã bốn mươi mười tuổi và điều kinh dị nhất đối với bà là ông ta đã có tới sáu con.

Lúc đó cô con gái bà trên lầu xuống, bà giới thiệu cô với Thuận: *Miss Blair*. Bà nói thêm bà còn đứa con trai trưởng trên ba mươi tuổi đã lập gia đình hiện trông nom trại nuôi súc vật ở Virginia cách thủ phủ này không bao xa. Nhân đà vui câu chuyện, Eplekhari hỏi bà trước đây đã phòng ngừa ra sao để có ít con. Bà đáp thẳng thừng bà phương pháp phổ thông là làm *lavage*.

Blair khoảng vừa hai mươi tuổi, vẻ đẹp hồng hào khoẻ mạnh, nhất khi nàng cất bước dù là nàng đi giày cao gót mà những bước thật vững thật chắc, đôi mắt nàng nhìn thẳng và nụ cười của nàng Thuận thấy ngợp... hiện tại. Khi nghe mẹ nói về *lavage* nàng mủm mỉm cười nhìn nghiêng qua cửa sổ.

Để thay hướng câu chuyện Thuận hỏi Eptekhari về Ba Tư và Eptekhari thuật lại những tập tục, những tôn giáo cùng các sắc dân tại quê hương mình.

Thuận góp chuyện với Eptekhari:

- Xứ tôi với xứ anh nhiều điểm giống nhau, Xứ tôi ngày xưa cũng có những hình ảnh cụ đồ già dạy trẻ trong làng, những cô gái xứ anh và xứ tôi đều nổi tiếng là đẹp với thế giới, nhưng nếu tôi không nhầm, thì vẻ đẹp các cô gái Ba Tư rờn rờn định mệnh, các cô gái Việt đẹp hiền hơn.

Blair vội góp ý:

- Tôi có được trông hình ảnh các cô gái Việt Nam ở Sài Gòn trên vô tuyến truyền hình, tôi rất thích cái áo dài của các cô.

Thuận nói thân mật:

- Người tầm thước như Miss Blair thì mặc đồ Việt có thể hợp lắm.

Sau đó Blair khoe với Thuận là nàng đương theo học lớp uốn tóc ở đại học. Thuận hơi ngạc nhiên hỏi:

- Ở đại học có dạy cả lớp uốn tóc?

Blair gật đầu:

- Vâng đó là Viện Đại học Mỹ Thuật. Lớp đó có chín tháng, ngoài việc chọn kiểu tóc cho hợp với khuôn mặt từng người, chúng tôi còn phải học cả về khoa giải phẫu để biết trên khuôn mặt con người có những mạch máu chính nào, có những dây thần kinh nào.

Lúc đó Eplekhari mới trở lại câu chuyện khuyên Thuận nên thuê phòng ngoài ở cho tự do, vì chính nơi đây bà chủ còn một phòng nữa trên lầu.

Thế là Thuận ưng ngay.

Thuận dọn sang chỗ ở mới một tuần sau vào một ngày mưa dầm dề, lạnh và u ám. Tuy nhiên theo radio thì ngày đó - 21 tháng 3 - đã là

ngày đầu của mùa xuân. Bà Gitting và Blair vui mừng đón tiếp Thuận, còn Eptekhari thì khỏi phải nói. Bà Gitting ở phòng dưới nhà với phòng khách và nhà bếp, trên lầu có ba phòng thì một của Blair, một của Eptekbari và một của Thuận, cả ba cùng chung một phòng *toilelte*.

Một lần vào buổi sáng trước khi đi học, Blair được Thuận mời vào thăm căn phòng chẳng lấy gì làm ngăn nắp của mình và mời Blair uống chén nước trà sớm, thứ trà Tàu Thuận mua hôm trước ở tiệm China Inn trên đường 7th Street nối với Georgia Avenue thì phải. Blair uống trà với đường và thích thú mở cuốn sách khoa về các trường phái hội họa mà Thuận mượn tại thư viện không quân. Thuận nói với Blair là nàng cứ việc đem cuốn sách đó về phòng, xem kỹ rồi trả sau cũng được.

Từ đấy Thuận luôn luôn mượn thêm sách loại học hỏi nhiều tranh ảnh như vậy để Blair cùng xem. Một lần mang sách sang phòng Blair vào buổi tối sau bữa ăn, Blair báo tin mừng nàng đã tốt nghiệp lớp học uốn tóc. Mọi điều thật bất ngờ nữa là nàng đã xin được việc làm tại một tiệm uốn tóc danh tiếng nhất thủ đô, tiệm *Rose and Beauty* có chủ là người Việt Nam. Tiệm đất khách đến nỗi khách hàng luôn luôn phải liên lạc với ông chủ bằng điện thoại để tiện việc thu xếp chỗ trống. Buổi tiếp chuyện đầu tiên, Blair vô tình khoe với ông ta là nhà nàng có một sĩ quan phi công Việt Nam mới tới trọ và Blair thấy đôi mắt ông sáng

lên hỏi: “Thế à?” Blair kết luận ngay thẳng là sở dĩ ông nhận nàng vào làm việc vì nhà nàng có viên sĩ quan đồng bào của ông hơn là vì mảnh chứng chỉ mà nàng vừa được cấp phát. Và Blair hỏi Thuận một câu hình như đã suy nghĩ nhiều:

- Người Việt Nam hình như sống nhiều bằng tình cảm phải không anh Thuận?

Thuận chỉ cười mà không trả lời.

Blair kể cho Thuận biết thêm ông nội nàng gốc người Armenia, thoát cụ tới định cư ở California như hầu hết các đồng bào cụ. Cụ có bộ râu mép dài lắm, đẹp mượt rủ xuống hai bên - nàng cũng chỉ được ngắm trong ảnh. Tới đời cha nàng, ông vào thủy quân và dời đến Hoa Thịnh Đốn; ông còn tậu được một trại nuôi súc vật ở Virginia. Cha nàng mất đã hai năm nay. Nghe tới đây Thuận nói với Blair:

- Bây giờ thì tôi hiểu, khuôn mặt hồng hào cùng đôi mắt con người màu hạt dẻ của Miss Blair chính là vết tích nguồn gốc Armenia của cô.

Blair hỏi:

- Anh có vẻ hiểu người dân Armenian quá nhỉ?

Thuận nói thực:

- Là tôi cũng chỉ đoán phỏng chừng thôi, nhưng tôi chắc là mình đã đoán không lắm.

Blair chỉ cười cho lời nói chủ quan của Thuận mà không thêm gì hơn.

Cuối tháng ba ngày đã bắt đầu ấm, có lẽ hơi nóng, và Thuận cũng đã học hết phần lý thuyết để sang thực hành. Lá chiếc phản lực vun vút trên trời xanh, Thuận mới hiểu vì sao lần này người ta không cần chọn miền Nam làm nơi huấn luyện. Trời Hoa Thịnh Đốn kể từ tháng này cũng khá trong, khá đẹp chẳng kém gì trời miền Texas.

Tuy nhiên lá được nửa giờ Thuận gặp một đám mây bão *cumulonimbus* dầy cộm hình một chiếc đe khổng lồ, màu mây quăng giữa đã xám loãng và trên đầu màu trắng lộng, chúng tỏ đám mây bão đó cũng sắp tan rồi. Thuận lái quanh “chiếc đe khổng lồ” màu xám nhạt đó rất khéo khiến người huấn luyện viên Mỹ phải thốt lời khen ngợi.

Chiều thứ Sáu đó, ở phòng ăn ra, gió mát lồng lộng ngoài đường làm Thuận thấy dễ chịu. Tiếng trẻ con nô đùa nghe thật vui, dạo này nhiều khi Thuận thấy chúng nó đùa suốt từ chiều cho mãi tới chín, mười giờ mà chưa yên. Lên lầu, Thuận đã thấy Blair đứng trước phòng. Gió xuân dường như cũng thổi thêm niềm vui vào tâm hồn cô gái vừa tới tuổi dậy thì đó. Thuận hỏi:

- Cuối tuần này Miss Blair có bận gì không, nếu không mai chúng mình đi quay phim.

- Đi chứ anh Thuận. - Blair đáp - Tôi thì còn

bận gì. Hoa bắt đầu nở nhiều rồi đó, đi quay phim vào đạo này thật tuyệt!

Hôm sau cả hai cùng ra đi từ mười giờ sáng. Đúng như lời Blair nói, hoa đã bắt đầu nở nhiều, có những bông thuộc loài huệ lớn nở trắng xóa bên những cụm hoa vàng nhỏ xinh, hoa *Chèvre-feuille* thì phải. Hoa và nụ như thi nhau xuất hiện, lộc cây nhú xanh. Cảnh vật thật đã thức tỉnh với mùa xuân suốt dọc đường. Xe buýt dừng lại tại một trạm gần bờ sông, Blair và Thuận cùng xuống. Ánh sáng chan hòa thừa đủ cho Thuận quay phim. Khoảng bờ sông Potomac thật đẹp, bờ nước được xây dựng đúng như một bức tường ngăn cho đất khỏi lở, bên trên là bãi cỏ với những hàng cây lộc non xanh mơn mớn thành rừng, nhìn sang bờ bên kia cũng vậy. Thuận không quên thu vào ống kính giống chim mòng - *gulls* - nơi đây nhiều vô kể, bay từng đàn trên cao, lội từng đàn dưới nước và kêu tự do như không biết sợ người. Đã có kinh nghiệm về lấy ánh sáng, đã có kinh nghiệm về cách bố trí phân cảnh ngấm trong óc, nên cuốn phim màu đó rất thành công khi thì thuần cảnh, khi thì Blair xuất hiện *gros plan*, khi thì Blair xuất hiện cùng với một vài bóng nhỏ khách qua đường khác; cảnh và người được thay đổi vị trí luôn luôn. Cuốn phim tận cùng tuần tự bằng ánh nước dòng sông Potomac lấp lánh, rừng cây trở lộc xanh non trên bờ và đàn chim mòng vỗ cánh bay ra xa... tí xa... phía giữa sông cả một vùng trời nước bao la như đã tới cửa biển. Bữa trưa hôm đó Thuận đưa Blair vào tiệm *May Flower* ăn *spaghetti* và uống

Coca-Cola. Thuận khẽ lắc đầu nói đùa với Blair:

- Một buổi cuối tuần đi chơi như thế này, ăn uống như thế này thật là lành mạnh

Blair cười mỉm nhưng rất tươi hởi giễu:

- Theo trực giác của anh thì cách sống đó phỏng đoán có giống cách sống của người dân *Armenian* không?

Thuận cất tiếng cười lớn và nhìn thẳng vào đôi mắt màu hạt dẻ của Blair.

Tuần sau khi đã rửa phim xong, chiếu cho mọi người xem ở phòng khách, bà Gitting nức nở khen cảnh đẹp và khen cả con gái bà nữa. Thuận ghé tai Blair nói khẽ: “Miss Blair đúng là hoa khôi *Armenian*!” Và Blair cũng đáp khẽ kèm theo nụ cười mỉm dí dỏm: “Cũng lại là anh phỏng đoán chứ gì?”

Chương 7

Con đường Constitution Avenue rộng lớn là vậy mà hôm nay cũng bé thỏm đi với hai rừng người đứng hai bên bờ xem rừng người thứ ba lưu động khoảng giữa như một dòng sông màu sắc. Đó là ngày biểu diễn xe hoa của các hoa hậu anh đào: *Parade of the Cherry Blossom Princesses*. Năm nay có 53 hoa hậu, ngoài 50 hoa hậu đại diện cho 50 tiểu bang Mỹ quốc còn ba hoa hậu của Nhật Bản, Guam và Gia Nã Đại nữa.

Blair đứng bên Thuận luôn miệng góp ý kiến về quay phim: “Kìa anh Thuận quay lấy cảnh đám học sinh trung học này đi, anh có thấy họ mặc đồng phục đẹp không, nhất là đám con gái đuôi trần, đi ủng màu trắng buộc giày màu đỏ... Anh quay lấy cảnh dàn nhạc kèn đồng này đi, anh quay thẳng hể trợ cầu cao cổ này đi, trông ngộ

không... Anh phải quay lấy cảnh người ngựa cowboy này tượng trưng cho Texas...”

Nhưng mỗi khi xe hoa hậu lướt qua thì Blair cũng giơ tay vẫy và hò la với đám con gái mười bốn, mười lăm tuổi gần đấy: “Ê, Hoa hậu! Hoa hậu!” và quên cả giục Thuận quay phim. Cái vui vô tư của Blair, cái vui vô tư của cả đám quần chúng Mỹ lúc đó làm Thuận thấy chạnh lòng, và những ý nghĩ ngày nào trên tháp San Francisco lại hiển hiện trong trí. Cuộc diễn hành khởi đầu từ mười một giờ mãi tới một giờ rưỡi mới hết. Blair gặp hai người bạn gái khác, một cô cùng làm ở tiệm uốn tóc với nàng, còn cô kia là chuyên viên họa đồ cho một hãng chế tạo máy móc. Cả hai đều đã đứng tuổi, khoảng hai mươi sáu, hai mươi bảy và cũng chưa chồng. Thuận mời cả ba cùng đi ăn cơm Tàu ở một tiệm gần đấy. Sau đó Pearl và Ann, tên hai cô bạn mới, cùng ngỏ lời mời Blair và Thuận tới thăm căn nhà nơi của hai cô mới hùn nhau mua. “Căn nhà mới” là chiếc ca-nô lớn đầy đủ tiện nghi: bếp núc, nhà tắm, vô tuyến truyền hình, *radio*, bàn ghế, lò sưởi, tủ sách, phải kể thêm cả con mèo nữa. Thuận chỉ khẩu súng treo trên tường, hỏi hai cô thường thích săn gì. Pearl trả lời là súng đó còn để giữ mình nữa. Thuận cũng nói đùa: “Thế thì nguy hiểm cho kẻ vô đây lắm nhỉ.” Tới đây thoạt các cô chỉ cười thôi, sau cùng vẫn Pearl nói thêm: “Nhưng với anh Thuận thì không. Vì anh là phi công phản lực mà!” Câu nói đùa có lẽ vô nghĩa mà cũng làm cả ba cười rộ, trừ Blair. Thuận đưa mắt nhìn ra bên ngoài, xung quanh

còn nhiều ca-nô khác của nhiều gia đình sống tương tự, xe ô-tô của họ đậu thành hàng dài trên bờ. Trước khi chia tay, Ann nói là nếu Thuận thích chụp ảnh hay quay phim cảnh đẹp thì thứ Bảy tuần sau hai cô sẽ mang xe tới đón đi Mount Vernon xem căn nhà cũ của Washington. Theo hai cô thì cảnh từ đây đi Mount Vernon nhiều chỗ đẹp lắm. Rồi hai cô nhất định lái xe đưa Blair và Thuận về tận nhà tựa như hai cô muốn đáp lễ bữa ăn Thuận mời. Lúc đó vào khoảng năm giờ chiều, Thuận bắt tay hai cô thật chặt sau khi đã xuống xe và trước khi từ biệt. Không hiểu sao nếp sống tự lập của hai cô gái muện chồng đó như có khơi động mối cảm tình đặc biệt nào trong Thuận, điều này có thể đã làm méch lòng Blair, vì Thuận thấy Blair đi thẳng lên phòng mà chẳng ngoái cổ lại nói với mình thêm lời nào nữa. Nằm trong phòng mình. Thuận tiếp tục nghĩ về Pearl và Ann. Cách sống của hai người con gái đúng tuổi đó, tự lập mà không có vẻ đàn đúm. Các cô luôn luôn cười nói vui vẻ, lịch thiệp nhưng trên nét mặt các cô, Thuận vẫn thấy phảng phất một cái gì sâu muện không thổ lộ ra, những tiếng cười giòn như muốn xóa nhòa sự cô độc, rút cụt sự miễn cưỡng cô độc vẫn để lại vết hằn tưởng như mờ ảo mà kỳ thực khá rõ.

Thuận cố liên tưởng đến một ông già làm tại văn phòng của căn cứ không quân, ông đã sáu mươi tuổi rồi mà chưa vợ. Có lần Thuận hỏi đùa vì sao, ông lắc đầu cười rất vui và trả lời: “Chính tôi cũng không biết!” Nếu người đàn ông sống cô độc là vì họ thích thì chắc chắn đàn bà sống cô độc

là vì hoàn cảnh bó buộc họ thế. Chết chưa, Thuận nghĩ đến Huyền rồi! Thuận để mặc cho mình nghĩ rất nhiều về Huyền, dòng tư tưởng vốn đã được phá vỡ thì cứ thế mà chảy hoài. Thuận lại ao ước được ôm Huyền, vì quả thật ôm Huyền là ôm quê hương đau khổ vào trong lòng. Nhìn đồng hồ, Thuận vùng dậy và chạy sang gõ cửa phòng Blair:

- Miss Blair nghĩ sao, chúng ta cùng đi đến tiệm *Jenny's* ăn cơm Tàu đi.

- Thôi cám ơn anh, tôi hiện mệt lắm! - Blair vẫn nằm trên giường từ bên trong đáp ra như vậy.

Nhưng rồi hôm sau khi Thuận đưa cho Blair cuốn sách mới về thiên văn học với nhiều ảnh chụp những ngôi sao chổi, những định tinh, những thiên hà, thì giọng Blair lại vui tíu tíu, quên khuấy hết những gì làm nàng bức dọc hôm trước.

Thứ Bảy tuần sau Ann và Pearl y hẹn tới đón Thuận từ sớm. Họ rời khỏi thủ đô theo đường xe buýt lớn ra khỏi ngoại ô, đi sâu vào vùng quê nước Mỹ; họ đi Mount Vernon. Thịnh thoảng Pearl lại theo lời yêu cầu dừng xe lại cho Thuận quay phim và ý chừng cứ quan sát cách quay phim, cách lựa chọn thông minh cảnh vật và người của Thuận, Pearl cũng đã thấy giá trị những hình ảnh Thuận thu được nên nàng không ngớt lời tán thưởng. Quả vậy sau này khi Pearl và Ann được mời tới phòng khách nhà bà Gitting để xem chiếu lại cuốn phim đó, mọi người đều thấy Thuận đã thu được đầy đủ những nét

diễn hình của vùng quê nước Mỹ. Thoạt là hình ảnh con đường thiên lý rộng và hun hút màu đá mài với những vệt kẻ trắng phân đường, rồi hình ảnh những chiếc xe nhà, những chiếc xe buýt từ xa tiến lại rồi vụt xa dần. Kế đó là hình ảnh những cây hoa đủ màu sắc nở trên nền cỏ xanh, những căn nhà nhỏ gọn gàng phía xa, lũ trẻ tung tăng nô giỡn, cha mẹ đương trồng cây hay xén cỏ; rồi những con đường đất, những cảnh rừng um tùm, những sườn đồi thông xanh và thoáng, những gia đình đi *picnic* vợ chồng con cái nằm phơi nắng, những sân *tennis* ở giữa rừng, những sân *golf* màu cỏ mịn như nhung.

Đường đi lại sát với bờ sông Potomac nên đôi chỗ Thuận thu được hình ảnh quang sông rảnh lên với những ca-nô, *yatch* bập bênh dưới nắng và bên kia bờ tí tắp là những con đường thiên lý khác với từng đoàn xe du lịch loang loáng dưới bóng cây và dưới nắng. Hình ảnh Blair, Pearl và Ann được thu vào ống kính khi mọi người khởi sự vào xem căn nhà của Washington trên đồi cao nhìn thẳng xuống dòng sông Potomac bên dưới. Blair, Pearl và Ann đứng sát với mấy nữ sinh trung học mắt thơ ngây lắng nghe và lắng nhìn. Đó là lúc người Mỹ da đen gác cửa đương kể lại cho du khách nghe chuyện Washington bằng thứ giọng đều đều hoài cổ.

Cuộc vui ngắn chẳng tày gang! Những cuộc vui tương tự qua mau, mà Thuận thì cũng không nặng lòng lưu luyến. Thuận nhớ quê hương!

“... Chúng bay hãy đến Nghĩa trang Quân đội bên Gò Vấp mà nhìn mồ mả...”

Chúng bay hãy đến đó mà căng biểu ngữ biểu tình...

Chúng bay hãy đến đó mà kiểm điểm tiền thụt két, tiền quỹ đen quỹ đỏ...”

Thuận còn nhớ như in những lời nói của viên sĩ quan nhảy dù đêm nào!

Người ta nói đúng!

“Thế hệ các cậu ngày nay phải có mặt ở chiến trường về sau mới không bị mặc cảm. Các cậu chiến đấu cho lịch sử dân tộc, lịch sử vẫn tiến đấy chứ, lũ khốn nạn chúng sẽ bị đào thải mà. Một ngày gần đây thôi.”

Thuận nhớ như in lời nói của anh Cả. Có lẽ vì vậy Thuận vẫn vui những cuộc vui nơi đây mà thực tình không nặng lòng lưu luyến. Chỉ còn một tháng nữa Thuận sẽ mãn khóa hồi hương. Trở về để nhìn những cảnh bản thỉu ở thủ đô, trở về để chứng kiến những cảnh tàn khốc ở nơi đồng ruộng, nhưng lời nói của anh Cả đã mặc khải cho Thuận: Thuận chiến đấu cho sự tiến triển của lịch sử đất nước.

Về nước chuyển này Thuận còn phải gặp Huyền nữa. Thuận phải gặp Huyền chứ! Hình ảnh Huyền đã được nghiền ngẫm kỹ trong trí Thuận!

Thuận muốn ôm Huyền, muốn hôn Huyền,

hôn lên môi, lên má, lên cổ, lên bộ ngực thanh tân đó, muốn nhập vào cái đẹp đau khổ đó. Huyền đau khổ hay chính Thuận đau khổ? Đã hơn bốn tháng xa quê hương đau khổ, trên mảnh đất đau khổ đó có một người đau khổ: Huyền! Cứ biết là Huyền đau khổ, khỏi cần nói là Huyền chỉ mới đau khổ, khỏi cần dè bủ là cái đau khổ của Huyền khác với cái đau khổ của những người ở làng quê xấu số gục ngã dưới làn đạn của cả hai bên bắt thần vào lúc đương cầm cày hay đương ăn cơm. Chính Huyền mới đau khổ nên niềm đau càng như cắt! Sự đau khổ cũng phải có thiên binh vạn trượng chứ! Huyền đau khổ ngay trên chính đất nước đau khổ không đủ sao? Mỗi người đau một niềm đau khác, và tất cả gộp lại cho ngọn lửa của niềm đau chung.

Thuận nhắm mắt lại. Thuận muốn ôm Huyền, ghì chặt lấy Huyền, ghì chặt lấy niềm đau khổ đó.

Phần lớn kiêu bào nơi đây vì họ xa quê hương lâu quá rồi, họ không còn tha thiết muốn ôm quê hương nữa, sợ máu quê hương dính lên tay áo, vạt áo. Họ sợ bắn.

Có tiếng gõ cửa bên ngoài, Thuận hỏi:

- Ai?

Tiếng Blair:

- Anh Thuận chuẩn bị đi chưa?

Thuận sực nhớ sáng thứ Bảy này đã hứa

cùng Blair đi tàu thủy ngược dòng sông tới Marshall Hall, Thuận vội nói:

- Miss Blair chờ tôi chừng mười phút nữa nhé.

Mười phút sau, Thuận đã cùng Blair xuống phố ăn sáng rồi mới ra bờ sông lên tàu thủy đi Marshall Hall.

Marshall Hall là một khu giải trí lành mạnh, khi tàu đến, cả Thuận cùng Blair đã chú ý thấy những bánh xe khổng lồ quay đều đàng xa đưa người lên cao rồi lại hạ xuống. Đặc biệt hôm nay chẳng, giải trí trường có hàng ngàn nam nữ học sinh trung học tới mua vui. Thuận và Blair chỉ đi lẫn vào với bọn đó, nhìn bọn đó vui nhộn cũng đủ vui lây rồi. Họ tự nhiên và tràn đầy sức sống, tràn đầy niềm tin đời, yêu đời. Họ cười, họ nói, họ gọi nhau ơi ơi những bàn đu *swings*, những vòng ngựa gỗ *roundabouts*, những cuộc thi bắn, thi quăng dây thòng lọng... Không chỗ nào thiếu bóng họ. Họ đua nhau lao mình nhảy lên những *rolling scooters* chạy từng đoàn nối đuôi nhau vùn vụt, lúc lao xuống dốc như lao xuống vực, lúc lên cao bằng bốn năm từng lầu và cứ như vậy nhấp nhô vùn vụt trôi ra xa... ra xa mãi. Tiếng cười rú khoái trá của đám nam nữ học sinh đương ngự trị trên đoàn xe đó còn át cả tiếng bánh xe nghiêng trên đường sắt.

Khoảng hai giờ chiều khi bọn họ kéo nhau ra bến thì mặc dầu vẫn còn lại hàng ngàn người khác

mà linh hồn khu giải trí dường như bị hút theo đi hết. Blair và Thuận cùng lên lầu ra về với đám trẻ đó. Khắp nơi trên tàu trên *boong*, dưới sàn đều nhộn nhịp chật ních bọn họ. Thường một chú lại cặp kè với một cô, vỗ bụng vỗ hông và ôm nhau hôn nhau tự nhiên như không ngay trước mắt các hành khách mọi cỡ tuổi khác. Trông chúng thật “cao bồi” một cách hồn nhiên và đáng yêu. Đa số con gái đều mặc quần đùi hoặc quần chèn ống, chân đi giày vải, có cô tay xách giày chân đi đất, cặp chân trắng nõn, cô cô cởi áo ngoài khoanh đai giắt vào vành quần, có cô vớ đầu được chiếc *chemisette* con trai rộng thùng thình mặc chùng ra ngoài. Họ kết thành từng đám lổm đổm sặc sỡ khắp nơi trên tàu. Chỗ nào trên tàu cũng có liếng họ cười to hét lớn, chuyện trò “nhồm nhoàm”, hô hoán cả chuyến tàu thành giải trí trường của họ mất rồi. Tàu qua cầu Woodrow Wilson Memorial Bridge, còi kéo tu hú, tức thì máy chạy kéo hai đoạn giữa lên như kéo hai cánh cửa nặng nề lắm cho bóng tít lên trời với hai ánh đèn đỏ nhấp nháy để báo hiệu cho máy bay khởi húc phải. Cả đám trẻ thấy hay hay nhất loạt đứng lên ngó trước ngó sau ngẩng đầu chỉ trỏ, cho đến khi tàu đã qua và hai phần cầu đã hạ xuống. Khi tàu gần cặp bến, đám trẻ bỗng im lặng hẳn. Sắp chia tay rồi, chúng càng khắng khít dữ, nhìn bốn phía đầu đầu Thuận và Blair cũng thấy lũ trẻ mặng đó kết thành từng cặp âu yếm nhau như những cặp “vợ chồng chim khuyên”, có cặp ôm khít nhau như anh bé em vậy.

Thuận và Blair chỉ trở lại với chính mình khi đã xuống bến, đi đã khá sâu vào các đường phố lớn và không còn một bóng nam sinh nữ sinh nào xung quanh. Blair kéo Thuận vào Wax Museum, bên trong ánh đèn lờ mờ, hai bên là những ngăn nhỏ có tượng các danh nhân Mỹ: các vị Tổng Thống, các nhà bác học, các nhà thám hiểm, cả mấy nhà vô địch điền kinh và quyền Anh nữa; có cảnh Lincoln bị ám sát khi đang ngồi cùng vợ trong rạp hát; có cảnh Edison ngồi ở ghế sau xe Henry Ford do chính ông này cầm lái, bên cạnh Edison là chiếc máy hát do chính ông sáng chế. Khi bước tới trước cảnh một nhà thám hiểm bị dân da đỏ trói giật khuỷu tay nằm ngửa dưới đất và sắp bị giết, bộ ngực ông ta có máy làm thở phập phồng như người thực, thì cả Thuận và Blair cùng dừng lại. Thuận ôm lấy Blair, Blair ôm ghì lấy Thuận. Thuận cúi xuống hôn Blair, làn môi Blair in hẳn lên môi Thuận, mớ tóc Blair lòa xòa cảm giác lên cổ tay Thuận, cả bộ ngực Blair đè ép cảm giác bên dưới khoảng ngực Thuận. Đó là cái hôn mở đầu của tình yêu. Phía sau đã có người tiến tới. Thuận và Blair tiếp tục âu yếm khoác tay nhau theo lối đi vòng vèo mà xem nốt các cảnh, thực ra cả hai cũng chẳng để ý ngắm thấy gì thêm nữa.

CHƯƠNG 8

Ngoài những ngày làm việc trong tuần, cùng được thực tập phản lực cơ trên không, cùng ngồi ăn với nhau ở *cafeteria* hay ở *dining-room*, về tới nhà là Eptekhari hoàn toàn tự xóa nhòa khỏi cuộc sống dập dìu đôi lứa của Thuận và Blair. Thái độ tôn trọng đời sống cá nhân rất Tây phương hòa hợp với thái độ tế nhị đặc biệt Đông phương đó, có lẽ chỉ Eptekhari, con người xứ Cận Đông, mới thực hiện nổi chu đáo đến thế.

Thuận sang phòng Blair, nàng hỏi:

- Anh đã lấy *saving time* chưa?

(Từ tháng Năm đến tháng Mười, nơi đây người ta vắn lên một giờ cho thời khắc hợp với ánh sáng ngày hè.)

Thuận tháo đồng hồ tay âu yếm đưa Blair:

- Em làm ơn vặn hộ.

Blair mỉm cười cầm chiếc đồng hồ vặn tăng thêm một giờ, trao lại cho Thuận và nói:

- Tháng Mười chắc anh chẳng còn ở đây để lấy lại giờ cũ.

Không muốn để câu chuyện dây dưa đến chuyện còn hơn một tháng nữa mình đã về nước, Thuận quàng tay lên vai Blair và dìu nàng cùng ra đứng bên cửa sổ. Lúc đó đã bảy giờ rưỡi mà trời chiều còn sáng, Thuận chỉ lên vành trăng khuyết dường như muốn chìm vào vùng tím hồng của trời Tây:

- Em trông kia, tại nước Việt Nam hôm nay là ngày mừng Bốn Âm lịch, trăng thượng tuần chỉ xuất hiện có một lúc như cô gái trốn mẹ đi chơi.

(Thuận nghĩ đến câu nói ở quê nhà: “Mùng Bốn trốn mẹ đi chơi.”)

Blair nhìn Thuận mỉm nụ cười vui, - Blair thật dễ vui.

- Nhưng hôm nay anh trốn mẹ sang đây chơi, không phải em!

Nhìn vành trăng thượng tuần màu trắng sữa ngậy thơ, Blair kể thêm câu chuyện ngày thơ của thằng cháu con ông anh ở trại Virginia: Một lần ông anh và thằng cháu tiển Blair ra phi trường đi New York, kể từ đấy mỗi lần viết thư bao giờ nó cũng viết “cô ở trên ấy..” và “cháu ở

dưới này...” Nó cho là cô nó vẫn còn ở trên chiếc phi cơ bay cao bỗng tít đi vào mây xanh.

Blair kể câu chuyện đơn sơ đó bằng một giọng dí dỏm đặc biệt, Thuận ôm Blair sát vào mình, khuôn mặt Blair kể sát với khuôn mặt Thuận. Vào những lúc đó bao giờ Blair cũng khép hờ diềm lông mi và mím hờ đôi môi, nhưng nhìn theo đường sống mũi thẳng xuống, đó nghĩa là nụ cười mím chờ đợi. Đến khi Thuận đã cúi xuống đủ cho môi mình tìm thấy môi Blair, bao giờ Blair cũng hơi kiểng lên một chút để vành môi nàng in hẳn cảm giác lên vành môi Thuận, tức thì cái hôn đánh thức hiện tại dậy và vẽ hình hiện tại lên giác quan. Blair chỉ giữ vẻ thụ động lúc khởi đầu, lần nào cũng vậy!

Một lần, Thuận muốn kéo dài giây phút thưởng ngoạn thần tiên vẻ đẹp quyến rũ tràn đầy hiện tại đó của Blair trong một sự chờ đợi huyền ảo, Thuận lùa năm ngón tay vào mớ tóc mềm màu hung của Blair mà khoảng dưới uốn cong e ấp che thêm một khoảng cằm tròn xinh; Blair kiên nhẫn chờ, đôi mắt rõ ràng thức tỉnh nhưng lim dim nhìn xuống, vành mi khum khum và vành môi mím hờ ẩn hiện nụ cười mím. Và rồi Thuận không thể kéo dài giây phút đợi chờ hơn nữa. Thuận cúi xuống tìm gặp và thể hiện cái hôn tràn ngập hiện tại. Bao giờ trong những cái hôn ấy, Thuận cũng thấy hạnh phúc của mình tan hòa vào hiện tại, tan hòa thành hiện tại! Quả thực những lúc đó vùng hạnh phúc mà Thuận tan vào là vùng hạnh phúc

tràn đầy hiện tại, hiện tại mớ tóc tơ tơ của Blair thoảng mùi thơm cao quý, thứ nước hoa tinh lọc nhất của Đức *Besten Wünsche* - Lời cầu chúc tuyệt vời – (Blair không dùng nước hoa Mỹ). Hiện tại mùi thơm làm ấm cảm giác môi gặp môi, má kề má với Blair; hiện tại ngợp màu hạt dẻ của đôi mắt có truyền thống *Armenian* của Blair; hiện tại thơm mềm của đôi bàn tay có thoa *Jergens lotion*. Và ở những giây phút hạnh phúc tràn đầy hiện tại đó, khuôn mặt Blair độc tôn với những nét đậm thắm mà không một nét mặt nào khác len vào nổi...

Trong tập nhật ký sau này về nước trao cho chị Ninh như đã hứa, Thuận không hề một lời nói đến Huyền, nhưng Ninh vẫn được đọc đây đó ý nghĩ của Thuận về Blair sau những giây phút hạnh phúc tràn ngập hiện tại đó.

Washington, ngày...

Cám ơn Blair, anh ôm em, hôn em, hiện tại như những đám mây ngồn ngộn đùn lên trong một buổi chiều hiền hòa còn ánh sáng và gió hiu hiu. Hạnh phúc thanh bình quá em nhỉ? Tại sao anh như khao khát một cái gì hiu hắt? Có lẽ vì hoàn cảnh đất nước anh mà anh có niềm khao khát lạ đó.

Washington, ngày...

Blair, môi em còn để lại cảm giác êm ái trên môi anh, đường nét thân hình em còn in hình lên cảm giác trên thân hình anh. Lúc ghi sát em bên

cửa sổ, anh có chỉ cho em thấy một vì sao sáng. Giờ đây nằm một mình trong phòng anh, anh không nhìn ra cửa sổ mà vẫn thấy vì sao lung linh trong lòng thật đẹp. Nhưng sao lúc anh cúi xuống hôn em, vì sao đó như tắt đi trên vòm trời nhỉ? Anh chỉ còn thấg có môi em, thân hình em. Và hạnh phúc hiện tại tràn đầy!

Washington ngày...

Blair, hiện tại là mặt trời em nhỉ? Khi ôm em, hôn em cả hai chúng ta cùng biến thành hiện tại, cùng biến thành mặt trời chan hòa ánh sáng. Mặt trời gần quá!

Washington, ngày...

Còn nửa tháng nữa đã tới ngày lên đường rời khỏi nước Mỹ rồi! Blair biết vậy và lần đầu tiên mình thấy mặt Blair nửa như buồn buồn, nửa như bình tĩnh. Có lẽ muốn giữ cho lâu vẻ bình tĩnh, Blair hỏi nhiều về khóa tu nghiệp chuyên môn về phần phản lực cơ này.

- Như vậy là khóa tu nghiệp của anh dài mấy tháng nhỉ?

- Sáu tháng Blair ạ.

- Anh học những gì trong sáu tháng đó.

- Thoạt anh ôn lại tất cả những điều chính yếu về loại khu trục có động cơ, rồi học sang lý thuyết về khu trục phản lực, rồi thực tập.

- Khi thực tập người huấn luyện viên ngồi bên anh?

- Chỉ lần đầu là có huấn luyện viên cùng ngồi trong phi cơ, lần sau anh phải điều khiển lấy một mình, huấn luyện viên lái một phi cơ riêng theo anh.

- Như vậy anh phải giỏi lắm!

- Chỉ vì anh đã lái quen loại khu trục có động cơ rôi, thế thôi.

- Anh lái loại phản lực cơ nào?

- Thoạt là loại T-37, một loại trainer chuyên dùng để huấn luyện, qua chừng bốn chục giờ loại này, anh sang toại F-86, loại fighter chiến đấu hản hoi, thêm chừng một trăm giờ nữa.

- Việc tu nghiệp của anh đã xong?

- Đã xong!

- Chắc anh phải qua những kỳ thi trắc nghiệm để người ta kiểm soát lại khả năng chứ?

- Nhất định thế!

- Anh đã qua xong tất cả những kỳ thi đó?

- Mới qua có Air-to-Ground Gunnery (tác xạ không địa), Air-to-Air Gunnery (tác xạ không không) và Instrument flying check (bay phi cụ: hoàn toàn chỉ nhìn vào phi cụ mà kiểm soát, không cần nhìn ra ngoài).

- Tất cả những kỳ trắc nghiệm này anh đều khá?

- Rất khá!

- Anh còn phải qua những trắc nghiệm gì nữa?

- Một kỳ cuối cùng, Academic Test! (phần lý thuyết)

Càng những câu hỏi về sau mình nhận thấy giọng Blair càng buồn buồn; một phút sau Blair mới nói, giọng cố giữ cho được thật tự nhiên bình tĩnh:

- Cuối tuần này em mời anh, lần này chính em mời anh, anh là khách, tuyệt đối anh không được thò tay vào túi lấy ví ra trả tiền.

Washington, ngày...

Ai bảo là gái Mỹ không có những cử chỉ, những hành động thật tế nhị theo kiểu Á Đông? Thoạt mình ngỡ là cuối tuần này Blair sẽ mời đi ăn, hay đi chơi ra khỏi ngoại ô Washington; nhưng không, Blair cho gọi một xe ta-xi rồi cả hai cùng đến rạp Ambassador Theatre xem một phim ca nhạc tình cảm do Doris Day thủ vai chính, phim "Love Me or Leave Me". Người con gái tóc vàng óng và đôi mắt màu hạt dẻ đó muốn chơi chữ: "Hãy yêu em hay hãy rời xa em!"

Blair, anh ôm em thật tình, anh yêu em thật tình, nhưng anh phải về với quê hương. Ôm em là một điều đẹp, ôm em là ôm hiện tại. Hiện lại là sự

sống tức thì mà ai cũng ao ước sao cho thật tươi thật đẹp, và hiện tại của chúng ta quả là đã đẹp quá lòng anh mong ước. Nhưng ở hoàn cảnh anh, ôm hiện tại không đủ; ở hoàn cảnh anh, còn phải ôm dĩ vãng, Vì vậy mà còn phải ôm tương lai nữa. Phải ôm vì anh có khả năng ôm. Anh phải sống với hoàn cảnh anh! Anh phải về với quê hương!

Em không thể về với anh được vì tình yêu của anh không thể giúp em có ngay tức khắc khả năng cùng một lúc ôm cả dĩ vãng, hiện tại và tương lai của quê hương anh, mà quê hương anh thì đặc biệt như thế đấy. Tình yên vạn năng, anh biết, nhưng không thể nhất đán là chiếc áo giáp che chở toàn vẹn cho da thịt thơm non của em khỏi chất cường toan của cuộc chinh chiến hiện tại trên đất nước anh. Tình yên vạn năng, anh biết, nhưng cũng phải đòi hỏi thời gian mà thời gian tuổi trẻ của em, anh muốn giữ nguyên là hạnh phúc đơn giản tức khắc. Anh yêu em, cảm ơn em về những giây phút cực kỳ hạnh phúc, thứ hạnh phúc hiện tại cụ thể và gần gũi.

CHƯƠNG 9

Hai người cùng đứng ngay bên cửa sổ phòng Blair, bên ngoài ánh đèn đường phố chói lọi nhưng tí về phía trời Tây xa, ánh chiều còn chạng vạng. Thuận ôm Blair trong vòng tay.

- Anh đi đâu suốt nửa buổi chiều nay? - Giọng Blair hỏi đượm buồn.

- Anh đến tòa Đại sứ chào từ biệt những người quen biết ở đó. Anh thật tình muốn về đây sớm hơn để dù thế nào đi chăng nữa cũng kéo em đi ăn chiều nhưng lại mắc kẹt.

Từ dạo yêu Thuận, Blair đã quen với tính Thuận hay là bất thần rủ đi ăn chiều. Thoạt Blair hơi lấy làm lạ về cách sống “phi thời khóa biểu” như vậy, nhưng chỉ vài lần sau Blair đã thông cảm thấy cái đẹp của nếp sống làm chủ thời khóa biểu,

chứ không phải thời khóa biểu làm chủ nếp sống đó. Blair hỏi lại Thuận:

- Vì sao anh không về đón em?

- Vì anh gặp cụ Ph. Vào dịp nghỉ cuối tuần này, cụ giữ anh lại nhà cụ và làm bữa cơm Việt Nam tiễn anh.

Bất ngờ giữ anh ấy lại mời ăn. - Blair lại nghĩ thầm - Hình như người Việt Nam nào cũng không ưa nếp sống có thời khóa biểu hoạch định.

Thuận kể cho Blair nghe bữa tiệc tiễn hành tại căn cứ huấn luyện không quân hôm trước, kể thầm bên tai và ôm chặt nàng trong tay; Blair nghe và đợi, đợi Thuận hôn mình. Và Thuận đã hôn nàng.

Sau buổi xem phim "*Love Me or Leave Me*" Thuận đã bàn với Blair về hành trình về nước của mình. Ấu đó cũng là cách bày tỏ thái độ trung thực.

Thuận muốn sẽ đi buýt từ bờ Đại Tây Dương này xuyên qua lục địa Hiệp Chúng Quốc ngắm phong cảnh cho đã, rồi sẽ lên phi cơ về nước ở San Francisco trên bờ Thái Bình Dương. Blair đã từng theo học ở Nữ Uớc nên ghi sẵn lên một tờ giấy những nơi mà Thuận nên thăm, có kèm theo đôi lời chỉ dẫn. Blair muốn Thuận nên đến xem *Rockefeller Center*, khu sầm uất bậc nhất của Nữ Uớc; nên đến xem trụ sở Liên Hiệp Quốc vì đây là một kiểu nhà cực kỳ tối tân và vĩ đại; nên

đi buýt qua đường hầm Lincoln chạy ngầm dưới sông Hudson để sang New Jersey; nên tới thăm *Empire State Building* cao nhất hoàn cầu; nên tới thăm tượng nữ thần Tự Do; nên tới thăm *Greenwich Village* khu của nghệ sĩ mà trung tâm *Washington Square Park* hiện đang có cuộc trưng bày tranh của họ...

Nhìn những dòng chữ đậm, ngoằn ngoèo và xấu - hình như chữ người Mỹ nào cũng xấu - của Blair tự nhiên lòng Thuận thấy bồi hồi lạ lùng. Chưa bao giờ chàng ôm Blair chặt bằng lần ấy, chưa bao giờ chàng hôn Blair dài bằng lần ấy. Blair vẫn biết là Thuận tha thiết trở về quê hương, Blair không méch lòng, hầu như khoảng thời gian chia sẻ hạnh phúc yêu đương với Thuận tuy ngắn nhưng cũng đã giúp Blair vào khoảng siêu hình vô ngôn của cuộc sống mà biết chấp nhận những cái có bề ngoài mâu thuẫn.

Trước ngày từ biệt, Blair trao tặng Thuận một cái ví da đen, một cái hộp da đựng chìa khóa và một cái giá bút để bàn loại *Parker* tối tân có khắc dòng chữ: *Dear Thuận, Goodbye and Good Luck*. Thuận nhìn Blair yên lặng, Blair mỉm cười để chứng tỏ nàng đã nghe hết những lời Thuận muốn nói trong yên lặng. Sau cùng Blair nói khẽ: “Mai em sẽ đưa anh ra hãng xe *bus!*”

Hôm sau, Thuận xuống từ biệt bà Gitting từ sớm vì bà cũng sắp đi Virginia thăm con trai. Eptekhari thì đã rời Mỹ từ tuần trước. Cuộc tiễn đưa Eptekhari ở căn cứ không quân cũng như ở

nhà này đều đủ lệ bộ, nhưng tất cả những sự việc đó đều mờ nhạt đi dưới ánh sáng tình yêu của Thuận và Blair.

Giờ đây Blair sẵn sóc hành lý của Thuận như cô chị gái. Thuận lên gác tắm cho mát vì rồi đây suốt mấy giờ ngồi trên *bus* đi Nữu Ước sẽ lắm mồ hôi. Quần áo chỉnh tề, vừa buộc xông giày thì Blair vào. Blair lẳng lặng tiến lại đứng phía sau thành ghế, hai cánh tay quàng ôm gọn lấy Thuận, rồi vẫn dáng điệu trầm lặng đó - từ mấy hôm nay rồi, cử chỉ nào của Blair cũng nhiễm tính chất trầm lặng - Blair cúi xuống hôn Thuận, Thuận hơi ngửa mặt đón nhận. Đã từ lâu Thuận luôn luôn ý thức là mình ra đi rồi trở về với sự khổ đau của đất nước nói riêng và của cả châu Á nói chung. Cái hôn của Blair như muốn sưởi ấm cho những ý nghĩ ngổn ngang đó. Vì Blair nghiêng người và cúi xuống hôn nên nàng có vẻ chủ động tích cực, nhưng Thuận đón nhận mà không hề cảm thấy mình thụ động. Chắc chắn là cả Blair lẫn Thuận đều hiểu rằng đôi bên cùng đương thể hiện niềm tin cần cuộc đời bằng hai thái độ khác nhau đó thôi. Mùi hương tóc Blair, mùi toàn thể da thịt Blair, mùi đôi bàn tay nàng có thoa *Jergens lotion*... Tất cả những thứ đó, như thường lệ, lấp đầy hiện tại của Thuận, không còn kẽ hở cho một khuôn mặt nào khác.

Lúc cả hai ra đi đã chín giờ hơn, vẫn còn thì giờ để Thuận đưa Blair vào một tiệm ăn sáng, bữa ăn từ biệt của hai người. Đến hãng xe *bus* Grey-

hound vừa mười rưỡi, Blair lạnh lẽo đi hỏi xe và lấy vé. Lúc từ biệt, Thuận nắm chặt lấy tay Blair và Blair để nguyên vậy (cũng như khi nãy ở nhà khi Blair cúi xuống hôn, Thuận cũng để nguyên vậy) một sự đón nhận với một niềm kính trọng rất Á Đông.

Đường gần tới Nữ Ước thật là nhộn nhịp: những nhà máy đồ sộ vươn ống khói lên trời, những cầu dài bắc ngang bắc dọc cái thấp cái cao như đan lấy nhau. Vào sâu Nữ Ước, những nhà chọc trời tường cao như thành núi, màu bê tông xám sẫm. Và nhận xét kỹ thì nếp sống nơi đây xô bồ với những khuôn mặt đường như cũng tục tĩu vật chất hơn, chẳng được thanh lịch như ở Washington.

“Hay là lại mình vừa xa Blair?” - Thuận tự nghĩ. Trọn ngày hôm sau, Thuận đi xem thành phố bằng xe của hãng du lịch tựa như để làm vừa lòng những lời căn dặn của Blair. Thuận không quên gửi *carte postale* Nữ Ước cho Blair. Hôm sau nữa, suốt từ trưa đến chiều Thuận lang thang ở làng nghệ sĩ *Greenwich Village*, đi giữa các “ông cụ non” râu ria xồm xoàm, dáng điệu thất thểu, quần áo bẩn thỉu nhiều khi quần còn xắn đến đầu gối. Cách ăn mặc và đi đứng của phái đẹp nghệ sĩ cũng không kém phần cầu thả. Thuận đi vào một khu vườn hoa không có hoa nhưng có rất nhiều bóng cây và ghế ngồi ngấm nhiều người đàn bà đẩy xe đưa con ra đẩy cho chúng ngủ hoặc chơi.

Gần *Washington Square Park* có một phố

nhậu tương tự phố Tản Đà trong Chợ Lớn nhưng lem luốc hơn, hai bên vỉa hè nhiều quán gỗ sộc sộc phủ vải. Thuận dừng lại né mình nhường tối đi cho một nữ nghệ sĩ chân đất thối thối đi bên một cụ già đáng điệu xem chừng còn vững chãi hơn. Một lũ trẻ con cũng vừa chạy giỡn tới ào ào như một đàn chim vù qua. Thuận dừng lại trước một quán gỗ có thùng hành tây vừa bóc vỏ bày ngay trước cửa, bên trong đương rán một món ăn gì cuộn tròn như chả giò, mùi thơm lừng. Ngộ ngĩnh nhất Thuận thấy một chú chó leo vào ngủ trong tủ kính trong khi một chú mèo đương lang thang giữa đường nửa như đi chơi nửa như tìm đường về. Thuận khẽ lắc đầu và tự nhủ thầm: “Cả người lẫn vật ở đây cùng nghệ sĩ tinh như nhau cả!” Và Thuận bước vào quán đó thử ăn một bữa cơm nghệ sĩ với thứ bánh tròn tròn đang rán trong chảo đó. Trong khi chờ đợi, Thuận lấy ra tấm carte postale thứ hai viết cho Blair.

Blair mến,

Anh viết cho em những dòng này ngay trong một quán tại Greenwich Village, một buổi chiều oi bức quá độ. Đêm nay anh sẽ rời New York đi Buffalo trên một chuyến bus khởi hành vào 10 giờ 15. Thác Niagara sẽ có carte gửi đến em. Anh.

Kế tiếp đó, ngày nào Blair cũng nhận được *carte postale* của Thuận ghi kỷ niệm những nơi chàng qua. Những dòng chữ tuy vẫn tắt nhưng thật gợi cảm, hình như còn bao nhiêu điều ẩn hiện bên trong.

Blair mến,

Anh viết cho em những dòng này trên cầu Hurricane (cầu Bão). Anh.

Blair mến,

Anh đã đến Chicago hôm nay. Gió lạnh hồ Michigan thổi thật mạnh! Anh.

Blair mến,

Tôi Minneapolis anh vào Showboat Theater xem tuồng Rip Van Winkle. Ở đây anh gặp một sinh viên Việt Nam đã đậu Ph.D. Kinh tế học đương làm assistant professor cho một đại học ở North Dakota. Nhân nghỉ hè hai tháng, anh chàng về đây khảo cứu thêm một vấn đề kinh tế của quần chúng địa phương. Anh chàng có vợ Mỹ vừa sinh hạ một chú con trai (chừng một tháng), anh chàng muốn mời anh về quê ngoại để cùng thăm vợ và con, cách Minneapolis chừng 50 dặm thôi; nhưng anh từ chối để tiếp tục lên đường. Anh.

Blair mến,

Bus chạy suốt đêm, tôi Bismarck (North Dakota) vào nửa đêm, ngừng lại một lúc để mọi người vào cafeteria. Mấy hôm nay cứ mỗi lần bus tạm ngừng như vậy là anh chỉ ăn món duy nhất

hamburger và uống sữa. Tối Glendive vào 5 giờ sáng, nhìn về phía chân trời là những đồi đất cao và bằng phẳng nhưng nứt rạn từng chỗ, nhà cửa thưa thớt, đồng cỏ thật rộng; có lẽ đây là đất của cowboy vì thỉnh thoảng lại có một người đội mũ vành rộng, dây lưng to bản lên xe, chỉ không có súng đeo ngang hông thôi. Gửi em tấm carte này có hình ảnh dòng sông Missouri. Anh.

Blair mến,

Suốt dọc đường qua tiểu bang Montana, vào mùa này bus chạy hằng trăm cây số chỉ thấy nội cỏ xanh với hoa vàng, đôi chỗ sườn đồi gặp ánh mặt trời, màu hoa vàng càng lộng lẫy. Anh gửi tới em một hình ảnh núi tuyết ở Livingston. Anh.

CHƯƠNG 10

Nếu hôm trước xe *bus* lướt trên con đường thiên lý toàn những nội cỏ hoa vàng, thì hôm sau *bus* đi vào một miền sơn cước rừng thông phủ xanh các sườn núi. Khí hậu đã mát rượi thêm màu nắng hanh vàng nên nhìn về chân trời xa đường cong của dãy núi tuyết càng rõ ràng tinh khiết. Thuận dơ bản đồ thấy đây còn thuộc miền *Wenatchee*. Đường đi luôn luôn ven theo một dòng suối lớn, nước trong suốt và chảy xiết, lòng đá lởm chởm. Thuận liên tưởng ngay đến dòng suối chân đảo *Bellevue* cũng trên con đường sơn cước về Đà Lạt, Phan Thiết. Thuận nhớ lắm ngày đó cùng thằng bạn lướt xe trên những đỉnh tràn trề ánh sáng như hôm nay, rồi khi vòng vèo xuống tới chân đèo, dòng suối cũng rộng lòng và trong suốt chảy lấp lánh như ở đây, chỉ khác là dòng suối quê hương chảy quanh bên

một đôn binh heo hút với núi rừng nhưng thức tỉnh với những nòng súng hướng về bốn bề. Quê hương của chiến tranh của đau khổ mà! Thuận nhớ mang máng khi dừng bên dòng suối đó có nhìn thấy con chim chèo bẻo cô độc cất tiếng hót thương tâm trên một cành cao vắt vẻo, nhưng điều nhớ rõ nhất là Thuận đã được chứng kiến, khi xe trở ngược lại Đà Lạt, một cây anh đào độc chiếm một sườn đồi, cây anh đào đẹp nhất Đà Lạt, đẹp nhất mùa xuân năm đó và sao lại không đẹp nhất với bất cứ không gian nào thời gian nào, vì cây anh đào rừng rưng rưng màu hoa phủ kín đã là cô gái tinh nghịch, là Huyền, khỏa thân trên đồi vắng rồi rừng mình với nắng... với gió... với chính tuổi trẻ của mình. Thuận nhớ lắm, nhớ lắm!

Xe *bus* dừng lại trước một quán cà phê xung quanh là những vườn táo, nhưng vào mùa này chỉ có lá xanh mà không có quả đỏ, màu xanh rờ ràng như muốn vươn lên để hòa vào với ánh mặt trời, để trở thành bất diệt với ánh sáng như mối tình giữa Thuận với Huyền. Bây giờ thì Thuận đã có đủ một khoảng thời gian lùi xa để có thể nhận định rõ ràng là Thuận đã yêu Huyền ngay từ buổi đầu gặp mặt, vì bao giờ chợt nghĩ đến Huyền, Thuận cũng đồng thời nhớ đến hình ảnh chiếc áo mưa màu trắng của Huyền tung ra thật đẹp đi vào trong mưa. Dòng suối trong suốt đáy miền *Wenatchee* đã gọi lại hình ảnh Huyền và Huyền trở lại như vậy để ở lại mãi mãi, Thuận đến Seattle để xem hội chợ mà đôi khi trí Thuận cũng lãng đi, mấy lần vô

tình nhìn ngọn núi tuyết xa - *Mount Rainier* - như nhìn một hình ảnh quen thuộc nào ở quê hương

Một lần có một người Mỹ đứng tuổi đứng bên Thuận, thấy Thuận chăm chú nhìn ngọn núi xa bèn tự ý gọi chuyện:

- Tôi đã ở Nhật hai năm, ông có thấy ngọn *Rainier* kia giống ngọn *Fujiyama*?

Thuận đáp:

- Tôi là người Việt Nam không phải là người Nhật, nhưng nhận xét của ông thật đúng như hình ngọn *Fujiyama* tôi vẫn được nhìn trong tranh ảnh.

Người Mỹ tiếp:

- Ông có thể đến ghi tên ở hãng du lịch *Gray Line* họ chỉ lấy có mười hai đô la đi cả một ngày vòng quanh *Mount Rainier*. Ấy tiếng vậy mà cũng cách Seattle ngót tám mươi dặm đấy ông ạ.

Thuận cùng người Mỹ vào chỗ máy xoay dùng sức ly tâm. Lúc cái nền đang đứng thụt xuống bỏ Thuận chơi vui dính vào thành sắt, chân không đặt vào đâu cả, Thuận đưa mắt nhìn cô gái Mỹ bên cạnh, áo, váy xéch ngược bám sát lấy da thịt và Thuận hơi rùng mình nghĩ đến Huyền ở Đà Lạt lần nào nghe Thuận kể chuyện vui về mối tình già của ông bác.

Hôm sau Thuận đi xem *Mount Rainier*. Nhưng những nét đều đặn và hùng vĩ của ngọn núi tuyết nhìn xa, khi tới gần lại chỉ thấy những

cây, những đá, những suối, những lối mòn, và những cảnh đó bỗng trở thành tầm thường. Thuận nhớ lại thuở còn nhỏ có lần đứng xa nhìn được trọn vẹn chiếc cầu vòng, một chân cầu vồng đặt ghéch vào sườn núi, một chân đặt ở dưới cánh đồng rộng.

Hình ảnh chiếc cầu vòng rõ ràng thân thoai vừa gần gũi lại vừa xa xôi, chiếc cầu vòng đó còn bám lấy trí nhớ Thuận cho đến ngày nay, há chẳng vì Thuận chỉ chiêm ngưỡng nó mà chẳng bao giờ đạt tới nó.

Nhưng núi khác, cầu vòng khác, mà Huyền khác - Thuận tự cười thầm và nghĩ nghĩ vậy - Với Huyền, đi tới Huyền, nhập vào Huyền đã nhập vào vũ trụ, nhập vào chân lý. Thành thử đôi lúc Thuận có cảm tưởng cùng đi xem núi tuyết với Huyền và những lúc đó thì cảnh trông gần hay trông xa đều làm đẹp cuộc đời, làm đẹp tư tưởng con người cả.

Và hôm sau Thuận lên xe đi *San Francisco* từ sớm còn ngoài cổ lại ngắm ngọn núi tuyết một lần nữa. Màu trắng uy nghi đó lần này có hồng ánh bình minh. Tại *Seattle* cũng như ba ngày còn nán lại *San Francisco* sau đó, Thuận không chỉ gửi *carte postale* cho Blair mà còn viết thêm hai lá thư dài kể rõ những cuộc đi chơi ngắm phong cảnh. Thuận làm công việc đó một cách khá trân trọng vì Thuận nghĩ đó là bốn phận tinh thần của mình với Blair, nhất là khi Thuận vẫn còn trên đất Mỹ. Khuôn mặt Blair nổi lên choán cả hiện tại khi nàng

hiện diện; khuôn mặt Huyền chìm sâu xuống để có mặt mãi! Càng hiểu thế, Thuận càng thấy mình có bốn phận lịch thiệp chu đáo với Blair.

Chiếc DC-6 bốn động cơ của hãng *World Airways* cất cánh hồi mười giờ tối rời khỏi phi trường *Travis*. Từ trên nhìn xuống, Thuận thấy *San Francisco* đèn xanh, đèn đỏ nhấp nháy tuyệt đẹp. Chuyến bay êm ả, êm ả như lòng Thuận lúc đó. Năm giờ sáng hôm sau phi cơ hạ cánh tại phi trường quốc tế của *Honolulu*, để rồi ba giờ sau Thuận lại lên một chiếc phản lực khác tiếp tục lên đường. Phi cơ bay trên cao mười nghìn bộ nhìn xuống những đám mây thấp Thái Bình Dương một màu xanh lơ. Những khoảng bọt chỉ là những chấm trắng nhỏ, một con tàu bé nhỏ như một chiếc lá không thể nhận rõ là tàu buôn hay tàu chiến nữa.

Cảnh trời mây và biển lúc đó thật bình lặng. Cả tiếng động cơ của phi cơ cũng đều đều trở thành bình lặng. Lòng Thuận cũng trở thành bình lặng khi nghĩ đến Huyền, không hối hả hối hạp như lúc phi cơ mới cất cánh rời khỏi *San Francisco* lấp lánh đèn xanh, đèn đỏ bên dưới. Phi cơ hạ xuống đảo *Wake* lúc một giờ. Khí hậu đảo này nóng quá, vừa xuống khỏi máy bay ai nấy mồ hôi ướt áo, nhìn chung quanh chỉ thấy cát và những thứ cây cỏ cằn cỗi, nhà cửa thưa thớt chỉ thấy những kiến trúc quân sự của Mỹ, sát bờ biển xác một chiếc tàu Nhật bị đánh đắm từ thời Đệ Nhị Thế Chiến nay đã hoen rỉ.

Một điệu nhạc u buồn từ một trại binh Mỹ thoát ra. Dân ca của địa phương nào? Quyết không phải tiết điệu Tây phương. Điệu đó nhắc nhủ Thuận đã về gần tới quê hương. Khi phi cơ đã cất cánh, điệu nhạc còn như bám vào trí óc Thuận gợi một nỗi niềm tê tái của một cái gì muốn vươn lên mà gặp bao nhiêu trở ngại.

Lần về này sau mười sáu giờ miết mãi đuổi theo mặt trời, giờ đây cơ hồ phi cơ hụt hơi. Thuận nhìn ra ngoài khung kính, mặt trời sắp lặn đương tung tóe những tia nắng cuối cùng màu hồng thắm khiến cảnh tượng vẫn rõ ràng mà vẫn dịu dịu đều đều. Nhìn xuống mặt biển qua các khe mây, Thuận thấy rõ một khoảng lớn màu tím đậm, chỗ sáng hơn là màu hoa cà. Thuận đã nhắm mắt lại rồi mà còn như thấy cảnh trời nước hiu hiu đi vào tàn lụi.

May sao khi phi cơ hạ xuống *Manila* thì có thêm một thiếu nữ Việt Nam lên ngồi bên Thuận. Nàng là một nữ giáo sư chưa chồng qua *Manila* tu nghiệp sáu tháng về ngành giáo dục tiểu học. Nói chuyện với nàng, Thuận thấy tình cảm quạnh hiu ám ảnh mình từ đảo Wake bớt đi nhiều lắm. Chỉ vào bộ quốc phục nàng bận, Thuận vào chuyện trước:

- Thời gian ở Mỹ tôi có được đọc một bài phỏng vấn các chàng trai quốc tế tại Sài Gòn về những tình cảm, những nhận xét của họ về phụ nữ nước nhà. Đại khái chàng nào cũng nức nở khen tà áo và mái tóc của cô gái Việt Nam là đẹp nhất hoàn cầu.

- Đúng đấy anh ạ. - Nàng đáp - Tôi nhận thấy ra khỏi nước nhà, hể hôm nào mình bận quốc phục quả nhiên thấy thiên hạ dòm ngó nhiều lắm, ngạc nhiên với nhiều thiện cảm.

- Còn về đức tính - Thuận tiếp - thì có người ca ngợi đức tính nhẫn nại, óc thông minh của phụ nữ Việt; có người than phiền phụ nữ Việt e lệ quá nhiều khi thành ra như mất lịch sự với khách ngoại quốc; nhưng lại cũng có người phản đối, mà cho rằng chính nét e lệ đó làm cho phụ nữ Việt Nam còn giữ được nữ tính là điều mà các phụ nữ Tây phương ở những nước mang danh tiến bộ hầu như không còn mấy nữa. Lại có người khen (mà là chê) một số phụ nữ Việt Nam bắt chước giới.

- Tôi nghĩ rằng - nàng đáp - người ta khen hay chê đều có lý do cả, cốt sao mình giữ được đúng mức. Theo ý tôi, hình như cả nghệ thuật sống là ở chỗ giữ sao cho đúng mức!

Câu nói của nàng thực khôn ngoan! Thuận nhớ lúc nàng bước lên phi cơ đi giữa hai hàng ghế, mấy người ngoại quốc Tây phương đều quay đầu lại ngắm nàng và bộ quốc phục của nàng. Nàng như một ngôi sao độc tôn trong phi cơ cho đến khi phi cơ hạ cánh xuống phi cảng Tân Sơn Nhất. Dưới ánh nắng chói chang, lúc đó hình ảnh nàng mới mờ vào đám đông, không phải là vì trời nắng, mà là vì nàng đã về tới quê hương của xứ áo màu quần trắng.

Chị Ninh đã tới đón thuận ở cửa ra...

Thuận, người con trai thời loạn đó đã trở về với quê hương loạn ly tràn ngập mâu thuẫn của mình.

Trần ngập mâu thuẫn thật!

Sau khi tới trình diện tại Bộ Chỉ huy Không quân và sau đó xin nghỉ được một tuần, Thuận đã đi thăm bè bạn khắp mặt, cùng họ đi ăn uống, đi bát phố, ngắm nhìn, nghe và đọc báo. Và tối đến thì nghe tiếng đại bác từ những ngả ngoai ô vọng lại.

Một bạn đồng đội của Thuận đã chết trong một cuộc lái phi cơ trực thăng tải thương. Ở đây dù là phi cơ tải thương cũng vẫn là đích cho những ổ súng phòng không của đối phương. Dường như cuộc chiến tranh đã phi lý thì thêm một vài chi tiết phi lý nhỏ nữa cũng chẳng sao.

Phố phường nhộn nhịp! Cứ gia nhập đám đông Sài Gòn vào chiều thứ Bảy tại những phố lớn thì không ai có thể ngờ rằng trên đất nước này ngoài tiền tuyến đương có cuộc giao tranh khốc liệt từng giờ, từng phút. Có người trách kẻ hậu phương vô tâm, nhưng Thuận cũng được nghe lời bênh vực ngược lại là chính nếp sống hậu phương luôn luôn được bình thường hóa như vậy làm nên sức mạnh của cả đoàn thể. Những người gia nhập đám đông đường phố Lê Lợi, Tự Do kia mấy kẻ là không có người nhà hoặc đã ngã xuống, hoặc hiện đang có mặt ngoài tiền tuyến.

Những cô gái Việt nhỏ nhắn đi bên những người Mỹ cao lớn, để tài trào phúng cho nhiều cột báo hàng ngày tại thủ đô. Người ta giễu những nét hạ lưu của những cô gái đó. Nhưng biết thế nào là hạ lưu đây? Một chàng quân nhân Mỹ ở đường Nguyễn Đình Chiểu hằng ngày ngắm một cô gái Việt đi gánh nước thuê lấy tiền nuôi mẹ, anh quyết định hỏi cô làm vợ và viết thư về khoe với ông bố triệu phú là anh sẽ cưới một cô gái mà tìm khắp nước Mỹ không có người đức hạnh thú hai như thế. Anh đã nói đúng!

Thật nhiều mâu thuẫn! Người ở tiền tuyến chết cho những người hậu phương sống yên ổn, vậy mà có người hậu phương xây xong một căn nhà đồ sộ bèn gián tiếp nguyện rửa lên xác những người đã chết cho họ, bằng cách tuyên bố trắng ra là sẵn sàng cho Cộng sản ở không nếu họ vào đến Sài Gòn. Nhưng lại đã có người đấu lý với Cộng sản trên con đường Định Quán-Đà Lạt:

- Chính phủ quốc gia chỉ đánh thuế xe tôi có ba ngàn một năm, các ông đánh thuế tám ngàn một chuyến làm sao đóng được?

- Bà có xe Mỹ, bà tất giàu lắm, bà đóng được.

- Tôi không đóng!

- Bà để xe lại!

- Tôi không sẵn tiền!

- Nếu bà không sẵn, bà có thể đóng thiếu, lần sau qua đây bà đóng bù, tôi ghi ở biên lai.

- Tôi không đóng!

Tất nhiên chiếc xe bị đốt, nhưng đồng thời lâu dài kiểu mị dân của đối phương cũng nhận thêm một ngọn lửa tự thiêu. Chúng có được mà chúng cũng bị mất!

Thốt nhiên Thuận nhớ đến anh Cả và những bài báo của anh ngày nào đọc ở Hoa Thịnh Đốn. Ánh đèn đường bật lên, Thuận đến nhà Hội như theo một sức hút vô hình.

Bước qua cổng Thuận vui mừng biết mấy khi thấy anh Cả có nhà.

- Hội có nhà không anh? - Thuận hỏi như thể cốt đến chỉ để thăm Hội. (Hai thằng muốn gặp nhau lúc nào chẳng được ở bộ Tư Lệnh Không Quân.)

- Ô cái thằng ấy thì mấy khi nó chịu nằm nhà - anh Cả đáp - giờ này cu cậu chắc đương dẫn ý trung nhân đi ăn uống gì đó.

- Ủa, nó chọn được ý trung nhân rồi ư hở anh?

- Cậu tưởng nó là thứ ngựa bất kham à! Càng những anh tài ra bộ hùng hổ nhất khi quy thuận đàn bà lại quy thuận một cách khiếp đảm nhất!

Thuận bật cười hòa với tiếng cười hài hước và bao dung của anh Cả.

- Cậu đã gặp Hội rồi chứ? - Anh Cả hỏi.

- Thưa anh có, ngay hôm tôi lên trình diện ở Bộ Tư lệnh Không quân. Hồi ở Mỹ tôi có theo dõi những bài báo của anh.

- Ở tòa Đại sứ Việt Nam tại Hoa Thịnh Đốn?

- Vâng.

Thuận thuật qua ít chuyện về khóa tu nghiệp phản lực cơ trên đất Mỹ. Rồi Thuận kể lại rất lộn xộn những điều tai nghe mắt thấy đan dệt thành mê cung mâu thuẫn mà Thuận cho là tầm thường, nhưng vì chúng nhiều quá và thường xuyên quá nên tựa như chúng nặng nặc quấn lấy ý nghĩ của Thuận đòi lời giải thích. Thuận cũng lại thú thật là đã loay hoay tìm lời giải thích đấy, nhưng khi thì quá trốn, khi thì tầm thường, rút cục Thuận như sa lầy, tâm trạng đôi lúc cực kỳ chán nản. (Thuận không ngờ mình chán nản đến mức đã đặt chân trở lại trên đất nước nhà mà hình ảnh Huyền bỗng chìm chìm.)

Anh Cả cười nói với Thuận:

- Những mâu thuẫn đó không phải tầm thường như cậu tưởng, đó là những mâu thuẫn khổng lồ của cả nhân loại, mà chỉ riêng cái vùng tủi nhục này là quê hương chúng ta phải dơ đầu ra chịu báng. Cậu vừa ở Mỹ về thấy trẻ con nước nhà ỉa bậy ngoài hè phố mà xấu hổ ư? Việc gì mà xấu hổ! Vững chãi như “ngai vàng gia đình trị” nhà họ Ngô trước đây mà còn tiêu với thời gian nữa là đồng phân của đứa trẻ thì ... sức mấy, nhất lại đương vào mùa mưa này. Ha ha, đùa vậy thôi

chú khi mà đất nước mình vào thời kỳ xây dựng - chẳng lẽ loạn mãi à - thì tật xấu ỉa bậy của đứa trẻ cũng như tật xấu ăn cắp của giới gian chính trong mọi ngành chỉ là những mụn ghẻ lở ngoài da thôi mà.

Cái nhìn, nụ cười và lời nói của anh Cả như trận mưa diu diu đến dập tắt kịp thời một đám cháy. Thuận cảm thấy lòng thanh thản hẳn.

Thuận hỏi:

- Lớp tuổi chúng tôi dễ dàng bị quan vì ảnh hưởng chiến tranh phải không anh?

Anh Cả cười lớn hơn:

- Thế dễ thường khi các cậu cơ cực về chiến tranh, chúng tôi vui hưởng thái bình? Căn bệnh thời đại nào cũng có nhiều lý do, từ ngoài tới cũng có, từ nơi mình nhiều hơn, đừng trăm đầu đổ đầu tầm cho chiến tranh, tội nghiệp! Các cậu đừng quên rằng trước cuộc chiến tranh này còn cuộc kháng chiến; trước cuộc kháng chiến còn những cay đắng của thời Đệ Nhị Thế Chiến với sự hiện diện trịnh trọng của hai cái thòng lọng cùng một lúc quanh cổ dân mình là thực dân Pháp và quân phiệt Nhật. Thời Nhật thuộc, bọn chúng tôi đi học không có lấy một chiếc bút chì tốt, không có lấy một tập giấy trắng mà viết, bút chì nội hóa chỉ vừa chạm phải lưỡi dao gọt đã gãy vụn, giấy viết nội hóa sần sùi đen đũi chỗ dày chỗ mỏng. Thời chúng tôi đẩy dẩy những tên mất gốc bằng vạ bây giờ! Trong khi Tây nó sang nước mình,

nó cũng phải cời trần trùng trục trong nhà vào những trưa hè, thì các ông Việt Nam mất gốc nhà ta cương quyết rập đúng kiểu Tây mẫu quốc luôn luôn xúng xáo xính *robe de chambre* với đai lưng buộc cẩn thận; vào nhà họ chơi, trông lũ nhỏ xinh xắn muốn gọi chúng là cháu Lan, cháu Ngọc thì lại luôn luôn nghe thấy bố mẹ chúng quát tháo hỗn nhiên như hơi thở: *Thérèse, où es-tu? Jacques, où es-tu alors!*²

Một chú bé chừng bốn tuổi từ trong nhà lũn cũn chạy ra, anh Cả nhắc bổng chú lên giới thiệu với Thuận:

- Thằng út của tôi đây! À há, mày là *John cu Tĩ* né. *John cu Tĩ, where are you? OK! Number one!*

Giọng hài hước của anh Cả làm Thuận cười thắt bụng và quên mọi bực dọc, trong khi thằng bé cười khanh khách. Anh Cả đặt con xuống cho nó chạy vào nhà trong với mẹ, giọng anh nói trở lại đúng đắn:

- Thằng này tháng trước chạy ngã gãy xương tay, cả cánh tay xúng vù. Nghe nó khóc, cả bố mẹ lẫn các cô, các chú cùng đau thắt ruột cái đau của nó. Rồi chiếu điện, rồi bó bột, rồi nó cũng thích ứng với hoàn cảnh nó; bố, mẹ, cô, chú cũng thích ứng với hoàn cảnh ngược xuôi chữa chạy cho nó. Sống là thích ứng mà.

2- *Thérèse, mày ở đâu? Jacques, mày ở đâu rồi!*

Anh Cả lại mở tủ lấy ra chiếc *cravate* thắt, Thuận buột miệng hỏi:

- Có khi phải thích ứng hàng mấy chục năm mới lành bệnh!

Anh Cả biết Thuận liên tưởng đến hoàn cảnh đất nước và những mâu thuẫn giày vò, đáp:

- Chứ sao! Và cũng không phải vì bệnh tật đã lành mà khi nghĩ lại mình và những người thân của mình không thấy ớn xương sống, sự đau đớn và sự lành bệnh chỉ là hai bề mặt. Cậu hãy vươn lên thật cao, thật cao mà nhìn xuống: Trái đất không còn là những chi tiết núi cao, biển rộng, thung lũng sâu nữa, mà là một hình tròn thiệt tròn, sáng thiệt sáng...

Thuận biết câu nói của anh Cả chẳng phải là ngụ ý. “Cậu hãy vươn lên thật cao mà nhìn xuống... tròn thiệt tròn sáng thiệt sáng”. Thuận ôn trầm trong trí.

Anh Cả hỏi:

- Đi xem hòa nhạc với tôi không?

- Ở đâu thế anh?

- Ở Âm nhạc viện Quốc gia. Tôi có hai *carte* (thiệp) mời, nhà tôi thì bạn trẻ không đi được, còn thằng cha Hội mà giờ này y không về thì 12 giờ y mới về.

- Vâng tôi đi với anh! Chắc là *carte* mời nhà báo?

- Không, đây là *carte* mời người nhà. Con cháu gái tôi mười sáu tuổi đậu thủ khoa về dương cầm thi tài với một cậu hai mươi tuổi vừa mới theo học thêm ba năm vĩ cầm tại trường Cao đẳng Âm nhạc *Hamburg* bên Đức về. Sáng nay tôi có tới gặp hai đứa lúc chúng đang tập dượt. Nhưng mà nghe đàn lúc tập dượt thì dù là nghe Pablo Casals tập dượt đâu có thú bằng ngồi ở thính phòng với hàng trăm thính giả khác cùng chia sẻ bầu không khí hồi hộp, lắng nghe...

Thuận đã thấy vui, cười nói với anh Cả:

- Ô! Thì ra đua tài đây là hòa hợp, cậu chàng vĩ cầm, cô nàng dương cầm!

- Cuộc đua tài nào mà chẳng là cuộc hòa hợp! Chỉ những kẻ ngu xuẩn mới cho rằng đua tài là giành lấy độc quyền sinh sát. Cậu còn nhớ Thế Vận Hội Tokyo, hai phái đoàn lực sĩ Đông Đức và Tây Đức hòa nhập làm một để đua tài với thiên hạ và mỗi lần đoạt giải quán quân nào, cờ Đức kéo lên, ban nhạc Thế Vận Hội cử *L'Hymne à la joie* của Beethoven. Có lẽ nước Đức là nước duy nhất của Tây phương đã nghiên cứu nhiều về triết lý Đông phương, lại vừa trải qua một thời phát-xít nên chột cảm thông được ý thức khoan dung của Đông phương, trong khi những cận bã Đông phương trở thành những phần tử cuồng tín khốc liệt, kể cũng ngược đời.

Anh Cả đã ăn bận chỉnh tề xong, cả hai ra đường vẫy tắc-xi. Tới Âm nhạc viện Quốc gia,

Thuận và anh Cả ngồi bên cạnh một nhạc sĩ đứng tuổi đã ừng du học ở Pháp. Nhạc sĩ kể lại có lần qua thăm trường Cao đẳng Âm nhạc Stuttgart miền Nam nước Đức, nơi đây mỗi khi có cuộc hòa nhạc, họ ghi ở chương trình “màn mở đúng chín giờ một phút”, hay “màn mở đúng chín giờ kém một phút” và họ làm đúng như vậy, nên nếu chẳng may xe mình kẹt đường thấy rằng không thể đến đúng giờ thì đành rẽ lối mà làm việc khác. Nhạc sĩ chỉ những hàng ghế đằng sau dán số nham nhở, chỉ lên khoảng cao sân khấu còn những vệt giấy khẩu hiệu cũng nham nhở không kém và một khoảng góc tường có mạng nhện rồi lắc đầu tỏ vẻ không hài lòng về sự cầu thả của nước mình. Thuận thấy anh Cả nhắc lại với nhạc sĩ là thời Pháp thuộc xưa có bao giờ họ tổ chức Âm nhạc viện cho mình học, ngay như trường Cao đẳng Mỹ thuật mà rồi họ cùng cho xẹp luôn, vậy thì so sánh xưa với nay chúng ta cũng đã tiến nhiều lắm. Nói về kỷ luật anh Cả nhắc lại chuyện ngày lật đổ anh em nhà Ngô, ngày mừng Một tháng Mười Một năm nào, dân chúng ùn ùn xuống đường mà rất kỷ luật trật tự, tắc-xi, xích lô máy đi lại vẫn dễ dàng, không một tai nạn lưu thông xảy ra. Rồi những cảnh cảm động khiến mình không sao quên được mà bắt mình phải suy ngẫm mãi như cảnh những cụ già mang đồ ăn thức uống cho chiến sĩ; cảnh chú nhỏ con nhà nghèo nào đó mặc áo vá vai đứng chơi với các anh chiến sĩ, leo trèo lên xe tăng dưới cái nhìn hiền từ của anh, v.v... Nhưng chỉ sau cách mạng mấy ngày, dân chúng nhận thấy cơ cấu lãnh

đạo quốc gia vẫn là (chỗ này anh Cả xin lỗi nhạc sĩ) đồng cút nát không có chóp, thì tình trạng lại trở về cảnh hỗn độn, vô trật tự, vô chính phủ như cũ. Anh Cả kết luận với nhạc sĩ: “Những đức tính cố hữu của người dân đẹp như châu ngọc mà bị chúng “bình” phủ lên trên, thành thử người ngoài tới đây nhìn đâu cũng chỉ thấy phân mà chẳng thấy ngọc, hoặc có thấy một vài viên thì lại bê bết những... phân, và vì gồm phân người ta gồm lấy cả ngọc (ngừng lại một giây). Vấn đề Việt Nam là của người Việt Nam, người lãnh đạo tài ba của đất nước sau này phải là người giác ngộ tinh thần, nắm vững được sinh mệnh đất nước. Người Việt sinh ra sống hòa với thế giới; sống hòa với thế giới sao cứ để thế giới phải lo lắng về vấn đề riêng tư của mình?!”

Ánh đèn tắt dần, tấm màn hồng kéo sang hai bên, hai nhạc sĩ Việt trẻ măng bước ra, một trai một gái cúi chào giữa tiếng vỗ tay nồng nhiệt của đám khán giả quốc tế Việt, Mỹ, Đức, Pháp.

Hai nhạc sĩ trẻ tuổi đã tuân tự trình diễn những bản *étude*, *sonate*, *concerto* cổ điển với một vẻ đầy tự tín với một nghệ thuật uyển chuyển và nhuần nhã. Thuận thấy họ quả là hai viên ngọc đã được rửa sạch và sáng ngời. Dòng nhạc trình diễn của họ cũng như biến thành dòng suối thần gột rửa những nhơ bẩn, những tội lỗi đầy dẫy của cuộc đời. “Nghệ thuật là một cứu rỗi!” - Thuận nghĩ thầm điều khám phá đó.

Lẽ tất nhiên khi bản nhạc cuối cùng có

ghi trong chương trình vừa dứt thì đám khán giả cứ ngồi lì tại chỗ và vỗ tay liên hồi đòi nghe thêm một lần nữa. Bản nhạc thêm đó là bản mà Thuận vốn rất thích: bản *L'invitation à la valse*. Tiếng dương cầm thoạt trầm trầm vừa êm ả vừa tha thiết, lời của tình yêu chào đón; rồi tiếng nhạc trở nên tung bừng chói lọi ở quãng giữa; sau cùng nhạc để chính trở lại ngậm ngùi man mác làm sao trong không khí chia ly của đôi trẻ . Nơi đây âm nhạc quả đã là tiếng nói đại đồng!

Chia tay cùng anh Cả, Thuận thấy lòng êm ả hẳn như cảm giác con người mỗi khi gặp ngày xuân trở lại. Thuận nghĩ đến Blair mà Thuận tự hứa sẽ biên thư kể lại cảm giác về cuộc hòa nhạc đêm nay. Thuận sẽ gửi tặng Blair một bộ đồ ngủ may bằng lụa tơ tằm của nước nhà, lụa mềm và mịn, phới phới như ý nghĩa của Thuận lúc đó. Thuận nghĩ đến Huyền, Thuận có bao nhiêu chuyện để kể cho Huyền nghe, Thuận đã ghi vào phim nhựa bao nhiêu hình ảnh trên đất Mỹ, phần lớn cũng là cốt để Huyền xem nữa.

Tới cổng nhà đã mười hai giờ khuya, Thuận bấm chuông. Chị Ninh ra mở cửa, Thuận kể lại cho chị nghe về cuộc hòa nhạc, rồi kết luận bất ngờ:.

- Mai em đi Đà Lạt!

- Cậu còn được nghỉ mấy ngày nữa? - Chị Ninh hỏi.

- Bốn ngày nữa chị ạ.

Chị Ninh im lặng giây lâu tựa như có suy nghĩ điều gì rồi mới nói:

- Cậu lên Đà Lạt mùa này chán chết, đúng mùa mưa lớn. Tin báo hôm nay cho hay con đường từ Đà Lạt xuống Phan Thiết nhiều đoạn bị nước lũ cuốn đi cả phần mặt nhựa đá xuống vực, Ty Kiềm lộ phải sửa gấp mới có gạo tiếp tế cho Đà Lạt.

Thuận chỉ lơ đãng hỏi lại:

- Thế ư hờ chị?

Chị Ninh nói đến mùa mưa bão ở Đà Lạt mà Thuận chỉ trả lời hững hờ “Thế ư hờ chị” rồi thay đồ ngủ lên giường ngay. Không bao giờ Thuận ngờ vào thời chinh chiến này mình lại có thể gặp một giấc mơ đẹp như thế, không biết có phải vì đã gặp anh Cả và đã đi dự cuộc hòa nhạc với anh Cả? Chỉ biết khi lên giường nằm, hào quang trí tưởng tượng của Thuận như tỏa ra sáng ngời bao quyen lấy hình ảnh Huyền. Để tăng phần ấm áp cho hào quang đó, bên ngoài đổ trận mưa lớn. Tiếng mưa lớn bỗng biến thành tiếng phi cơ và Thuận đương lái chiếc phi cơ đó, có Huyền ngồi bên, xăng dự trữ hai bên cánh bỗng bị đổ, chảy vào không trung. Thuận cho phi cơ từ từ hạ xuống dọc theo một con sông, xăng trút xuống lênh láng trên mặt nước. Theo lệnh của Thuận, Huyền bắn xuống một mũi tên lửa, cả dòng suối bốc cháy rực rỡ, trời như nhuộm ánh hoàng hôn. Thuận ôm Huyền nhẩy ra ngoài mặc cho phi cơ theo đà từ từ hạ thấp dần... thấp dần xuống mặt nước. Sát bên bờ sông là thế

giới sương mù, Thuận dẫn Huyền vào thế giới thần tiên đó. Bước đi của cả hai đều nhún nhảy như cùng biểu diễn một điệu vũ tế thần nào của Hy Lạp. Thuận nghĩ đến Hy Lạp vì Huyền lúc đó khoác y phục bằng voan trắng theo kiểu y phục cổ Hy Lạp. Cả hai đương tung tăng nhún nhảy theo nhịp đều đặn thì thấy một cặp khác cũng ăn bận y hệt như vậy, cũng tung tăng nhún nhảy theo nhịp đều đặn như vậy, từ một lối quanh trong sương xuất hiện. Thoạt cả Thuận cùng Huyền đều rất đổi ngạc nhiên không ngờ chốn sương lam thần tiên này còn một cặp nữa y hệt mình, nhưng rồi cả hai bỗng cười rộ vì cặp đó nào phải ai xa lạ, chính là chiếc bóng của hai người phóng ra. Không khí và ánh sáng của xứ thần tiên này có đặc tính phản ảnh kỳ diệu như thế đó. Thuận rùng mình ngây ngất vì thấy cặp hình ảnh trước mặt âu yếm ôm nhau hôn, thì ra Thuận đương ôm Huyền hôn...

Thuận sực tỉnh bâng khuâng tâm hồn ngạt ngào hạnh phúc. Lên Đà Lạt - Thuận tự nhủ thầm - khi ôm Huyền, Thuận sẽ nói bên tai Huyền: “Hồi còn ở Mỹ tôi đã muốn gửi cho Huyền một tấm *carte postale* ghi đằng sau: “Yêu Huyền quá Huyền ơi!” Chẳng thể có tiếng nói tình yêu nào đơn giản mà thiết tha hơn, và chắc chắn trong tình yêu càng thiết tha người ta càng đơn giản! Thuận không cho đây là một điều nói dối, tuy rằng câu “Yêu Huyền quá Huyền ơi” chỉ vừa mới được khám phá ra sau giấc mơ thần tiên.

Thuận thao thức mong cho chóng sáng để đi lấy vé máy bay.

Cái nhìn của chị Ninh vẫn là cái nhìn rất đỗi dò hỏi khi thấy Thuận thức khuya như thế mà vẫn thức dậy sớm và đã y phục chỉnh tề với chiếc túi xách hành trang. Nhưng khi chị cất tiếng hỏi, Thuận thấy giọng chị vẫn bình tĩnh:

- Cậu nhất định đi Đà Lạt?

- Vâng (Thuận sực nhớ lời chị hôm qua). Mùa mưa cũng chẳng sao em thấy nhớ không khí Đà Lạt, em còn được nghỉ ba ngày nữa mà.

- Cậu định đi bằng phi cơ kia mà.

- Mua vé phi cơ sáng nay cũng phải chiều mới có chuyến đi, em ra bến ô-tô đi loại xe lô thì chỉ hai giờ chiều là đã tới nơi rồi.

Rõ ràng Thuận thấy chị Ninh đã hé miệng định nói thêm điều gì rồi lại thôi, mãi tới khi Thuận xách túi vải chào chị, chị mới nói đùa:

- Thôi chúc cậu lên mà ngắm mưa Đà Lạt cho vui!

Vào mùa mưa nên buổi sớm Sài Gòn lành lạnh như mùa thu miền Bắc. Thuận ngồi trên một xích lô để đến bến xe. Một cô gái từ trong hẻm đi ra, cô mặc chiếc quần bó sát chân và đùi, gấu quần còn rủ xuống che kín giày... Thuận quay lại nhìn cô đúng hơn là nhìn khoảng nửa người bên dưới của cô, chiếc quần chỗ nào cũng bám sát lấy cơ thể

đến nỗi Thuận nghĩ rằng nếu có đi trong sương người ta sẽ tưởng là cô khóa thân. Một chiếc xích lô máy từ phía trước phóng lại, lần này là một cô gái mặc đầm ngồi trên, gió thổi tung mép váy và hai hàng chân ngọc duỗi song song, hình ảnh thơ Hồ Xuân Hương. Hai cô thuộc hạng gái nào, Thuận biết, nhưng Thuận còn biết hơn là không phải các cô chấp nhận ngủ với bất cứ người nào vào bất cứ lúc nào. Thành thử sự bước chân vào căn phòng của các cô vẫn có giá trị bước chân vào căn phòng của tình yêu.

CHƯƠNG 11

Có tiếng gọi làm Thuận sững sờ quay lại ngay, Thuận đã giật mình tê tái cả người nhưng cùng kịp thốt ra:

- Thím Huyền!

Tới Đà Lạt cất túi đồ, rửa mặt mũi xong theo con đường tắt bậc thang vừa xuống dốc đầu chợ, Thuận đâu ngờ lại gặp ngay Huyền như vậy.

- Anh đi Mỹ về tự bao giờ? Anh mới lên đây?

Thuận chăm chú ngắm Huyền bận đầm *jupe* xanh lợt, áo *veste* len đan màu xanh lá cây thẫm hơn, rồi mới đáp:

- Tôi cũng mới ở Mỹ về thôi và lên đây cũng chỉ cốt sẽ tới thăm thím Huyền!

Thuận tiếp tục ngắm đôi mắt Huyền, đòi

mắt có tô chì đen xung quanh rất khéo khiến cái nhìn Huyền càng thăm thẳm.

- Cám ơn anh. - Huyền nói giọng hơi lúng túng thì phải - Chị Ninh có lên không anh Thuận?

- Không thím Huyền ạ, chỉ có một mình tôi thôi.

- Thật may gặp anh ở đây, mời anh chiều nay đến đằng ba mẹ tôi ăn giỗ. Cũng toàn người nhà cả, có mấy người!

- Vâng để tôi sẽ cố đến, thím Huyền.

- Lên đây có bận đầu mà phải cố đến? Và lại anh nói anh cũng có ý định đến thăm tôi nữa cơ mà.

Tiếng Huyền cười vui khanh khách, câu chuyện đã có không khí tự nhiên.

- Vâng chiều nay thế nào tôi cũng đến, thím Huyền!

Huyền nhắc lại chuyện cũ:

- Xin lỗi anh Thuận nhé, từ sau cái ngày an táng chú Quát, tôi vì buồn mà lên trên này ngay không kịp cám ơn anh, muốn viết thư thì lại không rõ số nhà, đến khi xuống Sài Gòn tìm tới đằng nhà thì anh đã đi Mỹ.

- Thím Huyền đừng thắc mắc gì cả, là người nhà sao thím khách khí thế! Thím Huyền hiện ở với hai cụ?

- Không tôi vẫn ở bên *villa* của chúng tôi xưa với một con bé người làm, đã dạm bán, cũng sắp xong, chắc chỉ tháng sau thì tôi sang ở hẳn với ba mẹ tôi.

Thuận góp ý:

- Phải, thím Huyền bán căn *villa* đó đi là phải, giữ làm gì thừa quá! Thím Huyền có định đi dạy học?

- Có lẽ niên học tới anh ạ,

- Thím sẽ về Sài Gòn dạy?

- Có lẽ ở đây anh ạ, tôi chẳng muốn về Sài Gòn nữa. Nhưng cũng chưa có gì quyết định hẳn đâu.

Huyền chào từ biệt Thuận trước và lời dặn gần bó:

- Thế nào lát nữa anh cũng đến ăn giỗ nhé, cả ngày hôm nay tôi ở luôn đằng ba mẹ tôi.

Thuận đáp “Vâng” rồi cứ đứng nguyên thế nhìn Huyền xuống hết quãng đường dốc, qua cầu, rồi bắt đầu lên quãng đường dốc bên kia. Gần tới đỉnh dốc bất chợt Huyền quay lại, và Thuận vẫn đứng chỗ cũ giơ tay lên vẫy như vẫy một chuyến đi từ biệt, Huyền cũng giơ tay vẫy lại rồi mới đi khuất.

Sở dĩ Thuận vừa có ý ngần ngại không muốn tới nhà ba mẹ Huyền ăn giỗ vì Thuận không thích gặp mẹ Huyền. Điều này cũng hợp với Huyền nữa.

Huyền còn cả cha lẫn mẹ, nhưng Huyền không hợp với mẹ mặc dầu nàng rất mang ơn bà, Huyền có tâm sự nhiều với chị Ninh về chuyện này và chị Ninh kể lại với Thuận. Ba Huyền xưa là tri huyện dưới thời Pháp thuộc, ngày đó ông buộc lòng phải đi bắt rượu lậu nhưng vì lòng nhân đạo ông không nỡ tịch thu hoặc đập phá những đồ nấu rượu lậu của người dân quê. Chuyện đó đến tai viên Công sứ người Pháp, ông bị đồ riết là ăn của đút và rục rịch bị cách chức. Ông phải làm tờ trần tình nói thực là vì nhận thấy dân làng đó nghèo đói quá nên không nỡ tịch thu, không nỡ đập phá để tránh gây lòng phẫn nộ với chính phủ bảo hộ trong đám dân đen đó. Bản trần tình khá dài, khá thống thiết. Tên Công sứ đọc xong còn cho điều tra, ba tháng sau biết đích là ông không hề ăn hối lộ một đồng, một chữ nào của dân, ông mới không bị nó cách chức nhưng bị chuyển đến một huyện nghèo heo hút giáp giới miền thượng du. Nơi đây, vào thời Nhật bắt dân nhổ mạ trồng đay. Rồi vào vụ đói lại bắt dân quê bán thóc cho chính phủ ba mươi đồng một tạ trong khi giá bán ngoài lên tới ba hoặc bốn trăm một tạ. Đã thế những tên lãnh thầu thu thóc lại cân thừa của dân quê mỗi tạ thêm chừng mười cân nữa. Một lần nữa ông làm ngơ châm chước rất nhiều cho dân hàng huyện, và cũng một lần nữa ông bị cấp trên điều tra, lần này là một viên Tuần phủ người Việt. Cuộc điều tra đương tiến hành, việc bị cách chức cầm lòng trong tay, thì Cách mạng tháng Tám bùng nổ. Ông theo Việt Minh hết lòng chỉ vì ông căm giận thực

dân đến không muốn đội trời chung với chúng. Mãi đến năm 1952, ông mới về thành. Hiện ông vẫn được hưởng lương hưu chức Tri huyện cũ. Bà vợ cả không có người con nào với ông, chết đi ông mới lấy bà hai là một cô gái quê thuần túy và có được đứa con gái độc nhất: Huyền! Cô gái quê đó học đòi nếp sống quan cách rất chóng, chẳng bao lâu bà Huyện Hai còn đài các hơn cả bà Cả ngày xưa. Vào thời kháng chiến, bà Huyện Hai tảo tần buôn bán rất đảm đang, khi về thành càng giỏi, nhất là khi di cư vào Nam. Vì vậy không những bà nuôi Huyền ăn học, còn cho Huyền sang Pháp du học cho đến nơi đến chốn nữa. Vì vậy bà mới tậu được căn *villa* lớn đẹp vào hạng nhất nhì ở Đà Lạt này. Huyền còn nhận xét thẳng thắn là mẹ thành công vì hai yếu tố chính: thứ nhất bà chịu khó, không nề ngược xuôi vất vả, đó là đức tính nông dân nguyên thủy của bà; thứ hai bà rất xảo quyết, rất ích kỷ, nhiều khi tàn nhẫn miễn là chiếm được phần lợi trong việc buôn bán, những tính xấu này hình như bà chỉ mới học được khi cố gắng vượt bậc đồng hóa sang giai cấp mới. Được ăn học nên người, Huyền rất mang ơn mẹ, nhưng Huyền vẫn thấy không hợp với mẹ, không quý mẹ bằng cha.

Chính vì được chị Ninh thuật lại cho hiểu tâm sự của Huyền mà Thuận càng thấy Huyền đẹp hẳn thực vừa đáng mê vừa đáng quý, và Thuận vẫn mang máng cảm thấy rằng thú nhan sắc đó dễ tới gần, dễ uy hiếp hơn thú nhan sắc khác sắc sảo mà gay gắt.

Thuận còn đứng nguyên chỗ cũ nghĩ ngợi như vậy, bỗng trời tối sầm lại, một cơn gió lạnh ào ạt tới và mưa rơi tới tấp làm Thuận tối tăm mặt mũi y như thuở nhỏ làm gì phật ý cha nên bị người đánh.

Thoạt Thuận còn ngỡ là gió rung mạnh thân cây làm rụng hàng ngàn giọt nước đọng trên đó, nhưng lúc Thuận ngược nhìn lên vừa lúc một cơn gió mạnh làm lật ngược vòm lá cây cao gần đấy, tất cả lá cành chịu hẳn về phía gió xuôi như người đàn bà bị chống xoắn tóc muốn lúi đi cùng với những đường kẻ rối loạn của mưa rơi. Thuận nhảy vọt lên vỉa hè thì cũng vừa có hai người đàn bà từ phía chợ chạy tới trú dưới hàng hiên.

Người đàn bà mặt vuông, trán cao, da đen giòn, giọng sang sảng kiểu đồng bóng kẻ lẻ; trong khi người đàn bà mặt trái xoan da trắng chỉ mỉm cười hiền từ, lắng nghe mà không ngắt lời:

- Cái ngày anh ấy mới làm quen với em, anh ấy nói ngọt lắm. “A, thôi em ưng đi, tôi không uống rượu, không hút thuốc. A, tháng tháng tôi lĩnh được đồng lương nào tôi đưa em tất cả. A, khi cần tiêu đồng nào tôi xin em đồng ấy.” Em thuận theo anh, cha mẹ em không nhìn nhận em nữa, anh chị em khinh khi em, mà giờ thì tính anh ấy cờ bạc này, rượu chè này, em mở miệng can, anh không thềm đáp một lời, mặt lạnh như tiền. Tết vừa rồi em phải trả cho anh mười một ngàn bạc nợ, mua non mấy bát họ và tháng tháng bây giờ cứ phải cố ngược xuôi xoay xở nai lưng ra

đóng những bát họ chết đó. Tiền của em là tiền mỗ hôi nước mắt mà ảnh cứ đem nướng vào chần vào xi. Một người bạn đồng đội của anh mách em là thấy anh hút thuốc lá có tẩm thuốc phiện, em hỏi lại, thì ảnh bảo: “Thôi, cô đừng ở với tôi nữa mà khổ, tôi nói thực tôi nghiện thuốc phiện rồi đó!” Mới đây ảnh lại đuổi em nữa, em đi đâu bây giờ? Chiều hôm qua ảnh bảo em: “Tôi đã đệ đơn xin đổi đi Côn Sơn rồi đấy!” Có khi ảnh nói thật!

Lúc đó người đàn bà mặt trái xoan da trắng mới nói, giọng phân giải:

- Thím đừng nghe người ta đặt điều nói ra nói vào, chú ấy hồi còn ở ngoài Bắc ăn ở vui hòa với cả làng, có mất lòng ai đâu...

Người đàn bà mặt vuông khỏe, chấm nước mắt:

- Có khi anh nói thật, ảnh muốn trốn em. Em có làm gì nên tình nên tội? Em đã xin xăm, quẻ xấu lắm. Em cũng đã coi bói, ông thầy bảo vợ chồng em phải đến tháng Năm, tháng Sáu sang năm mới có cơ hòa thuận như xưa, nếu không lúng củng có khi nhà em phải tù.

- Tôi đã bảo thím đừng mắc mưu nghe người ta nói ra nói vào mà. Tôi nhận được thư thím, tôi lên đây ngay cú tưởng là chú ấy hư hỏng ruồng đời ra rồi. Vừa gặp chú, tôi hỏi ngay: “Sao Tết vừa rồi không về? Ở nhà hể cứ nghe tiếng xích lô máy hay tắc-xi dừng lại trước nhà là cả lũ cháu chạy ra cửa đón, tưởng chú về!” Chú đáp: “Tại

có hành quân nên em bắt buộc phải ở lại để còn phân phát xăng cho các đơn vị.” Tôi bảo: “Hành quân hai mươi quân chú gì?” Chú cười hể hể và thú thực vào những dịp nghỉ đôi khi có đánh chặn nhưng là đánh nhỏ để tiêu khiển. Mà tôi xét ra đúng thế đấy. Thì ra chú giận thím hai điều: một là cả ghen quá, hai là hay nghe lời người ta thêm mắm thêm muối. Chú về muộn một chút là thím lồng lộn đi khắp khu phố tìm như tìm trẻ lạc, chú bảo là làm đơn xin đổi đi Côn Sơn là thế. Thím lại tin lời người ta đồn chú nghiện nên chú điếm nhiên nhận ngay mình nghiện để trêu tức thím.

- Chị có biết không hai tháng nay hể lĩnh lương là thua bạc hết có đưa cho em được đồng nào đâu.

- Không phải đâu thím ơi, tại thím cứ mè nheo chú đánh bạc nên chú cũng lại làm ra thế để trêu tức thím.

- Thì hôm qua chị vừa lên tới, nhà em chả ngửa tay vay chị một ngàn bạc để tiêu là gì.

Người đàn bà một trái xoan bật cười hạ giọng nói:

- Không phải đâu, vẫn là chú cố tình trêu tức thím, chú gửi tôi cả hai tháng lương rồi... Ấy chốc nữa về thím đừng nói gì nữa nhé, dẫu sao tôi cũng khuyên can chú đủ điều rồi, từ nay thím cứ đừng ghen nữa, đừng nghe người ta thêm mắm thêm muối nữa là vợ chồng lại hòa thuận như xưa, thím nhớ lấy!

Trời chỉ còn lất phất, hai người đàn bà rời khỏi nơi trú, xuống đường ngược dốc trở về. Thuận cũng xuống đường ngược một cái dốc khác vừa đi vừa mồm mỉm cười thêu dệt một liên tưởng. Những người sung sướng hay thêu dệt bằng những liên tưởng. Thuận đương sung sướng, sung sướng lắm. Thuận liên tưởng đến chuyện đời xưa thời ông cha mở nước, những người lính thú được cử đến trấn thủ một khu vực biên giới vừa mới thiết lập xong dưới hình thức đồn điền, những người lính ở lẫn với những người dân khai khẩn, nhiều khi cùng tham dự khai khẩn. Những người lính cần cù mở nước, đơn sơ trong cách sống và giữ nước tận tình, hách ra phết với vợ con, nhưng cũng đa tình ra phết với phụ nữ chưa chồng trong đám người khai khẩn. “Dân mình vốn đa tình,” Thuận nghĩ.

Trong thời gian trấn thủ thế nào chẳng dan díu thành phòng hai, phòng ba với cô nào đó, rồi bắt chọt chính thất ở tận quê nhà xa xôi gồng gánh lặn lội tới. Thuận nhớ mang máng mấy câu ca dao:

*Bồng bồng nảy lộc ra hoa
 Một đoàn vợ lính trẩy ra thăm chồng
 Trẩy ra gánh gánh gồng gồng
 Tôi chốn thăm chồng bầy bị còn ba.*

Ôi chao phải quát mắng một chút cho chúng khỏi nhờn chúi:

*Ai về nhắn nhủ mi ra
 Mà mi lại kể con cà con kê*

*Muốn tốt thì đưa nhau về
Việc quan anh chịu một bề cho xong.*

Mặc cho đức ông chồng trịnh trọng nổi cơn lôi đình thịnh nộ - Thuận tiếp tục vừa ngược dốc vừa nghĩ, vẫn nụ cười hóm hỉnh phảng phất trên môi - các bà cứ việc lảng lạng xếp quang gánh lại. Ngày tàn mau và đêm tới, những người đàn bà xa chồng đã lâu ngày đó như những thửa ruộng mầu cực kỳ phi nhiêu chỉ chờ hạt giống rụng xuống là chụp lấy mà nảy lộc đơm cây. Rồi các bà trở lại quê nhà đợi ngày chồng mãn việc quan hồi hương. Người chồng hồi hương chắc chắn có để lại chốn biên cương heo hút người vợ bé với mấy đứa con thơ. Trời ơi - Thuận nghĩ - ba năm trấn thủ thì có thể là ba tí nhau lắm chớ! Các bà chính thất biết thừa vậy, nhưng có hề gì, làm trai năm thê bảy thiếp, gái chính chuyên thì chỉ có một chồng, Thuận hướng trí suy tưởng về những người vợ bé và đàn con nhỏ chốn biên thùy mới mở. Mẹ con ùm bọc lấy nhau, những luồng mầu tiếp tục được vỡ ra, biên cương luôn luôn được nói rộng thành khu đồn điền mới. Thuận chớp chớp mắt và muốn nhỏ lệ xuống hình ảnh mẹ con ùm bọc trong cảnh biên cương mới nói rộng đó. Rồi những người lính trấn thủ khác tới, những cuộc phối hợp quân dân mới, để lại có những đứa trẻ oe oe ra đời bồi bổ sức sống, gây đầm ấm, gây niềm tin cho miền quan tái. Những lũy tre được mọc lên, những mái đình, mái chùa được dựng lên, ngày xuân mở hội tuồng chèo... Và cứ thế... quê hương thành hình cho đến mũi Cà Mau.

Ồ! Thuận đã về tới nhà. Vô thức đã xui Thuận theo đường về nhà, đợi lát nữa sẽ tới gặp Huyền ở đám giỗ.

Phải. - Thuận đã nằm thoải mái trên giường tiếp tục nghĩ - Quê hương đã thành hình dẫn đến mũi Cà Mau và bây giờ thì... cốt nhục tương tàn. Thuận nghĩ đến sau vài ngày đây, hết phép, Thuận sẽ trở lại hoạt động với các bạn đồng đội. Lại những bản đồ, những phi vụ, tiếng phi cơ rú máy khi nhào xuống, những nút được bấm, những hỏa tiễn được phóng ra, những tràng liên thanh khạc lửa, những vùng khói trắng từ mục tiêu trúng đích bốc lên. Có khi đó là cả một vùng lửa tỏa ôm lấy một thế giới vắng lặng đã chết, có khi thoáng những bóng người chạy cuống quýt bên dưới như những con chuột cùng đường. Thuận lắc đầu hướng ý nghĩ về chuyện khác, tránh những hình ảnh của chiến tranh bi thảm. Huyền, tất nhiên hình ảnh Huyền xuất hiện và cả lời nói vang vang của anh Cả nữa: “Cậu hãy vươn lên thật cao mà nhìn xuống, trái đất không còn là những chi tiết núi cao, biển rộng, thung lũng sâu nữa mà là một hình tròn, thiệt tròn... sáng thiệt sáng...”

Nhưng phải kể đến hình ảnh Huyền nhiều hơn cả. Hình ảnh Huyền xuất hiện như một điểm tựa vừa êm ái vừa lâu bền, như một niềm an ủi xa xưa và trường cửu. “Huyền không thể từ chối tình yêu của mình được.” - Thuận nghĩ thầm thế - Nhưng hai đứa rồi đây sẽ yêu nhau ra sao đây? Thuận lại lái ý nghĩ về cuộc chiến tranh hiện tại

để tránh câu tị vấn cùng đường về tình yêu, và tới đây cả hình ảnh Huyền với hình ảnh chiến tranh hòa quyện với nhau thành một màu khốc liệt của đam mê. Thuận nhất định phải chiếm cứ tình yêu Huyền làm chiếc giáp trường cửu chống với những phi lý, những bất thường của hiện tại. Mưa lại tiếp tục đổ rào rào. Thuận ra đứng tựa cửa sổ nhìn màn mưa bên ngoài, một chiếc *Vespa* xuống dốc, người lái là một quân nhân khoác ngoài chiếc áo mưa *poncho* của lính, phía sau che kín một thân hình đàn bà, có thể là vợ anh, cũng có thể là nhân tình của anh. “Họ cùng nhau lao mình trong mưa trông hay đấy chứ,” Thuận mỉm cười nghĩ vậy. Một con chuột chũi từ một bụi cây ven đường luống cuống chạy về một bụi cây khác ngược sườn đồi. Có lẽ nó đang đi kiếm ăn thì gặp mưa đành trú tạm một nơi, nhưng rồi mưa rơi hoài đành tìm đường về tổ. Cả khoảng cỏ hoang vu dưới trận mưa dào dạt bỗng bớt vẻ cô đơn và đượm vẻ sinh động vì có hình ảnh con chuột chũi lật dật tìm về tổ. Hình như tạo vật trên trái đất này - Thuận cho là thế - không chỗ nào phải cô đơn cả, vì chỗ nào cũng có sinh vật sinh sôi nảy nở. Mà đã nói đến sinh vật sinh sôi nảy nở là nói đến ấm áp của tình yêu rồi còn gì!

Thuận trở lại nằm duỗi cẳng trên giường nệm, vừa nghe tiếng mưa rơi rào rào bên ngoài, vừa vươn vai cho các bắp thịt giãn ra, thân hình dài đến hết cỡ. Thuận cảm thấy thấm thía là từng tế bào trong cơ thể Thuận kêu gọi từng tế bào bên cơ thể Huyền và Thuận như có nhận được tiếng vang

hương ứng thăm thăm xa xôi tự cơ thể Huyền.
Tiếng mưa rơi vẫn đều đều, Thuận nhắm mắt lại
để có cảm tưởng đó là trận mưa thời khai thiên lập
địa có thể kéo dài hàng triệu năm mới dứt.

CHƯƠNG 12

Bên ngoài mây đen hình như ùn tới; là người ta trực cảm thấy thế thôi, chứ nhìn qua khung cửa vẫn chỉ thấy tối đen và càng tối đen vì bên trong đèn bật sáng choang. Căn phòng khách dường như rộng thênh thang ra sau khi mấy người bà con trong họ tới ăn giỗ đã về hết, còn lại Thuận đương trả lời nốt câu hỏi của ba Huyền - mà Thuận muốn là câu hỏi cuối cùng - về đời phi công khu trục của chàng vào thời chiến cuộc gay go gấp bội khi xưa này.

Một tia chớp loé khoảng góc trên khung cửa sổ để ngỏ khiến Thuận trông thấy bóng Huyền sau lần màn cửa gian phòng trong. Chiều nay lúc Thuận tới thì vừa gặp Huyền dưới bếp lên. Huyền gần lửa nên đôi má đỏ hồng, đôi môi không tô son - Huyền rất ít khi dùng son như Thuận biết - nhìn nghiêng thành một vệt bóng bóng rẫy và quyền

rũ. Lúc đó Huyền chỉ mặc có chiếc áo cánh dài tay bằng vải *tetoron* mỏng làm nổi hẳn màu đen của chiếc áo nịt bên trong bó sát lấy khoảng ngực và bụng. Sau mấy câu chào hỏi thường lệ Huyền bỗng kín đáo sửa lại cổ áo, có lẽ vì thấy Thuận nhìn mình chằm chằm.

Câu chuyện giữa Thuận với ba Huyền đã hết, bên ngoài những tia chớp càng dồn dập, sau đó vòm trời càng tối đen như mực trông rất dễ sợ. Tiếng sấm ầm ì từ xa vọng lại. Huyền đã từ buông trong ra nói với cha:

- Thừa ba, me con đã lên gác, con cũng về ngủ, mưa đến nơi rồi.

- Ừ thôi con về. - Ba Huyền nói.

Thuận cũng đứng dậy xin phép rút lui. Ông Huyền bắt tay Thuận. Đi được ba bước Thuận quay vội trở lại lấy chiếc áo mưa nhà binh, chiếc *poncho*, vắn gấp gọn và để lọt vào khe một chiếc ghế đệm. Khi ra khỏi cửa, phía trước Huyền đã xuống sân ngoài cổ lại có ý chờ vì biết Thuận sẽ cùng đi một quãng đường. Ánh đèn lọt qua màn cửa tới quãng đó thì mờ hẳn, sau đó ba Huyền đóng cửa lại thì Huyền hoàn toàn chìm trong bóng tối. Ánh sáng như vừa từ khước bảo trợ mà quãng đôi tré vào khối bóng tối, tuy nhiên khi Thuận tiến tới còn nhận thấy khuôn mặt Huyền mờ mờ trong thứ ánh sáng thoi thóp lọt qua tự các khe cửa sổ trên gác. Huyền nói:

- Nghe anh Thuận nói chuyện với ba tôi thì

nội tâm anh cũng nhiều thắc mắc quá nhỉ?

Thuận hỏi lại và cảm thấy tâm hồn phơi phơi như đương hòa quyện với tâm hồn Huyền:

- Thế trước đây thím Huyền cho là tôi... đơn giản lắm sao?

Cả hai cùng cười và còn bịn rịn đứng trong ánh đèn mờ mờ đó như một thái độ tự thanh minh.

Chỉ thêm một bước nữa là cả hai cùng chìm trong bóng tối của khoảng dốc thoải thoải đưa xuống đường nhựa. Trong bóng tối mờ mờ, Thuận nhìn thẳng vào đôi mắt Huyền và chắc chắn cả hai cùng cảm thấy đê mê. Lấy bóng tối làm điểm tựa, Huyền vẫn giữ cho đôi mắt mình đối chiếu với đôi mắt Thuận và đáp:

- Tôi không cho là anh đơn giản, nhưng có điều không ngờ anh nhiều thắc mắc đến thế.

Một tia chớp sáng lên, tiếng sấm vang rền ngay, rất gần. Thuận nói:

- Năm nay tôi ngót ba mươi tuổi rồi, thím Huyền! Năm có cuộc Cách mạng tháng Tám tôi còn đánh trống ếch và hát bài “Yêu bác Hồ Chí Minh hơn chúng em nhi đồng”. Cậu tôi dạo đó đã già, đã hiểu Hồ Chí Minh là ai, và đã hiểu đất nước này rơi vào tay Hồ Chí Minh thì sẽ ra sao, nhưng người cứ để mặc tôi gia nhập đoàn “Nhi đồng Cứu quốc”. Sự trầm tĩnh của người thật đang cảm phục. Tôi lớn lên trong kháng chiến và theo sự dìu dắt kỳ

diệu của cha, tôi vẫn tham gia kháng chiến mà vẫn lần lần hiểu thế nào là bộ mặt thật của Việt Minh. Vừa tới lúc đó cậu tôi mất, tôi tin rằng người ra đi yên lòng. Cho đến giờ tôi vẫn chưa có vợ, nhưng chỉ ao ước thắm sau này có đủ thắm thắm giáo dục con cái như kiểu cậu tôi đã giáo dục tôi. Di cư vào Nam với tiểu gia đình chị Ninh bằng đường biển, tôi thật sự trưởng thành từ cái ngày ấy, ngày chứng kiến cảnh hàng ngàn đồng bào lam lũ, nhẵn nhụi lên tàu di cư. Trước ngày gia nhập quân đội, tôi đã nhiều lần ban đêm ngắm những trái hỏa châu bắn vọt lên lơ lửng chiếu sáng cả vùng được vài phút, hao mòn dần đi rồi tắt ngấm. Cái chết của bao người trong quân đội nào có khác gì! Tôi bỏ học, gia nhập không quân với hình ảnh những trái hỏa châu - có thể nói đó là lần trưởng thành thứ hai, chín mùi hơn. Khi cho mũi phi cơ chúc xuống để phóng hỏa tiễn hay khạc đạn, chẳng lẽ chúng tôi không biết rằng mình đương làm gì, chẳng lẽ chúng tôi không biết rằng có sự chết bên dưới mà mình không trông thấy, và có khi chính mình chết với phi cơ bốc cháy, nhưng sự chết đó phải để cho một cái gì của đất nước sống chứ?

Hai người bắt đầu đi vào bóng tối rất thông thả. Cứ tưởng đi vào bóng tối thì cả hai chẳng còn nhìn rõ được nhau nữa. Nào ngờ khi hai đôi mắt tìm nhau vẫn nhận thấy ở nhau ánh rục rịch dịu dàng, thắm thắm và hun hút. Trong trường hợp này chỉ cần nhận thấy ánh mắt nhau là đủ. Thuận nói:

- Nếu thím Huyền không phản đối, tôi xin phép được vào thăm thím Huyền để xem căn nhà có khác xưa lắm không.

- Vâng, qua đó mời anh lên chơi tôi sẽ pha cà phê mời anh uống. Hình như lúc này ba tôi chỉ mời anh nước trà, quên cà phê.

Một tia chớp khác chói lóa kế tiếp ngay là tiếng sấm lớn. Lác đác có hạt mưa.

Những hạt mưa tiếp lục rơi mau hơn, hai người đã xuống tới đường nhựa, nhưng họ vẫn đi từng bước rất thong thả, hình như họ ưa bóng tối và ưa những hạt mưa lạnh, bóng tối làm cho họ mê mê, mưa lạnh càng làm nổi mê mê đó thêm phần ảm cúng. Quảng đường nhựa này hoàn toàn chìm trong bóng tối vì ở vào khoảng chính giữa hai cột đèn, một ở khúc quanh phía sau, một ở trên sườn đồi cao phía trước.

Mưa bỗng rào rào đổ xuống nặng hạt vô cùng, Thuận tung vội chiếc *poncho* rộng như cánh đại bàng thần thoại trùm đầu cho cả hai người và do một thể thuận tiện nhất, tự nhiên nhất, cả cánh tay trái Thuận quàng lấy vai Huyền âu yếm. Thuận vừa dìu Huyền đi vừa hỏi ngay:

- Thím Huyền vẫn bận bộ đồ ban sáng nhỉ, chiếc *jupe* màu xanh lợt và chiếc áo *veste* len đan màu xanh lá cây thắm.

Huyền cúi đầu đi không dám trả lời, nhịp thở của Huyền bối rối, những ngón tay Thuận

thít lại trên vai Huyền cùng với mưa đã sớm đổ mau thành thác. Những ngón tay đó, Huyền biết, nhưng mưa thì không, vì chiếc áo mưa rộng như lều đã hoàn toàn trùm kín lấy cả hai từ đầu đến chân. Thuận cúi xuống nói nhỏ bên tai Huyền. Mưa bao bọc lời nói đó dồn xuống chỉ đủ cho lọt vào tai Huyền, chính Thuận, chưa chắc Thuận đã nghe thấy mình nói:

- Các bậc đàn anh tôi chỉ biết luôn mồm dạy tôi yêu nước, không ai biết dạy tôi yêu tình yêu. Điều này tôi phải tự khám phá lấy, tôi khám phá vào chính ngày gặp Huyền lần đầu tiên đi với chú Quát. Chú Quát còn sống, không bao giờ tôi nói điều này với Huyền.

Huyền cảm thấy chân bước khác thường ngổn ngang những rễ cây bên dưới, Thuận đã đưa Huyền lên sườn đồi vệ đường.

“Chúng ta hãy ngồi núp dưới vòm cây này.”

- Thuận nói vậy bên tai Huyền rồi tìm môi Huyền trong khi cả hai cùng vừa ngồi xuống dựa vào gốc cây.

- Không có áo mưa này chúng ta sẽ bị lạnh lắm. - Thuận tiếp và xoay người để ôm Huyền bằng cả hai cánh tay khi Huyền đã dựa hẳn vào gốc cây - Tôi đến Đà Lạt chỉ để gặp Huyền, không phải để cô đơn, đến Đà Lạt mà cô đơn cũng như tự chôn vùi mình bằng hai lần áo quan!

Họ ghi chặt lấy nhau giữa trận mưa lớn dưới tấm áo mưa nhà binh tỏa ra vừa đủ rộng che

khít lấy họ với khoảng hở tròn phía trước làm chỗ thông hơi. Thuận luôn tay xuống dưới lần *veste* tìm cánh tay trần của Huyền. Đúng là cánh tay nàng, cánh tay mũm mĩm, da thịt hiền lành, nhưng đã khiến Thuận tự thiêu đốt trong bao nhiêu ngày qua. Bộ ngực Huyền... - “Ồ, đừng anh!” Bộ ngực Huyền cũng hiền lành mà cũng thiêu cháy như đôi cánh tay Huyền. “Ồ đừng anh.” - Thuận lấy đôi môi mình chặn lấy đôi môi Huyền không cho thốt thêm một lời nào nữa. Có những tia chớp xé trời! Qua lỗ hở tròn của tấm áo mưa, họ có tiếp nhận bằng vô thức những tia lóe đó, nhưng họ có biết đâu đó là chớp. Kế tiếp là những tiếng nổ long trời, vô thức họ cũng tiếp nhận, nhưng họ có biết đâu đó là tiếng sét. Ý thức họ vừa quy tụ cả vào tình yêu thể hiện ở hai hình thù nhỏ bé núp dưới lần áo *poncho* giữa trận mưa rừng mệnh mông này. Họ chỉ biết rằng tâm hồn họ đang mở rộng... mở rộng... để phiêu diêu tự do ngoài biên giới vũ trụ. “Huyền ơi, Huyền còn nhớ chuyện ông bác si tình của tôi chứ, mãi khi về già, người yêu bị của chân, mới được sờ lên đùi người yêu một lần. Anh còn sung sướng hơn ông bác chứ, Huyền không bị chứng hoại thư, Huyền còn nguyên vẹn thân thể.” - “Trời ơi, đừng anh!” - “Thân thể em chỗ nào cũng gọi hình ảnh trái nho mộng.” - “Trời ơi, đừng anh!” Đôi môi Thuận lại tìm bịt miệng Huyền, rồi thì thầm ngay bên miệng nàng: “Anh say mê em ngay từ buổi đầu, em biết chứ?” - “Ồ van anh, đừng! Mưa lớn, nước xối ướt cả chỗ chúng ta ngồi này!” - “Anh biết nước xối tràn trề cả mặt em nữa,

rửa lạnh cả môi em chỗ anh vừa hôn, anh biết mà.”
 - “Đừng anh ơi, nước rên lên chỗ chúng ta ngồi rồi.” - “Huyền yêu dấu, chúng ta cùng chụp giữ lấy hạnh phúc, đừng chối từ!” (Một tia chớp lóe sáng và những tiếng sấm inh ỏi như một thứ đại liên nào đó của một thứ phi cơ nào để vừa lướt tới khạc lửa.) “Trong trời đất phải có lửa và có nước chú em Huyền! Lửa tình yêu thiêu đốt và nước để sinh thành, muôn loài đều sinh thành ở nơi ẩm ướt, Huyền yêu dấu!” - “Trời ơi!” - “Ồ anh biết rồi, em làm nước mưa chảy lọt vào như suối trên mặt em, hôn em mà cảm thấy môi em lọt lạt. Em có thấy sức mạnh tình yêu ru chúng mình ra tận biên giới vũ trụ, thênh thang lắm mà vẫn hướng về tâm điểm, tâm điểm tình yêu đó.”

Họ không nhìn thấy gì bên ngoài, họ có mắt để tiếp nhận những tia chớp mãnh liệt đốt cháy vòm trời và ánh sáng đó tuy rõ ràng thật mà chỉ lặng lẽ rơi xuống đáy vô thức. Họ không nghe thấy gì bên ngoài, những tiếng sét xé trời bầm nát bóng đêm, chém gãy cây rừng có mang máng ủa tới để rồi cũng lặng lẽ chìm xuống đáy vô thức của họ.

Một tia chớp cực sáng thét thành một tiếng sét cực lớn đập với họ, đập với vòm cây che họ, tất cả đập lại làm như cái Một nguyên thủy. - Thật ra lúc đó họ đã là cái Một Nguyên Thủy rồi - Đồng thời với cái Một nguyên thủy, một cảnh ngang cực lớn thoáng bốc khói (hơi thở của tia chớp bay của tiếng sét gầm?) rồi rầm rộ đổ xuống như cùng một lúc vừa bị cuốn theo bởi thác nước, vừa bị hút theo

bởi sức hút mãnh liệt của tình yêu bên dưới, thú tình yêu nung nấu cô đọng thành tiềm lực từ bao ngày tháng và đương thể hiện huy hoàng - huy hoàng như tia chớp lúc đó - đương thể hiện nguy nga - nguy nga như thác lũ tự trời đổ xuống lúc đó. Tất nhiên là tia chớp đó thừa dù là tia chớp cực sáng! Tất nhiên là tiếng sét đó thừa, dù là tiếng sét cực lớn! Chính họ lúc đó đã là cái Một nguyên thủy rồi mà! Họ thênh thang nhập vào vũ trụ! Nay tâm điểm tình yêu đã không còn ở trái đất để hút họ về, tâm điểm tình yêu đã vù bay theo họ, thể nhập với họ. Họ mãi mãi ôm nhau như vậy, thênh thang xoay vút tận ngoài biên giới vũ trụ như vậy, rượt đuổi Tự Do!

Vết thương của bao cuồng vọng, bao buồn đau ray rút biến thành Vĩnh Cửu.

Thuận không còn cô độc.

Thuận đã có Huyền!

MỘT VÀI KỶ NIỆM VỚI HÀ VĂN ĐOÃN QUỐC SỸ

Mặc dù cùng là những cây bút xuất hiện ở miền Nam sau 1954, tôi vẫn coi nhà văn Doãn Quốc Sỹ như một bậc đàn anh. Trước hết là vấn đề tuổi tác. Trong khi anh Doãn Quốc Sỹ là sinh viên Văn khoa ở Hà Nội, thì tôi vẫn còn là một học sinh chưa hết bậc trung học. Mà học sinh bậc trung học thời đó (trước 1954), nhìn lên giới sinh viên thấy như họ ở một thế giới nào cao xa và cách biệt lắm. Sinh viên có hoạt động của sinh viên. Học sinh, nhất là học sinh Chu Văn An, Nguyễn Trãi, Trưng Vương có những hoạt động riêng của họ. Sự hợp tác hoạt động trong lãnh vực văn hóa, xã hội của hai giới này hầu như chưa bao giờ đặt ra vào thời điểm đó.

Sau nữa, trong khi anh Doãn Quốc Sỹ xuất

hiện sôi nổi với tác phẩm “Trái Cây Đau Khổ” trên tạp chí Lửa Việt, diễn đàn của sinh viên Văn khoa Hà Nội mới di cư vào Nam, thì tôi vẫn còn loay hoay với những trang bản thảo chưa hề được đăng báo hay xuất bản của mình. Sinh hoạt văn học nghệ thuật ở miền Nam khoảng 1954-1958, đối với tôi vẫn còn là miền đất xa lạ mà tôi chưa được hân hạnh bước chân vào mặc dù tôi vẫn đọc rất nhiều tác phẩm của những nhà văn, nhà thơ đang nổi tiếng ở thời kỳ đó, trong đó có cả anh Doãn Quốc Sỹ.

Thế mà năm năm sau, do một sự tình cờ, tôi lại được đứng chung cùng với anh trong danh sách tác giả trúng giải thưởng Văn chương Toàn quốc được tổ chức cứ hai năm một lần. Anh Doãn Quốc Sỹ được giải nhất về truyện ngắn với tập “Dòng Sông Định Mệnh”, còn tôi thì về truyện dài với cuốn “Thêm Hoang”. Hôm tham dự lễ trao giải ở Câu lạc bộ Báo chí, sau này đổi thành Phòng Thông tin Đô thành, tôi đã được tiếp xúc với anh lần đầu, mặc dù trước đó tôi đã gặp anh, biết anh nhưng chưa có dịp trò chuyện với anh!

Người anh cao và gầy, khuôn mặt xương xương, cử chỉ từ tốn, điềm đạm, anh đã cho tôi cái cảm giác giản dị, tin cậy, dễ hòa hợp và hết sức thoải mái khi trò chuyện. Ở nơi anh, đúng là có sự hòa hợp giữa hai con người: một nhà văn, một nhà giáo và anh đã giữ mãi sự hòa hợp này trong suốt hơn hai mươi năm tham gia trong cả hai lãnh vực giáo dục và văn hoá.

Sau lần tiếp xúc ngắn ngủi đó, chúng tôi chưa thể gọi là thực sự quen nhau, hay nói đúng hơn, giữa chúng tôi chưa có tình bạn, dù là bạn vong niên. Anh Doãn Quốc Sỹ bận rộn với những sinh hoạt của anh: vừa sáng tác, vừa dạy học. Anh đã viết rất nhiều, rất đều, kể cả sự xuất hiện trên những tạp chí văn học nổi tiếng thời đó lẫn việc ấn hành những tác phẩm mới. Kể từ ngày biết anh, không lần nào in sách anh lại không dành cho tủ sách gia đình của chúng tôi một ấn bản đặc biệt với lời đề tặng và chữ ký của tác giả. Như thế, dù ít có dịp được gặp gỡ anh để hàn huyên, hình như chúng tôi đối với nhau vẫn gần gũi, qua những hoạt động văn nghệ, qua những truyện ngắn đăng báo hoặc các tác phẩm đã in.

Năm 1971, do sự đề nghị của anh Nguyễn Hùng Trương giám đốc nhà sách Khai Trí, tôi nhận lãnh chức vụ chủ bút tuần báo Thiếu Nhi do anh Trương đứng chủ nhiệm. Đây là một việc làm cần thiết, đáp ứng nhu cầu sách báo thiếu nhi đúng đắn và hiếm hoi vào thời kỳ đó. Qui tụ quanh tòa soạn của tờ báo này hầu hết những nhà giáo như anh Đặng Hoàng, anh Vũ Văn Kiệt (bút hiệu Vịt Mò), Lê Xuân Nho, Phạm Đức Huyền hay những cây bút trẻ như Phan Khương Thái, Trầm Mai Hoạt, Vũ Thị Ca Dao, v.v... Đối với những nhà văn cỡ lớn như các anh Doãn Quốc Sỹ, Nguyễn Ngu Í, Lê Tất Điều (tất cả vốn cùng là gốc nhà giáo cả), tòa soạn chúng tôi một phần biết các anh bận rộn, phần khác không biết là báo của mình sẽ lớn mạnh, vững vàng được đến đâu, nên

chỉ thông báo công việc mình đang làm mà không dám chính thức mời cộng tác.

Ấy vậy mà một hôm rất đột nhiên, anh Doãn Quốc Sỹ tìm đến thăm tòa soạn Thiếu Nhi hồi đó đặt ở đường Thiệu Trị, một con phố nhỏ ở ngay kề cận cổng xe lửa số 6, đường Trương Minh Ký. Sự thăm viếng đột ngột của anh làm tòa soạn chúng tôi hết sức cảm động. Điều đó chứng tỏ dù bận rộn đến đâu, anh cũng vẫn quan tâm đến những nỗ lực của bạn bè trong những công tác giáo dục. Anh thăm hỏi về tình hình sinh hoạt tòa soạn, về số lượng ấn hành và số báo bán được. Rồi anh trao cho chúng tôi bản thảo một truyện ngắn viết riêng cho tờ Thiếu Nhi, điều mà chúng tôi hết sức mong mỏi nhưng không bao giờ dám gợi ý ra. Anh cũng không chỉ gợi bài cho chúng tôi riêng lần ấy mà liên tục sau này, anh còn gửi đăng nhiều truyện khác đặc biệt có màu sắc giáo dục thanh thiếu nhi. Sự quan tâm và lòng ưu ái của anh đối với tòa soạn đã khích lệ chúng tôi rất nhiều trong những năm sau này trông nom nội dung tờ Thiếu Nhi (từ năm 1971 cho đến khi miền Nam sụp đổ).

Nhắc đến Doãn Quốc Sỹ với tờ Thiếu Nhi, tôi không khỏi ngậm ngùi nghĩ đến anh Nguyễn Ngu Í, cũng với một tấm lòng thiết tha với tuổi trẻ như anh Sỹ. Tôi còn nhớ, khi tờ báo phát hành được 5 số thì một hôm tòa soạn nhận được một lá thư dài của anh Nguyễn Ngu Í, trong đó ngoài những lời khen ngợi thông thường, anh còn để một đoạn thật dài nhắc nhở chúng tôi vấn đề

chính tả. Anh bảo báo chí dành cho giới trẻ thì tuyệt đối phải in đúng chính tả và phải hết sức thận trọng khi dùng từ ngữ.

Anh lấy ngay một thí dụ chình ình trên bìa báo Thiếu Nhi: “Ra *hàng* tuần, ngày Chủ Nhật.” Anh chỉnh lại: “Báo ra *hằng* tuần, chứ không phải *hàng* tuần.” Những bài học của các bậc đàn anh như thế không bao giờ chúng tôi quên được, không chỉ ở một từ ngữ đơn lẻ nhưng là cả một thái độ thận trọng trong công việc viết lách, nhất là việc viết cho giới thiếu nhi.

Ngoài công việc sáng tác và dạy học, anh Doãn Quốc Sỹ còn nghiên cứu về Thiển. Khi anh cho xuất bản cuốn “Vào Thiển”, tôi hơi ngạc nhiên tự hỏi anh lấy thì giờ ở đâu để có thể đi sâu vào một lãnh vực cao siêu như thế. Nhưng quả thật tinh thần của Thiển đã ảnh hưởng sâu xa trong tư tưởng của anh và sau này hẳn đã giúp ích anh rất nhiều trong những năm dài tù tội.

Hồi đó anh Doãn Quốc Sỹ có một xe hơi loại *Daihatsu* dùng để chuyên chở nhẹ. Anh hay dùng chiếc xe này để chở sách đi phát hành. Quản lý của tờ Thiếu Nhi khi đó là Đỗ Phương Khanh thường hay gặp anh ở nhà phát hành. Một lần không thấy anh chở sách bằng xe hơi mà lại bằng xe gắn máy. Đỗ Phương Khanh hỏi:

- Chiếc xe mọi khi của anh đâu rồi?

Anh mỉm cười, giọng nhẹ nhàng thản nhiên:

- Bị lấy trộm mất rồi!

Anh có mỗi một chiếc xe, phải kể như một tài sản quý hồi đó. Thế mà mất xe, anh không hề tỏ vẻ bức bối hay oán trách. Đỗ Phương Khanh rất cảm phục anh ở thái độ này và thấy rõ anh đã thấm nhuần sâu xa tinh thần hỉ xả của Thiền.

Sau năm 1975, chúng tôi đến thăm anh ở căn nhà trong khu ngõ đường Thành Thái. Lần cuối cùng chúng tôi thăm anh vào thời gian trước khi anh bị bắt một tuần lễ. Vào thời điểm đó, tin tức lọt ra từ Hội Văn nghệ Thành phố về danh sách những nhà văn sắp sửa bị bắt đã loan truyền rộng rãi trong giới văn nghệ. Trong danh sách này có tên anh Doãn Quốc Sỹ. Vì thế, chúng tôi đến thăm anh với tất cả mọi sự bồn chồn lo lắng và ngao ngán, cái ngao ngán chung của những người cùng một giới đang bị bao phủ bởi một bầu không khí nghiêm trọng nặng nề.

Tuy nhiên, lúc gặp anh, chúng tôi vẫn thấy anh điềm nhiên, vui vẻ. Vẫn dáng dấp điềm đạm, đôi mắt sáng, hiền từ, nụ cười thản nhiên, đôn hậu. Anh chuyện trò với chúng tôi một lát thì tiến lại cái dương cầm màu nâu nhỏ kê ở ngay ngoài phòng khách. Anh dạo cho chúng tôi nghe một bản nhạc cổ điển Tây phương. Qua những âm thanh thánh thót, tôi thấy cả tâm trạng bình thản của anh lúc đó. Lúc chia tay, chúng tôi không nói được gì nhiều với nhau. Chẳng ai muốn nói gì nhiều với nhau lúc đó. Chúng tôi chỉ nắm chặt lấy

bàn tay nhau và truyền cho nhau những ý nghĩ an ủi, cảm thông.

Một tuần sau, chúng tôi được tin anh đã bị bắt. Rồi những tin tức từ trong tù truyền ra, chúng tôi được biết dù đã phải chịu rất nhiều đắng cay, tủi cực nhưng anh vẫn luôn bình thản. Anh là một trong những người tù đã khiến cho ngay đến cả những tên quản giáo cũng phải cảm phục.

Một người như anh, một người cha gương mẫu trong gia đình, một nhà giáo đầy tài năng và tận tụy, một nhà văn chùng mực chỉ viết ra những điều làm đẹp con người, làm đẹp xã hội, và một con người đầy nhân cách, giàu lòng vị tha, tôi tự hỏi một con người như thế lại bị gạt ra ngoài xã hội và phải chịu nằm tù rông rã trong bao nhiêu năm trời, thì chế độ Cộng Sản là cái thứ gì?

Hoàn cảnh của anh khiến tôi so sánh với nhà thơ Nguyễn Chí Thiện gần cả một đời người ra tù vào khám ở miền Bắc. Ước mơ của Nguyễn Chí Thiện thể hiện qua thi ca cũng chỉ là những ước mơ được sống trong một xã hội bình an, với một đời sống bình dị mỗi khi chiều xuống được nghe tiếng sáo diều vọng lại từ những cánh đồng êm ả, được ăn no, mỗi mùa có đủ áo ấm, lạnh lặn để mặc. Vậy mà những ước mơ ấy không bao giờ thành, dưới “chế độ” vẫn thường vỗ ngực tự hào là một “chế độ ưu việt”.

Vì không có khả năng thực hiện được những mộng ước rất bình thường của những con người

rất bình thường, nên “chế độ” đã phải bỏ tù những kẻ sĩ đã dám nói lên những sự thực xót xa ấy.

Nhưng càng giam giữ những con người như Doãn Quốc Sỹ, như Nguyễn Chí Thiện và hàng trăm văn nghệ sĩ khác nữa ở cả miền Nam lẫn miền Bắc, chế độ hiện tại ở Việt Nam chỉ biểu lộ sự yếu kém và phi chính nghĩa của mình.

Đối với chúng tôi, những người may mắn hơn anh Doãn Quốc Sỹ, anh Nguyễn Chí Thiện, tuy không phải chịu đựng những năm tháng nhục nhằn trong ngục tù cộng sản, chúng tôi vẫn luôn luôn nhìn về các anh như những biểu tượng sáng chói của lý tưởng đấu tranh cho tự do và quyền làm người.

Nhật Tiến
Tháng 5, 1988

tác giả | **doãn quốc sỹ**

Ờn thật là Doãn Quốc Sỹ. Ông sinh ngày 17 tháng 02 năm 1923 (nhằm ngày Mừng Hai Tết Quý Hợi) tại xã Hạ Yên Quyết, Hà Đông, ngoại thành Hà Nội. Thuở còn là thanh niên, ông đã từng tham gia Việt Minh kháng chiến chống Pháp. Sau đó, khi phong trào này để lộ bộ mặt Cộng sản, ông đã rời bỏ kháng chiến. Vào năm 1946, ông lập gia đình với bà Hồ Thị Thảo là ái nữ của nhà thơ trào phúng Tú Mỡ Hồ Trọng Hiếu. Năm 1954, khi hiệp ước Geneva chia đôi đất nước, ông theo làn sóng di cư đem vợ con vào miền Nam sinh sống.

Doãn Quốc Sỹ có hai sự nghiệp song song là nhà văn và nhà giáo. Ông vẫn thường nói rằng: “Nhà giáo là nghề, nhà văn là nghiệp.” Trong cương vị nhà giáo, ông đã dạy tại các trường Trung học Công lập Nguyễn Khuynh (Nam Định, 1951-1952), Chu Văn An (Hà Nội), Hồ Ngọc Cẩn (Sài Gòn 1961-1962), Trường Sư phạm Sài Gòn, Đại học Văn Khoa Sài Gòn, Đại học Vạn Hạnh Sài Gòn. Ông từng là hiệu trưởng trường Trung học Công lập Hà Tiên (1960-1961) và từng đi tu nghiệp về sư phạm tại Hoa Kỳ (1966-1968). Với cương vị nhà văn, ông là đồng sáng lập viên nhà xuất bản Sáng Tạo và tạp chí văn nghệ cùng tên vào năm 1956 cùng với Mai Thảo, Nguyễn Sỹ Tế, Thanh Tâm Tuyền, Trần Thanh Hiệp, Duy Thanh, Ngọc Dũng mà ông vẫn gọi là “Thất Tinh”. Ông cũng có những bài viết được đăng trên những tạp chí văn nghệ như Sáng Tạo, Văn Nghệ, Bách Khoa, Văn Học, Nghệ Thuật...

Sau ngày Miền Nam thất thủ 30/04/1975, vào tháng Tư năm 1976, Doãn Quốc Sỹ cùng nhiều nhà văn miền Nam khác bị bắt đi tù cải tạo. Ông bị giam tại trại Gia Trung, cách thành phố Pleiku 25 km, cùng với nhiều văn nghệ sĩ khác như Trần Dạ Từ, Thanh Thương Hoàng, Sơn Điền Nguyễn Việt Khánh, Nguyễn Sỹ Tế, Chóe... Đến năm 1980, ông được thả tự do nhờ sự can thiệp của nhiều tổ chức quốc tế. Trong thời gian chờ đợi được người con gái đầu bảo lãnh đi Úc, ông tiếp tục viết thêm một số tác phẩm nữa, trong đó có quyển ĐI được ký với bút hiệu Hồ Khanh. Ông đã gửi tác phẩm này sang Pháp, để xuất bản tại hải ngoại. Cũng vì lý do này, ông đã bị bắt lần thứ hai vào tháng 5 năm 1984, chỉ trước ngày đi Úc vài tháng, cùng với một số văn nghệ sĩ khác như Duy Trác, Dương Hùng Cường, Hoàng Hải Thủy, Lý Thụy Ý... Ông bị kết án mười năm tù. Ông mãn hạn tù lần thứ hai vào tháng 11 năm 1991.

Năm 1995, ông được người con trai trưởng bảo lãnh di dân sang Houston, Hoa Kỳ. Hiện nay, ông đang sống tại Quận Cam, California.

tác phẩm | **doãn quốc sỹ**

- SỢ LỬA (Truyện cổ tích, 1956)
U HOÀI (Truyện ngắn, 1957)
GÁNH XIẾC (Truyện ngắn, 1958)
GIN VÀNG GIỮ NGỌC (Truyện ngắn, 1959)
DÒNG SÔNG ĐỊNH MỆNH (Truyện dài, 1959)
KHẢO LUẬN VỀ CAO BÁ QUÁT (1959)
KHẢO LUẬN VỀ NGUYỄN CÔNG TRỨ (1959)
KHẢO LUẬN VỀ ĐOẠN TRƯỜNG TÂN THANH (1959)
KHẢO LUẬN VỀ TẢN ĐÀ (1960)
KHẢO LUẬN VỀ NGUYỄN KHUYẾN (1960)
KHẢO LUẬN VỀ TRẦN TẾ XƯƠNG (1960)
TỰ LỰC VĂN ĐOÀN (Khảo luận, 1960)
HỒ THUY DƯƠNG (Truyện cổ tích, 1960)
BA SINH HƯƠNG LỬA (Khu Rừng Lau I, 1962)
NGƯỜI ĐÀN BÀ BÊN KIA VĨ TUYẾN (Khu Rừng Lau II, 1964)
TÌNH YÊU THÁNH HÓA (Khu Rừng Lau III, 1965)
NHỮNG NGẢ SÔNG (Khu Rừng Lau IV, 1966)
TRÁI CÂY ĐAU KHỔ (Kịch, 1963)
KHẢO LUẬN VỀ NGỮ PHÁP VIỆT NAM (1964)
NGƯỜI VIỆT ĐÁNG YẾU (Khảo luận, 1965)
CÁNH TAY NỔI DÀI (Truyện ngắn, 1966)
ĐỐT BIÊN GIỚI (Truyện dài, 1966)
CA DAO NHI ĐỒNG (Biên khảo, 1969)
TUYỂN TẬP VĂN CHƯƠNG NHI ĐỒNG (Biên khảo, 1969)
THẦN THOẠI ẨN ĐỘ (Biên khảo, 1969)
NGỤ NGÔN (Biên khảo, 1969)
VÀO THIÊN (Tùy bút, 1970)
SÀU MÂY (Truyện dài, 1970)
CON CÁ MẮC CẠN (Truyện ngắn, 1971)
TRÁI ĐẮNG TRƯỜNG SINH (Truyện ngắn, 1971)
CÚI ĐẦU (Tân truyện, 1972)
THẦN THOẠI NHẬT BẢN, CHÂU ĐẠI DƯƠNG, HY LẠP, BẮC ÂU
(Biên khảo, 1972)
THẦN THOẠI VIỆT NAM-TRUNG HOA (Biên khảo, 1972)
VĂN HỌC VÀ TIỂU THUYẾT (Biên khảo, 1972)
CON KỶ LÂN CUỐI CÙNG (Truyện dịch, The Last Unicorn
của Peter S. Beagle, 1973)
ĐI (Truyện dài, 1982)
MÌNH LẠI SOI MÌNH (Truyện dài, 1995)
NGƯỜI VÁI TỬ PHƯƠNG (Truyện dài, 1995)
DẤU CHÂN CÁT XÓA (Truyện dài, 1995)
CỎ ĐÙM (Truyện dài, 1997)

In tại XpressPrint, California, Hoa Kỳ
2017